

## *Quyển 51*

### **Thứ 1. NĂM THỨC THÂN TƯƠNG ỨNG ĐỊA**

### **Thứ 2. Ý ĐỊA**

### **Phần 1**

Như vậy đã thuyết phần Bản địa, kế sẽ thuyết phần **Quyết trạch thiện xảo các địa**. Quyết trạch thiện xảo ở đây, chính là nương sự khéo hỏi đáp ở tất cả địa. Nay trước sẽ thuyết quyết trạch Năm thức thân địa và Ý địa.

**Hỏi:** Trước đã thuyết về chủng tử y tức là A-lại-da thức, nhưng chưa thuyết nhân duyên có chi hữu và nghĩa phân biệt rộng. Cớ sao không thuyết? Duyên nào biết có hữu? Nghĩa rộng phân biệt nên biết thế nào?

**Đáp:** Do kiến lập đây, Phật Thế Tôn đã mật ký là rất thâm sâu, cho nên không thuyết. Như Thế Tôn dạy:

*A-đà-na thức rất vi tế*

*Tất cả chủng tử như dòng chảy*

*Ta chẳng vì ngu phu khai diễn*

*Sợ kia phân biệt chấp là ngã.*

Lại nữa, Ót-Đà-Nam nói:

*Chấp thọ, đầu, rõ ràng*

*Chủng tử, nghiệp, thân thọ*

*Vô tâm định, mạng chung*

*Đều không, không đúng lý.*

Do tám chủng tướng chứng minh chắc chắn có A-lại-da thức: **1.** Nếu lìa A-lại-da thức mà có chỗ nương lãnh thọ giữ gìn, thì không đúng đạo lý; **2.** Mà ban đầu có sự sanh khởi, thì không đúng đạo lý; **3.** Mà có tánh rõ ràng, thì không đúng đạo lý; **4.** Mà có tánh chủng tử, thì không đúng đạo lý; **5.** Mà có nghiệp dụng sai biệt, thì không đúng đạo lý; **6.** Mà có thân thọ sai biệt, thì không đúng đạo lý; **7.** Mà có vô tâm định, thì không đúng đạo lý; **8.** Mà mạng chung có thức, thì không đúng đạo lý.

**1.** *Cớ sao không có A-lại-da thức mà có chỗ nương lãnh thọ giữ gìn thì không đúng đạo lý? Có năm nguyên nhân. Những gì là năm? A-lại-da thức của đời trước tạo tác hành nghiệp làm nhân. Như chuyển thức nhãn... ở đời hiện tại thì các duyên làm nhân, như nói: Vì căn và cảnh giới, lực tác ý*

nên các chuyển thức sanh, cho đến nói rộng. Đây gọi là nguyên nhân ban đầu.

Lại, sáu thức thân có tánh thiện, bất thiện... khả đắc. Đây là nguyên nhân thứ hai.

Lại, sáu thức thân nhiếp thuộc dị thực loại không che đậy, không ghi nhớ thì không thể có việc ấy. Đây là nguyên nhân thứ ba.

Lại, sáu thức thân mỗi loại nương y sai biệt mà chuyển. Ở nơi kia, nương y kia, thức chuyển. Vậy tức sở y của kia mà lại có cái lẽ lãnh thọ giữ gìn hoặc không lãnh thọ giữ gìn, đều không đúng đạo lý. Giả sử chấp nhận cho sở y kia có chấp thọ giữ gìn, cũng không đúng đạo lý. Vì có sao? Vì xa lìa thức vậy. Đây là nguyên nhân thứ tư.

Lại, chỗ nương tựa mà thành lớp lớp lãnh thọ thì có lỗi. Vì có sao? Vì ví như nhãn thức kia có lúc chuyển, có lúc không chuyển. Các thức khác cũng vậy. Đây là nguyên nhân thứ năm.

Như vậy, vì nghiệp trước và duyên hiện tại dùng làm nhân; vì tánh thiện, bất thiện... khả đắc; vì chủng loại dị thực chẳng thể có được; vì sở y các thức riêng biệt chuyển; vì lỗi nương tựa nên thành lớp lớp lãnh thọ, tất cả đều không đúng đạo lý.

**2. Có sao không có A-lại-da thức mà ban đầu có sự sanh khởi thì không đúng đạo lý? Có người hỏi như vậy: “Nếu quyết định có A-lại-da thức, tức lẽ phải có hai thức đồng thời sanh khởi?”. Lúc ấy nên bảo kia rằng: “Ông ở nơi không lỗi mà sanh tưởng hư vọng thành lỗi. Vì có sao? Vẫn có hai thức đồng thời chuyển vậy. Tại sao? Vì như có người đồng thời muốn thấy cho đến muốn biết, theo đó có một thức sanh khởi trước hết, thì không đúng đạo lý. Bởi người kia bấy giờ không tác ý riêng hoặc thấy, hoặc biết. Căn, cảnh cũng vậy. Vậy lấy nhân duyên nào mà thức không đồng chuyển?”.**

**3. Có sao không có các thức đồng chuyển cùng nhãn thức... đồng hành ý thức, thì chẳng thể được tánh thể rõ ràng? Nếu có lúc nhớ lại cảnh đã từng thọ nhận ở quá khứ, bấy giờ ý thức hành không rõ ràng. Điều này không xảy ra nếu ở cảnh hiện tại, tức lúc bấy giờ ý hành rõ ràng. Cho nên cần tin các thức đồng chuyển, hoặc ý thức tánh không rõ ràng.**

**4. Có sao không có A-lại-da thức mà có tánh chủng tử thì không đúng đạo lý? Vì sáu thức thân triển chuyển sai khác. Vì sao như thế? Giả sử cho**

là từ thiện không gián đoạn, tánh bất thiện sanh; bất thiện không gián đoạn, tánh thiện sanh; từ hai tánh không gián đoạn, tánh vô ký sanh. Hoặ cho là giới kém không gián đoạn, giới trung sanh; giới trung không gián đoạn, giới diệu sanh; giới diệu không gián đoạn, giới kém sanh. Hoặ cho là hữu lậu không gián đoạn, vô lậu sanh; vô lậu không gián đoạn, hữu lậu sanh. Hoặ cho là thế gian không gián đoạn, xuất thế gian sanh; xuất thế gian không gián đoạn, thế gian sanh. Tướng không có tánh chủng tử như vậy thì không đúng đạo lý.

Lại các thức kia bị gián đoạn thời gian lâu dài, chẳng lẽ trường thời tương tục lưu chuyển, thì đây cũng không đúng đạo lý.

5. *Cớ sao không có các thức đồng chuyển mà có nghiệp dụng sai biệt thì không đúng đạo lý?* Nếu lược thuyết có 4 chủng nghiệp: 1. Nghiệp liễu biệt khí; 2. Nghiệp liễu biệt y; 3. Nghiệp liễu biệt ngã; 4. Nghiệp liễu biệt cảnh. Các liễu biệt đây, sát-na sát-na đồng chuyển khả đắc. Cho nên một thức ở một sát-na mà có tất cả nghiệp dụng sai biệt như trên, thì không đúng đạo lý.

6. *Cớ sao không có A-lại-da thức mà lại có*

*thân thọ sai khác thì chẳng xứng đạo lý?* Như có người hoặc suy nghĩ như lý, hoặc suy nghĩ không như lý, hoặc không suy ngẫm, hoặc tùy tâm tứ, hoặc tâm nơi định, hoặc tâm không tại định. Khi đó nơi thân phát khởi các sự lãnh thọ, chẳng phải một chủng mà nhiều chủng chủng sai khác. Cho nên A-lại-da thức kia lẽ không hiện hữu, mà hiện khả đắc. Do đây quyết chắc là có A-lại-da thức.

**7.** *Cớ sao không có A-lại-da thức mà có vô tâm định thì không đúng đạo lý?* Hoặc nhập Vô tướng định, hoặc nhập Diệt tận định, lẽ giống như xả mạng, thức lìa nơi thân, chẳng phải chẳng lìa thân. Nhưng Thế Tôn thuyết: “Đương lúc bấy giờ thức không lìa thân”.

**8.** *Cớ sao không có A-lại-da thức mà có thức lúc mạng chung thì không đúng đạo lý?* Lúc lâm chung, hoặc từ phần thân trên, hoặc từ phần thân dưới, thức dần dần xả ly, cảm giác lạnh dần dần khởi, nhưng chẳng phải không có ý thức kia chuyển. Nên biết lúc ấy duy có A-lại-da thức năng chấp trì thân. Nếu thức đây xả ly, tức là thân phần bị lạnh, thân không cảm thọ nhận biết, ý thức cũng vậy. Cho nên không có A-lại-da thức thì không đúng đạo lý.

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

*Sở duyên, hoặc tương ưng  
Lại duyên tánh xoay vần  
Các thức thấy đồng chuyển  
Tập nhiễm ô, hoàn diệt.*

Nếu lược thuyết thì A-lại-da thức do 4 chủng tướng kiến lập lưu chuyển và 1 chủng tướng kiến lập hoàn diệt.

**1. Bốn tướng kiến lập lưu chuyển:** a. Do kiến lập sở duyên chuyển; b. Do kiến lập tương ưng chuyển; c. Do kiến lập xoay vần làm tánh duyên chuyển; d. Do kiến lập các thức đồng chuyển chuyển.

**a. Sao gọi là kiến lập tướng sở duyên chuyển?**

Nếu nói lược thì A-lại-da thức do ở nơi hai chủng cảnh sở duyên chuyển: 1. Do liễu biệt chấp thọ bên trong; 2. Do liễu biệt tướng khí không phân biệt bên ngoài.

Liễu biệt chấp thọ bên trong tức là năng liễu biệt tự tánh biến kế sở chấp, tập khí sở chấp hư vọng và các sắc căn, sở y xứ của căn. Đây là ở Hữu sắc giới. Còn ở Vô sắc giới chỉ có liễu biệt tập khí chấp thọ.

Liễu biệt tướng khí không phân biệt bên ngoài tức là vì A-lại-da thức năng liễu biệt nương vào duyên chấp thọ bên trong, ở tất cả thời không có gián đoạn tướng khí thế gian. Ví như đèn khi phát sanh ngọn lửa, thì bên trong có tim, bên ngoài phát ánh sáng. A-lại-da-thức nên biết cũng vậy, duyên chấp thọ bên trong và duyên tướng khí bên ngoài mà sanh khởi nên biết đạo lý cũng vậy.

Lại A-lại-da thức duyên cảnh vi tế, vì người thông huệ thế gian cũng khó rõ biết.

Lại A-lại-da thức duyên cảnh không bị tan hoại, thời gian cũng không bị biến đổi. Vì cơ sao? Bởi lẽ từ sát-na chấp thọ đầu tiên cho đến lúc mạng chung, chỉ triển chuyển theo một vị liễu biệt.

Lại A-lại-da thức ở nơi cảnh sở duyên niệm niệm sanh diệt, nên biết sát-na tương tục lưu chuyển, chẳng phải một, chẳng phải thường.

Lại A-lại-da thức ở trong Dục giới duyên cảnh chấp thọ nhỏ hẹp. Ở trong Sắc giới duyên cảnh chấp thọ rộng lớn. Ở Vô sắc giới duyên cảnh chấp thọ vô lượng. Ở Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ duyên cảnh chấp thọ vi tế. Ở Phi tướng phi phi tướng xứ duyên cảnh chấp thọ cực vi tế.



Như vậy, vì liễu biệt hai chủng sở duyên, vì liễu biệt ở nơi cảnh sở duyên vi tế, vì liễu biệt tương tự, vì liễu biệt sát-na, vì liễu biệt sở duyên nhỏ hẹp, vì liễu biệt sở duyên chấp thọ rộng lớn, vì liễu biệt sở duyên chấp thọ vô lượng, vì liễu biệt sở duyên chấp thọ vi tế, vì liễu biệt sở duyên chấp thọ cực vi tế, nên biết kiến lập tướng A-lại-da thức sở duyên chuyển.

**b. Sao gọi là kiến lập tướng tương ứng chuyển?**

Đó là A-lại-da thức cùng tương ứng với năm tâm biến hành, thường cùng tương ứng với pháp đây. Năm tâm là tác ý, xúc, thọ, tưởng, tư. Năm pháp như vậy cũng chỉ nhiếp thuộc dị thực, tối cực vi tế, vì người thông huệ thế gian cũng khó rõ biết, cũng thường chuyển theo một loại cảnh duyên.

Lại, A-lại-da thức tương ứng thọ không khổ không lạc, một hướng nhiếp thuộc tánh vô ký. Nên biết tướng sở hành của tâm khác cũng vậy.

Như vậy, vì tương ứng tâm biến hành, vì tương ứng với một loại dị thực, vì chuyển tương ứng với cực vi tế, vì thường chuyển tương ứng với một loại duyên cảnh, vì tương ứng không khổ không lạc, vì tương ứng một hướng vô ký, nên biết kiến lập

tướng A-lại-da thức tương ưng chuyển.

c. Sao gọi là kiến lập tướng xoay vần làm tánh duyên chuyển? A-lại-da thức cùng các chuyển thức làm hai tánh duyên: 1. Vì làm chủng tử của kia; 2. Vì làm sở y của kia.

Làm chủng tử: tức là khi sở hữu các chuyển thức thiện, bất thiện, vô ký triển chuyển, tất cả đều lấy A-lại-da thức làm chủng tử.

Làm sở y: do A-lại-da thức chấp thọ sắc căn, nắm chủng thức thân nương đó mà chuyển, chẳng phải không chấp thọ. Lại do có A-lại-da thức nên có Mạt-na. Do Mạt-na đây làm chỗ nương mà ý thức được chuyển, ví như nương nơi nắm căn như nhãn... mà nắm thức thân chuyển, chẳng thể không có nắm căn. Ý thức cũng vậy, chẳng thể không có ý căn.

Lại, các chuyển thức cùng A-lại-da thức làm hai tánh duyên: 1. Ở hiện pháp trưởng dưỡng chủng tử kia; 2. Ở hậu pháp, vì kia được sanh, lại thu nhiếp nuôi dưỡng chủng tử của kia.

Ở hiện pháp trưởng dưỡng chủng tử kia: tức là khi y chỉ A-lại-da thức và các thức thiện, bất thiện, vô ký triển chuyển, bấy giờ ở nơi một y chỉ như thế như thế đồng sanh đồng diệt, huân tập A-lại-da

thức. Do nhân duyên đây, về sau các chuyển thức tánh hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký triển chuyển càng thêm tăng trưởng, càng thêm mạnh mẽ và minh bạch rõ ràng hơn.

Ở hậu pháp, vì kia được sanh, lại được thu nhiếp nuôi dưỡng chủng tử: tức là chủng loại của kia huân tập năng dẫn phát thân nhiếp dị thực vô ký A-lại-da thức ở đời vị lai.

Như vậy, vì chủng tử kia, vì sở y kia, vì trưởng dưỡng chủng tử, vì thân nhiếp nuôi dưỡng chủng tử, do vậy nên biết kiến lập tướng A-lại-da thức cùng các chuyển thức xoay vần làm tánh duyên chuyển.

**d.** Sao gọi là kiến lập tướng A-lại-da thức cùng các chuyển thức đồng chuyển mà triển chuyển? A-lại-da thức có lúc chỉ cùng một chủng chuyển thức đồng chuyển, đó là Mạt-na. Vì có sao? Do Mạt-na đây, ngã kiến, mạn... thường cùng tương ưng với hành tướng tư duy suy lường hoặc vị hữu tâm, hoặc vị vô tâm, thường cùng A-lại-da thức một thời đồng chuyển. Duyên A-lại-da thức lấy làm cảnh giới, chấp ngã, khởi mạn, hành tướng tự đui suy lường. Hoặc có lúc cùng hai chuyển thức đồng chuyển, đó

là Mạt-na và ý thức. Hoặc có lúc cùng ba chuyển thức đồng chuyển, đó là Mạt-na, ý thức và tùy một trong năm thức thân chuyển. Hoặc có lúc cùng bốn chuyển thức đồng chuyển, đó là Mạt-na, ý thức và tùy hai trong năm thức thân chuyển. Hoặc có lúc cùng bảy chuyển thức đồng chuyển, đó là lúc Mạt-na, ý thức và năm thức thân hòa hợp chuyển.

Lại ý thức lấy Mạt-na nhiễm ô làm chỗ nương. Lúc kia chưa diệt thì liễu biệt ràng buộc lẫn nhau, chẳng thể giải thoát. Mạt-na diệt rồi, giải thoát khỏi sự ràng buộc lẫn nhau.

Lại ý thức năng duyên cảnh khác và duyên tự cảnh. Duyên cảnh khác tức là cảnh giới sở duyên của năm thức thân, hoặc vội gấp, hoặc thông thả. Duyên tự cảnh tức là duyên pháp làm cảnh.

Lại, A-lại-da thức hoặc có lúc cùng thọ khổ, thọ lạc, thọ không khổ không lạc đồng thời mà chuyển. Thọ đây cùng chuyển thức tương ứng, nương kia mà khởi. Đó là hoặc ở trong cõi người, trời Dục giới, hoặc ở một phần trong quỷ, bàng sanh, đồng sanh thọ không khổ không lạc cùng với chuyển thức tương ứng thọ khổ, thọ lạc, thọ không khổ không lạc xen tạp lẫn nhau đồng chuyển. Hoặc

trong hết thấy địa ngục bị cái khác che khuất, thọ không khổ không lạc cùng với thọ thuần khổ không tạp đồng thời mà chuyển. Nên biết thọ đây vì bị che khuất nên khó có thể rõ biết. Như trong hết thấy địa ngục đồng chuyển một hướng là thọ khổ. Như vậy ở địa Đệ tam tinh lự đồng chuyển theo một hướng là thọ lạc. Ở địa Đệ tứ tinh lự cho đến hữu đảnh đồng chuyển theo một hướng là thọ không khổ không lạc.

Lại, A-lại-da thức hoặc có lúc cùng chuyển thức tương ứng các tâm pháp thiện, bất thiện, vô ký đồng thời mà chuyển.

Như vậy, A-lại-da thức tuy cùng với các chuyển thức đồng thời mà chuyển, cũng dung chứa lãnh thọ, cũng dung chứa tâm pháp thiện, bất thiện, vô ký đồng thời mà chuyển, nhưng chẳng thể nói A-lại-da thức cùng tương ứng tất cả kia. Vì cơ sao? Do chẳng cùng kia đồng duyên chuyển vậy. Như nhãn thức tuy cùng nhãn căn đồng chuyển, nhưng chẳng tương ứng nhãn căn. Đạo lý A-lại-da thức đây cũng lại như vậy. Nên biết trong đây nương đạo lý chút phần tương tự mà lấy làm ví dụ.

Lại như các pháp tâm sở, tuy tánh tâm pháp

không có sai biệt, nhưng vì tướng khác, ở trong một thân đồng chuyển một lúc, xoay vần không trái nhau. Như vậy ở trong một thân, A-lại-da thức cùng các chuyển thức một lúc đồng chuyển, nên biết xoay vần cũng không trái nhau. Lại như một dòng nước mạnh, có nhiều sóng xao động đồng chuyển một lúc, xoay vần không trái nhau. Lại như mặt gương sáng sạch, có nhiều ảnh tượng một lúc hiện trên mặt gương mà không chống trái nhau. Như vậy, ở nơi một A-lại-da thức có nhiều chuyển thức đồng chuyển một lúc, nên biết xoay vần cũng không trái nhau.

Lại như một nhãn thức, ở một thời gian, ở một cảnh sự, hoặc có lúc chỉ thủ lấy một loại tướng sắc, không tướng sắc khác; hoặc có lúc một thoáng thủ lấy không phải một mà là chủng chủng tướng xúc. Như nhãn thức đối với các sắc, thì nhĩ thức đối với các thanh, tỷ thức đối với các hương, thiệt thức đối với các vị cũng lại như vậy. Lại như thân thức, ở một thời gian, ở một cảnh sự, hoặc có lúc chỉ thủ lấy một loại tướng xúc, không tướng xúc khác; hoặc có lúc một thoáng thủ lấy không phải một mà là chủng chủng tướng xúc. Như thế ý thức

phân biệt, ở một thời gian, ở một cảnh sự, hoặc có lúc chỉ thủ lấy một loại tướng cảnh, không tướng cảnh khác; hoặc có lúc một thoáng thủ lấy không phải một mà là chủng chủng tướng xúc. Nên biết đạo lý cũng không trái nhau.

Lại như trước đã thuyết, A-lại-da thức cùng Mạt-na đồng chuyển cho đến chưa đoạn dứt, nên biết thường cùng đồng sanh, nhậm vận tương ưng đồng thời với bốn chủng phiền não là thân kiến, ngã mạn, ngã ái và vô minh. Bốn chủng phiền não đây hoặc ở định địa, hoặc ở bất định địa, nên biết thường hành chuyển không chống trái với tướng thiện... Đây là tánh có che đậy không ghi nhớ.

Như vậy, vì A-lại-da thức cùng chuyển thức đồng chuyển, vì cùng các thọ đồng chuyển, vì cùng các thiện... đồng chuyển, do đây nên biết kiến lập tướng A-lại-da thức đồng chuyển mà triển chuyển.

**2. Một tướng kiến lập hoàn diệt:** Nên biết tức là do tạp nhiễm chuyển và hoàn diệt chuyển kiến lập hoàn diệt.

Nói tóm lược thì A-lại-da thức là căn bản của tất cả tạp nhiễm. Vì cơ sao? Do thức đây là căn bản

khiến hữu tình thế gian sanh khởi, năng sanh các căn, sở y xứ của căn và chuyển thức..

Lại thức đây cũng là căn bản khiến khí thế gian sanh khởi. Vì có sao? Do năng khiến khí thế gian sanh khởi.

Lại thức đây cũng là căn bản khiến hữu tình xoay vần sanh khởi. Vì có sao? Do tất cả hữu tình gặp gỡ xoay vần làm tăng thượng duyên. Ở tất cả thời, nếu không có hữu tình này cùng hữu tình khác gặp gỡ qua lại lẫn nhau, thì đã chẳng sanh tướng thọ dụng khổ vui sai khác. Do đạo lý đây, nên biết hữu tình giới xoay vần tăng thượng duyên.

Lại A-lại-da thức đây năng nắm giữ tất cả chủng tử pháp, ở đời hiện tại là thể khổ đế, cũng là nhân sanh khổ đế ở đời vị lai, lại là nhân sanh tập đế ở hiện tại.

Như vậy, vì năng sanh hữu tình thế gian, vì năng sanh khí thế gian, vì là thể khổ đế, vì năng sanh khổ đế ở đời vị lai, vì năng sanh tập đế ở đời hiện tại, do đây nên biết A-lại-da thức là căn bản của tất cả tạp nhiễm.

Lại, A-lại-da thức thu nhiếp giữ gìn tất cả chủng tử thiện pháp thuận phần giải thoát và thuận



phần quyết trạch... chẳng phải nhân tập đế. Vì thiện căn thuận phần giải thoát... trái với tướng lưu chuyển, vì sở hữu nhân thiện căn khác của thế gian đây sanh khởi, lại triển chuyển càng thêm thịnh sáng, do nhân duyên đây, A-lại-da thức nhiếp thọ loại chủng tử của chính nó có công năng triển chuyển, có thể lực triển chuyển tăng trưởng chủng tử khiến nhanh chóng được thành lập. Lại do chủng tử đây, các thiện pháp kia chuyển thêm thịnh sáng mà sanh khởi. Lại năng chiêu cảm các quả dị thực khả ái khả lạc chuyển tăng mạnh, chuyển thắng vượt ở đời vị lai.

Lại vì nương tất cả chủng tử A-lại-da thức đây mà đức Thế Tôn thuyết có nhân giới, sắc giới, nhãn thức giới, cho đến có ý giới, pháp giới, ý thức giới, vì trong A-lại-da thức có chủng chủng giới vậy. Lại như Kinh Ác-xoa Tụ Dụ đã thuyết, vì trong A-lại-da thức tích chứa nhiều giới vậy.

Lại A-lại-da thức tập nhiễm căn bản đây, nếu dùng phương tiện tu tập thiện pháp mới được chuyển diệt. Tu tập thiện pháp đây, nếu các dị sanh lấy duyên chuyển thức làm cảnh tác ý, phương tiện trụ tâm, thì năng nhập thánh đế hiện quán đầu tiên.

Người chưa kiến đế, ở trong các đế chưa được pháp nhãn, thì không thể thông đạt tất cả chủng tử A-lại-da thức. Người chưa kiến đế đây đã tu hành như vậy, hoặc nhập Thanh văn chánh tánh ly sanh, hoặc nhập Bồ-tát chánh tánh ly sanh. Sau khi đã thấu đạt tất cả pháp chân pháp giới, cũng năng thông đạt A-lại-da thức, đương lúc bấy giờ năng tổng quán sát sở hữu tất cả tạp nhiễm bên trong của mình, cũng năng rõ biết tự thân bên ngoài bị sự trói buộc của tướng phược, bên trong bị sự trói buộc của thô trọng phược.

Lại người tu quán hành, vì lấy A-lại-da thức chính là tất cả hý luận, nhiếp lấy các hành của các cõi. Thâu tóm các hành kia ở trong A-lại-da thức, chung là một đoàn, một tập, một tụ. Đã kết thành một tụ, do dụng trí duyên cảnh chân như tu tập, nhiều tu tập mà được chuyển y. Chuyển y không gián đoạn, nên nói đã đoạn A-lại-da thức. Do đoạn đây, nên nói đã đoạn tất cả tạp nhiễm. Nên biết chuyển y là do đối nghịch với A-lại-da thức, nên năng đối trị A-lại-da thức. Lại thể của A-lại-da thức là vô thường, tánh có chấp thủ lãnh thọ. Chuyển y là thường, tánh không chấp thủ lãnh

thọ, vì chỉ duyên cảnh chân như thánh đạo mới năng chuyển y vậy.

Lại A-lại-da thức là tất cả thô trọng đui theo, còn chuyển y rốt ráo xa lia tất cả thô trọng.

Lại A-lại-da thức là nhân phiền não chuyển, nhân thánh đạo chẳng chuyển. Chuyển y thì nhân phiền não chẳng chuyển, nhân thánh đạo chuyển. Lẽ phải biết chỉ là kiến lập tánh nhân, chẳng phải tánh nhân sanh khởi.

Lại A-lại-da thức khiến chẳng được tự tại ở trong pháp thiện tịnh, vô ký. Chuyển y khiến được đại tự tại ở trong tất cả pháp thiện tịnh, vô ký.

Lại, tướng A-lại-da thức đoạn diệt tức là vì thức đây chánh đoạn diệt, nên xả hai chủng chấp thủ. Bấy giờ tuy trụ nơi thân mà giống như biến hóa. Vì cố sao? Vì đoạn nhân khổ hậu hữu ở đời đương lai, liền xả chấp thủ hậu hữu đương lai. Vì vĩnh viễn đoạn tất cả nhân phiền não ở hiện pháp, liền xả tất cả tạp nhiễm chấp thủ của sở y hiện pháp. Vì vĩnh viễn xa lia tất cả thô trọng, chỉ có mạng duyên tạm thời được trụ. Do có hữu đây, trong Khế kinh thuyết: “Bấy giờ chỉ có lãnh thọ giới hạn thọ của thân, giới hạn thọ của mạng, nói

rộng cho đến ở trong hiện pháp tất cả sở thọ rất ráo diệt tận”.

Như vậy, vì kiến lập căn bản tạp nhiễm, vì thú nhập thông đạt tác ý tu tập, vì kiến lập chuyển y, do đây nên biết kiến lập tướng A-lại-da thức tạp nhiễm, hoàn diệt.

Như vậy đã nương thẳng nghĩa đạo lý kiến lập tên gọi, nghĩa sai biệt của tâm, ý, thức. Do đạo lý đây nên theo đó hiểu rõ hết thấy đạo lý tạp nhiễm, thanh tịnh của tâm ý thức trong ba cõi... Ngoài đây ra, sự hiển bày lý của tâm, ý, thức ở chỗ khác chỉ tùy theo sự giáo hóa hữu tình sai biệt mà được kiến lập. Vì muốn giáo hóa hữu tình có huệ hạp kém, nên dùng quyền phương tiện khiến kia dễ thu nhập.

**Hỏi:** Nếu thành tựu A-lại-da thức, cũng thành tựu chuyển thức ư? Giả sử thành tựu chuyển thức, cũng thành tựu A-lại-da thức ư?

**Đáp:** Nên tác bốn câu. Hoặc có dạng thành tựu A-lại-da thức chẳng phải chuyển thức, đó là dạng vô tâm thù miên, vô tâm mê muội, nhập Vô tướng định, nhập Diệt tận định, sanh trời Vô tướng. Hoặc có dạng thành tựu chuyển thức, chẳng phải A-lại-da thức, đó là bậc A-la-hán, hoặc bậc Độc

giác, hoặc chư Bồ-tát bất thối và chư Như Lai trụ vị hữu tâm. Hoặc có dạng đều thành tựu cả hai, đó là hữu tình còn lại trụ vị hữu tâm. Hoặc có dạng không thành tựu cả hai, đó là bậc A-la-hán, hoặc bậc Độc giác, hoặc chư Bồ-tát bất thối và chư Như Lai nhập Diệt tận định, hướng đến Vô dư y Bát-niết-bàn giới.

**Hỏi:** Tụ tánh các pháp trong ngoài, mỗi mỗi trụ tụ tướng phân chia riêng khác, nhân duyên nào trong mười tám giới chỉ kiến lập tụ tánh của sáu thức giới? Các giới còn lại là sở y, sở duyên, trợ bạn của sáu thức giới kia mà được kiến lập ư?

**Đáp:** Do sáu thức giới ở trong niệm, nháy mắt, hơi thở, phút chốc, đêm ngày... nhanh chóng chuyển biến; nương giá duyên kia, nương nhân căn... duyên cảnh sắc... dụng các tâm sở lấy làm trợ bạn, chẳng phải một mà nhiều chủng chủng sanh khởi. Do nương vô lượng duyên kia kia mà được sanh, nên được vô lượng tên gọi. Thí như lửa nương duyên kia kia mà bốc cháy mạnh mẽ, bấy giờ liền có vô số tên gọi. Tức là lửa kia nhờ cỏ, cây, phân bò, mặt cưa làm duyên mà cháy mạnh, bấy giờ liền có vô số tên gọi là lửa cỏ cho đến lửa mặt cưa. Như vậy vì

nhãn, sắc dùng làm duyên, nên nhãn thức được sanh, do đó có vô số tên gọi nhãn thức, nói rộng cho đến vô số tên gọi ý thức. Nếu tự tánh nhãn giới... kia kia từ ban đầu sanh rồi, tức tự tánh tương tự kia kia sanh khởi, triển chuyển tương tục, theo đó chuyển rất ráo. Lại có loại thức mượn nhờ duyên kia kia, nên chủng chủng tự tánh sai biệt sanh khởi. Cho nên kiến lập tự tánh thức giới. Các giới còn lại vì làm sở duyên, sở y, trợ bạn cho kia mà được kiến lập.

Lại nữa, nay sẽ biện **biết khắp thức thân**.

**Hỏi:** Khi Bí-sô thực hành thanh tịnh tâm, có bao nhiêu chủng tướng biết khắp tâm?

**Đáp:** Nói lược có ba chủng tướng: 1. Tướng vui đắm tạt nhiễm; 2. Tướng lỗi lầm tai họa của tạt nhiễm; 3. Tướng phương tiện thiện xảo khiến tạt nhiễm được đoạn trừ.

Sao gọi là Bí-sô thực hành thanh tịnh tâm, biết khắp tướng vui đắm tạt nhiễm của tự tâm? Bí-sô khởi nghĩ như vậy: “Nay tâm ta đây đêm dài vui đắm ở nơi các tạt nhiễm”. Đã tự biết rồi, liền từ bỏ tánh tham, tâm dừng nghỉ, an trụ nơi tánh là

tham. Nếu khi ấy tâm không thể an trụ, cũng không vui thích nơi tánh lìa tham, thì không duyên điều khác, chỉ nhanh chóng trở lại nhập vào rong ruổi trong tánh tham kia. Như tự biết tánh có tham, thì tự biết tánh có sân, si, hạ liệt, trạo cử, không tịch tĩnh, tán loạn, cho đến tánh vui đấm phóng dật... liền từ bỏ, tâm dừng nghỉ, an trụ tinh cần tu tập các thiện pháp. Nếu khi ấy tâm không thể an trụ, cũng không vui thích siêng tu thiện pháp, thì không duyên điều khác, chỉ nhanh chóng trở lại nhập vào rong ruổi trong tánh si kia, cho đến trong tánh vui đấm phóng dật. Như vậy gọi là Bí-sô thực hành thanh tịnh nơi tâm biết khắp tướng vui đấm tạp nhiễm của tự tâm.

Sau khi biết khắp rồi, Bí-sô thực hành thanh tịnh nơi tâm lại năng biết khắp tướng lỗi lầm tai họa của tạp nhiễm, khởi nghĩ như vậy: “Tâm ta hiện tại có tham khiến tổn hại mình, tổn hại người, tổn hại cả hai; khiến hiện pháp sanh tội, hậu pháp sanh tội, cho đến hiện pháp, hậu pháp sanh tội; lại năng làm duyên khiến thân tâm ưu khổ”. Như khởi nghĩ ở nơi tánh có tham, cho đến khởi nghĩ ở nơi tánh vui đấm phóng dật nên biết cũng

vậy. Lại khởi nghĩ như vậy: “Vì tâm có tham dấy cho đến tâm vui đấm phóng dật dấy, mà có lỗi lầm, có tật bệnh, có hoạnh tử, có tai họa, có ưu não”.

Sau khi biết khắp tướng lỗi lầm tai họa của tạp nhiễm nơi tự tâm, lại năng biết khắp tướng phương tiện thiện xảo khiến tạp nhiễm nơi tâm được đoạn trừ. Tức là khởi nghĩ như vậy: “Ta nay không được thuận theo tạp nhiễm lỗi lầm có tật bệnh, có hoạnh tử, có tai họa, có ưu não. Nếu tâm tự tại chuyển theo kia, tất khiến tâm ta thuận theo thế lực của ngã mà chuyển”. Vị kia đã rõ biết như vậy, lại tiếp tục luôn luôn tinh cần, ở nơi tâm có tham, xả tánh có tham, vui thích an trụ nơi tánh không tham, lại thấy được công đức thù thắng của việc kia, cho đến xả tánh vui đấm phóng dật, vui thích an trụ siêng tu tập các thiện pháp, lại thấy được công đức thù thắng của việc kia.

Vị kia đã nhiều an trụ hành như vậy, bấy giờ nơi tâm chẳng do tinh cần mà tự nhiên vui thích an trụ siêng tu tập các thiện pháp; đối với tánh tạp nhiễm mà trước kia vui thích thuận theo, rày sanh sâu chán lìa. Do nhân duyên đây, Bí-sô thực hành thanh tịnh tâm như thật rõ biết tâm mình đang vui



đắm theo tạp nhiễm, liền nhanh chóng hồi chuyển tánh, không chút do dự; lại năng khéo biết tâm tạp nhiễm có tánh lỗi lầm; lại năng khéo biết phương tiện thiện xảo khiến tâm tạp nhiễm kia được đoạn trừ. Tất cả điều trên khiến Bí-sô hành thanh tịnh tâm chóng năng chứng đắc tánh tâm thanh tịnh vô thượng, chỗ gọi các lậu vñh viñn tận.

Lại nữa, nay sẽ biện về **tâm thiện xảo sai biệt** và **chuyển tâm thiện xảo sai biệt**.

Đó là nương tự tánh biến kế sở chấp nên biết tâm thiện xảo sai biệt, nương tự tánh y tha khởi nên biết chuyển tâm thiện xảo sai biệt.

Lại, nếu người năng khéo léo huân tu tâm sẽ được 2 lợi ích thù thắng: 1. Ở thời quả được an lạc; 2. Ở thời nhân tự tại hành chuyển.

Lại người tâm hỗn loạn vẫn đực có 3 lỗi lầm: 1. Lỗi lầm do không như lý tác ý; 2. Lỗi lầm do tùy miên; 3. Lỗi lầm do triền sanh khởi.

**Hỏi:** Như Thế Tôn thuyết: “Phải ở nơi tâm khéo dñng mãnh sâu, như lý quán sát niệm trụ. Nhưng cần yếu phải ở nơi thân trụ quán tuần thân, cho đến ở nơi pháp trụ quán tuần pháp”. Đây có

mật ý gì?

Đáp: Vì hiển bốn niệm trụ chỉ cần quán sát tâm, đó là quán tâm chấp thọ, quán tâm lãnh nạp, quán tâm liễu biệt và quán tâm nhiễm tịnh. Chỉ vì quán sát tâm sở chấp thọ, tâm sở lãnh nạp, tâm liễu biệt cảnh và tâm nhiễm tịnh nên thuyết bốn niệm trụ.

Lại có các Bí-sô an trụ 3 chủng trụ, hành 6 chánh hạnh, tức là đối với lời dạy của Đại sư có nhiều sự thực hành.

Ba chủng trụ: 1. An trụ nơi trụ giải thoát; 2. An trụ nơi trụ giải thoát môn; 3. An trụ nơi trụ pháp năng dẫn giải thoát môn.

Sáu chánh hạnh: 1. Hành hạnh không gián đoạn; 2. Hành hạnh lãnh thọ khéo tư duy; 3. Hành hạnh tu tập dẫn thiện căn sanh khởi; 4. Hành hạnh xa lìa các ái vị, khéo phân tích chọn lọc; 5. Hành hạnh không tăng thượng mạn; 6. Hành hạnh chánh thọ dụng thanh tịnh.

Lại có 2 chủng xả thí: 1. Xả thí người thọ nhận; 2. Xả thí người thí cho. Quả thí cũng có 2 chủng: 1. Được giàu sang sung túc lớn; 2. Được thắng giải thọ dụng đẳng lưu.

Lại nữa, nay sẽ biện **chứng thành đạo lý**.

**Hỏi:** Nương đạo lý nào mà tuyên thuyết: “Các hành tướng sanh từ vị lai chẳng phải thật, chẳng phải có?”

Đáp: Giả sử hành tướng của pháp vị lai thật có mà được sanh, pháp đây vì chuyển mà nói sanh ư? Tức là từ nơi đời vị lai chuyển hướng đến nơi đời hiện tại, tức là ở vị lai chết rồi ở hiện tại sanh ư? Tức là đời vị lai chết, sanh đời hiện tại là kia làm duyên mà được sanh ư? Tức là pháp trụ ở vị lai không biến đổi, dụng kia làm duyên, ở đời hiện tại có pháp trụ khác, là có nghiệp dụng mà nói sanh ư? Tức là đời vị lai xưa không có nghiệp dụng, đến đời hiện tại mới có nghiệp dụng, là tướng viên mãn mà nói sanh ư? Tức là đời vị lai tướng chưa viên mãn, đến đời hiện tại tướng được viên mãn, là do tướng khác mà nói sanh ư? Tức là ở trong vị lai có phần vị lai và có phần nhân, do hai chủng đây tướng có sự khác nhau; lại đến hiện tại, có phần hiện tại và có phần quả, do hai chủng đây tướng có sự khác nhau mà nói sanh ư?

Như vậy 6 chủng khiến các pháp sanh khởi đều không đúng đạo lý. Vì cơ sao? Pháp chẳng

phải không phương không xứ mà có nghĩa từ phương khác chuyển đến phương khác; cũng chẳng phải pháp chưa sanh, chưa đã sanh mà có nghĩa chết.

Nếu kia làm duyên mà được sanh, thì pháp khác đây chẳng phải vị lai sanh, ở vị lai đây liền chưa là có.

Lại trong đệ nhất nghĩa, vì tất cả pháp không tác dụng, nên là nghiệp dụng tướng khác chẳng thể có được, chỉ tức nơi tướng mà giả kiến lập. Giả sử có tướng khác, thì vị lai, hiện tại đồng thật có tướng, mà chỉ nói hiện tại riêng có nghiệp dụng thì lý này bất khả đắc.

Lại nghiệp dụng đây liền lẽ xưa không mà nay được sanh, liền thành trái với ngôn thuyết vi diệu của Đức Thế Tôn: “Các hành chẳng phải thường, chẳng phải hằng”. Trong lúc ông lại hiển các hành nghiệp dụng vô thường. Do nghĩa đây, hành phải là thường.

Ở một tướng, nếu phần tướng khác được là có, cơ sao phần khác của tướng lại chẳng có? Lại phần tướng khác xưa không nay có, cơ sao phần khác của tướng lại chẳng thành xưa không nay có? Lại là tất cả hành tướng như sắc... phần vị lai khác tất

không thể đắc. Lại lẽ vị lai không có tướng quả, hiện tại mới có tướng quả sanh khởi.

Như vậy đã biện chứng thành đạo lý. Nương đạo lý đây nên biết tuyên thuyết: “Tất cả hành tướng của các pháp vị lai chẳng phải thật chẳng phải có, xưa không nay có”. Như đối với vị lai, thì quá khứ theo chỗ thích hợp do đạo lý đây đều tuyên thuyết chẳng phải thật, chẳng phải có.

Lại hành quá khứ thế nào? Là tướng đã diệt mất, tự tánh đã xả. Hành hiện tại thế nào? Là tướng chưa diệt mất, tự tánh chưa xả, lúc sanh tạm trụ. Hành vị lai thế nào? Là nhân hiện có, tự tướng chưa sanh, tự tánh chưa được.

**Hỏi:** Nếu các hành vị lai xưa không mà được sanh, thì có sao hoa đốm trong hư không, sừng thỏ, thạch nữ... chẳng sanh?

**Đáp:** Vì hoa đốm trong hư không... không có nhân sanh, còn tất cả các hành mỗi mỗi sai khác quyết định có nhân sanh.

**Hỏi:** Nếu tất cả hành mỗi mỗi có nhân sanh sai biệt, thì nhân duyên nào các hành không đồng thời sanh ngay?

**Đáp:** Tuy các hành có nhân sanh mỗi mỗi sai

biệt, nhưng phải đợi duyên mới được sanh khởi. Nếu duyên sanh của hành kia hiện tiền, nhân của hành kia mới sanh hành kia. Cho nên các hành tuy hiện có nhân, nhưng không thể cùng một lúc sanh khởi ngay.

Lại sao gọi là nhân các hành? Sao gọi là duyên? Đức Thế Tôn thuyết: “Duyên sanh các hành lược có 4 chủng: một là nhân duyên; hai là đẳng vô gián duyên; ba là sở duyên duyên; bốn là tăng tượng duyên”. Chủng nhân duyên thứ nhất cũng là nhân cũng là duyên. Ba chủng còn lại chỉ là duyên, chẳng phải nhân.

**1. Nhân duyên:** Là các sắc căn, chỗ căn nương tựa và thức. Hai đây lược nói năng giữ gìn tất cả chủng tử các pháp. Nếu đỗi theo sắc căn có các chủng tử sắc căn, chủng tử sắc pháp khác và tất cả chủng tử tâm, tâm pháp. Nếu đỗi theo thức có tất cả chủng tử thức và chủng tử pháp vô sắc khác, các chủng tử sắc căn và chủng tử sắc pháp còn lại. Nên biết tự tánh sắc pháp còn lại chỉ là sự đỗi theo của tự chủng tử, trừ đại chủng sắc. Do đại chủng sắc là sự đỗi theo của hai loại chủng tử, chỗ gọi là

chúng tử đại chúng và chúng tử sắc sở tạo. Kiến lập sự đuổi theo sai khác của các chúng tử tượng tục đây, tùy theo chỗ thích hợp mà pháp được sanh. Đây gọi là nhân duyên.

Lại nữa, nếu các sắc căn và tự đại chúng chẳng phải chỗ đuổi theo của chúng tử pháp tâm tâm sở, thì nhập Diệt tận định, nhập Vô tướng định, sanh trời Vô tướng, thời sau chẳng lẽ thức... lại sanh? Tất nhiên lại sanh. Cho nên phải biết chúng tử pháp tâm tâm sở đuổi theo sắc căn, lấy đây làm duyên, kia lại được sanh.

Lại nữa, nếu chúng tử phi sắc đuổi theo các thức, thì hàng dị sanh sanh ở Vô sắc giới thọ tận, nghiệp tận chết đi, lúc sanh trở lại cõi dưới, chúng tử vô sắc lẽ không sanh lại? Tất lẽ sanh. Cho nên nên biết chúng tử các sắc đuổi theo nơi thức, lấy đây làm duyên nên sắc pháp lại sanh.

Lại nữa, nếu các dị sanh do đạo thế gian nhập Sơ tinh lự được sanh cõi kia, bấy giờ các pháp nhiệm ô và chúng tử các pháp khác của Dục giới chỉ có thể tổn hại nhất thời, mà không thể vĩnh viễn hại diệt. Vì có sao? Do dị sanh đây từ định kia hoàn thối, nên pháp nhiệm ô của Dục giới trở lại hiện tiền, từ Sơ

tĩnh lự chết rồi sanh trở lại Dục giới.

Lại nữa, có ba chủng tổn phục: 1. Tổn phục do xa lìa; 2. Tổn phục do nhàm chán họa hoạn; 3. Tổn phục do Xa-ma-tha.

Sao gọi là tổn phục do xa lìa? Như có người xa lìa pháp tại gia hướng đến xuất gia, xa lìa chủng chúng thọ dụng dục mà thọ trì cấm giới. Ở trong hạnh viễn ly, thọ trì cấm giới, thân cận tu tập hoặc nhiều tu tập. Do thân cận tu tập, nhiều tu tập không gián đoạn, nên ở nơi các dục tâm không thú nhập, tâm không lưu tán, tâm không an trụ, tâm không vui đắm, cũng không phát khởi lực tăng thượng đối với các dục, cũng không duyên theo cảnh giới kia khiến sanh khởi phiền não. Đây gọi là tổn phục do xa lìa.

Sao gọi là tổn phục do nhàm chán họa hoạn? Như có một người do tưởng quá hoạn, hoặc do tưởng bất tịnh, hoặc do tưởng xanh bầm ứ thảy, hoặc do thuận theo một tác ý như lý... biết được họa hoạn của các dục kia, nên sanh nhàm chán. Tuy chưa ly dục, nhưng đối với các dục tu nhàm chán trái nghịch, tâm không thú nhập cho đến nói rộng. Như vậy gọi là tổn phục do nhàm chán họa hoạn.



Sao gọi là tổn phục do Xa-ma-tha? Như có một người do đạo thế gian, hoặc đắc ly dục Dục giới, hoặc đắc ly dục Sắc giới. Do tâm tương tục nhậm trì Xa-ma-tha, nên ở trong dục, sắc mà tâm không thú nhập, nói rộng như trên. Như vậy gọi là tổn phục do Xa-ma-tha.

Nếu Thánh đệ tử nương đạo xuất thế mà ly dục Dục giới, cho đến đều đắc ly dục của ba cõi, bấy giờ tất cả chủng tử pháp nhiễm ô của ba cõi thảy đều vĩnh viễn được đoạn trừ. Vì cố sao? Vì Thánh đệ tử ở trong hiện pháp không từ ly dục mà hoàn thối thất, hoặc lại hiện tiền phát khởi phiền não của địa dưới. Nếu sanh ở địa trên cũng không hoàn thối thất, khiến từ địa kia chết đi sanh trở lại địa dưới. Thí như vỏ thóc bên ngoài bao bọc hạt giống (chủng tử) bên trong, được để nơi khí hậu khô ráo hay trong kho trống. Tuy hạt thóc kia không sanh mầm, nhưng chẳng phải không có hạt giống bên trong. Nếu để trên lửa nấu chín, lúa kia bị hỏng, bấy giờ không thể thành hạt giống. Đạo lý tổn hại nhất thời (tổn phục) và vĩnh viễn hại diệt chủng tử bên trong của các pháp nên biết cũng vậy.

Nếu Thánh đệ tử lúc sắp nhập Vô dư Niết-bàn

giới, sở hữu tất cả chúng tử pháp thiện và vô ký đều bị tổn hại. Do chúng tử pháp nhiễm đoạn diệt, nên không trở lại chiêu cảm quả dị thực ở đời đương lai, cũng không lại năng sanh quả tự loại. Nên biết đây là tổn phục thứ tư, được gọi là tổn phục do vĩnh viễn hại diệt trợ bạn.

Lại kể đầy đủ phục, chỗ có tâm sanh khởi hoặc đồng hành vui, hoặc đồng hành khổ, hoặc đồng hành không khổ không vui. Tất cả tâm đây đều là sự theo đuổi của chúng tử vui, chúng tử khổ và chúng tử không khổ không vui. Nếu khởi tâm hoặc thiện, hoặc nhiễm ô, hoặc vô ký, thì tất cả tâm đây đều là sự đuổi theo của chúng tử thiện, chúng tử nhiễm ô và chúng tử vô ký.

Lại các bậc hữu học không đầy đủ phục, chỗ có tâm sanh khởi hoặc tâm thiện thế gian, hoặc tâm xuất thế, hoặc tâm nhiễm ô, hoặc tâm vô ký. Tất cả tâm đây đều là sự đuổi theo của tất cả chúng tử phiền não tu đạo sở đoạn. Do chưa đoạn, nên có lúc được sanh khởi, cũng là sự đuổi theo của chúng tử các pháp còn lại.

Lại các bậc vô học đã vĩnh viễn đoạn tất cả phiền não, chỗ có tâm sanh khởi hoặc tâm thiện

thế gian, hoặc tâm xuất thế, hoặc tâm vô ký. Tất cả tâm đây đều đã vĩnh viễn lìa chủng tử pháp nhiễm, chỉ là sự đuổi theo của tất cả chủng tử pháp thiện, vô ký tiếp nối mà sanh.

Lại nữa, nên biết sự kiến lập đạo lý chủng tử đây là nương chưa kiến lập thánh giáo A-lại-da thức mà thuyết. Nếu đã kiến lập giáo A-lại-da thức, nên biết lược thuyết tất cả chủng tử các pháp đều nương A-lại-da thức.

Lại các pháp kia hoặc chưa vĩnh viễn bị đoạn trừ, hoặc chẳng phải bị đoạn trừ, tùy theo chỗ thích hợp nên biết có sự đuổi theo của chủng tử.

**Hỏi:** Như Thế Tôn thuyết: “Ta nói các Bí-sô A-la-hán ở nơi bốn chủng pháp tăng thượng tâm, thì trong hiện pháp trụ nơi an lạc”. Nếu thối thất một trong bốn chủng pháp kia, tuy tất cả chủng tử nhiễm ô đều vĩnh viễn bị hại, sao nói là sanh khởi lại phiền não của địa dưới? Nếu không sanh khởi lại, vị kia sao gọi là thối thất?

**Đáp:** Thối có 2 chủng: 1. Đoạn thối; 2. Trụ thối. Nói đoạn thối: là chỉ dị sanh. Nói trụ thối: là các thánh giả, cũng là dị sanh.

Nếu nương đạo thế gian mà đoạn các phiền

não, về sau phiền não lại hiện tiền khởi, nên biết bấy giờ do thối thất trong việc đoạn nên bị thối, gọi là đoạn thối, cũng gọi là trụ thối. Nếu nương đạo xuất thế đã đoạn phiền não, nhưng tâm lao vào công việc thế tục, chẳng chuyên tu tập như lý tác ý, do đây ở khoảng giữa chẳng năng đắc hiện pháp lạc trú, phiền não luôn hiện tiền phát khởi. Như tên gọi trước, đây cũng như thế. Nhưng nếu phiền não của địa dưới đã đoạn, thì không hiện tiền trở lại. Như vậy do thối thất trong việc an trụ nên bị thối, gọi là trụ thối, chẳng phải đoạn thối.

**Hỏi:** Nếu đã đoạn tất cả phiền não thành A-la-hán, mà chưa thể vĩnh viễn hại diệt tất cả chủng tử pháp nhiễm, sao nói là tâm thiện giải thoát. Còn quả A-la-hán, các lậu vĩnh viễn tận?

**Đáp:** Nếu đã vĩnh viễn hại diệt, ở trong tương tục vĩnh viễn không còn chủng tử pháp nhiễm, bấy giờ chủng tử pháp nhiễm, tư duy bất chánh còn không khởi, hà huống khởi các phiền não. Do đây nên biết người do đạo xuất thế mà đoạn trừ phiền não, thì quyết chắc không còn thối thất.



## Quyển 52

### Thứ 1. NĂM THỨC THÂN TƯƠNG ỨNG ĐỊA

### Thứ 2. Ý ĐỊA

#### Phần 2

**2. Đẳng vô gián duyên:** Là các tâm tâm sở đây không gián đoạn, các tâm tâm sở kia sanh, cho nên nói đây là đẳng vô gián duyên kia. Nếu sáu thức đây là đẳng vô gián duyên sáu thức kia, tức thi thiết đây gọi là ý căn, cũng gọi là ý xứ, cũng gọi là ý giới.

**3. Sở duyên duyên:** Là năm thức thân theo thứ lớp lấy năm cảnh là sắc, thanh, hương, vị, xúc làm sở duyên duyên; hoặc ý thức lấy tất cả nội ngoại của mười hai xứ làm sở duyên duyên.

**4. Tăng thượng duyên:** Đó là nhãn xứ.. nhãn thức... là đồng sanh tăng thượng duyên. Hoặc tác ý ở nơi cảnh sở duyên là các thức dẫn phát tăng thượng duyên. Hoặc các tâm, tâm sở triển chuyển xoay vần là đồng sanh tăng thượng duyên. Hoặc

nghiệp tịnh, bất tịnh, cùng với quả ái, phi ái và quả dị thực về sau là sở tác trước kia tăng thượng duyên. Hoặc ruộng, phân, nước... cùng với mầm lúa là thành biện tăng thượng duyên. Hoặc trí khéo léo cùng với sự nghiệp công xảo của thế gian là công nghiệp tăng thượng duyên.

Lại trong bốn duyên ấy, một chủng nhân duyên hướng về pháp được sanh, năng làm nhân sanh. Ba chủng duyên còn lại hướng về pháp được sanh, chỉ là nhân phương tiện. Cho nên các hành sanh, lúc duyên phương tiện hiện tại tiền, thì chủng tử các hành kia liền năng sanh khởi các hành kia. Do vậy các hành không có nghĩa đồng thời sanh khởi ngay. Nên biết nương theo bốn duyên như vậy kiến lập mười nhân, như trong *Bồ-tát địa đã thuyết*.

**Hỏi:** Như Thế Tôn thuyết: “Các hành quá khứ làm duyên sanh ý. Các hành vị lai làm duyên sanh ý”. Các hành quá khứ, vị lai chẳng phải có, vậy có sao Thế Tôn tuyên thuyết hành kia làm duyên sanh ý? Nếu ý cũng duyên sự cảnh *chẳng phải có* mà lại được sanh, thì sao không trái với ngôn thuyết vi diệu của Đức Thế Tôn: “Do hai chủng duyên mà các thức được sanh. Những gì là hai? Đó là nhân và

sắc, nói rộng cho đến ý và pháp?”

Đáp: Do nghĩa năm thức thân năng chấp giữ “không hành”, nên Phật Thế Tôn mới giả lập danh “pháp”. Do vậy mà nói: “Ý duyên cùng pháp, ý thức được sanh”.

**Hỏi:** Vì nhân duyên nào biết Phật Thế Tôn có mật ý ấy?

Đáp: Do ý thức kia cũng duyên thức quá khứ, vị lai làm cảnh giới hiện đời khả đắc, chẳng phải cảnh thức kia nhiếp thuộc pháp xứ. Lại tánh có ấy an lập nghĩa có, năng trì nghĩa có; hoặc tánh không ấy an lập nghĩa không, năng trì nghĩa không, cho nên đều gọi là pháp. Do ý thức kia ở nơi nghĩa tánh có, nếu do nghĩa đây mà được an lập, tức dụng nghĩa như vậy khởi thức liễu biệt; ở nơi nghĩa tánh không, nếu do nghĩa đây mà được an lập, tức dụng nghĩa như vậy khởi thức liễu biệt. Nếu ở nơi hai chủng chẳng do hai nghĩa như thế mà khởi liễu biệt, thì không nên nói ý duyên tất cả nghĩa, nắm lấy tất cả nghĩa. Giả sử tác thuyết đây liền xúng với tự hại. Lại chẳng nên nói như sở hữu đã thuyết, thì phi hữu cũng là như lý thuyết. Cho nên ý thức như việc quá khứ vị lai, chẳng phải thật có tướng,

duyên kia làm cảnh. Do đây nên biết ý thức cũng duyên *chẳng phải có* làm cảnh.

Lại có ngôn luận đạo lý rộng sâu, do đây chúng biết có duyên không thức. Đó là ngôn thuyết vi diệu của Thế Tôn: “Hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc trung gian đều không có ngã”. Ngã đây vô tánh, chẳng phải nhiếp thuộc hữu vi, chẳng phải nhiếp thuộc vô vi. Quán cộng tướng thức, chẳng phải chẳng duyên cảnh giới kia mà chuyển. Đây gọi là ngôn luận đạo lý thứ nhất.

Lại ở trong sự sanh khởi biến đổi của sắc, hương, vị, xúc như vậy như vậy, mà thi thiết an lập các việc ăn uống, xe cộ, áo quần, nhà ở, vật dụng... Các sự đây là sắc, hương... đều không chỗ có. Tánh không có đây chẳng phải nhiếp thuộc hữu vi, chẳng phải nhiếp thuộc vô vi. Quán tự tướng thức, chẳng phải chẳng duyên cảnh giới kia mà chuyển. Đây là ngôn luận đạo lý thứ hai.

Lại loại trừ chỗ tà kiến của ngoại đạo cho rằng tất cả đều vô sở hữu, như không thí, không thọ, cũng không lễ nghi tế tự, nói rộng như trước. Nếu thấy thí, thọ, lễ nghi... là vô tánh, tức kiến như vậy chẳng phải tà kiến. Vì có sao? Vì kia như



thật thấy, như thật thuyết. Nếu không như vậy, những kẻ tà kiến duyên cảnh giới đây lẽ ra thức không chuyển. Đây là ngôn luận đạo lý thứ ba.

Lại trong các hành không thường, không hằng, không chẳng biến đổi, mà trong đây lấy các hành thường hằng, bất biến, vô tánh, chẳng phải nhiếp thuộc hữu vi, chẳng phải nhiếp thuộc vô vi. Quán cộng tướng thức, chẳng phải chẳng duyên cảnh giới đây mà chuyển. Nếu thức duyên cảnh giới đây chẳng chuyển, liền ở trong các hành thường hằng, bất biến, tánh rỗng không, trí tuệ không như thật quán sát. Nếu không quán sát thì không sanh nhàm chán. Nếu không sanh nhàm chán thì không ly dục. Nếu không ly dục thì không giải thoát. Nếu không giải thoát thì không vĩnh viễn tận đến cứu cánh Niết-bàn. Nếu có lý đây, tất cả hữu tình đều rất ráo thuận theo tạp nhiễm, không thời kỳ ra khỏi, xa lìa. Đây là ngôn luận đạo lý thứ tư.

Lại hành vị lai còn không có sanh, hà huống có diệt. Nhưng ở nơi hành vị lai, Thánh đệ tử chẳng phải không trụ tùy quán sanh diệt. Đây là ngôn luận đạo lý thứ năm.

Do tất cả đây, chứng biết có duyên mà không

ý thức. Lại có chủng loại ngôn luận chứng thành đạo lý khác, quyết chắc có duyên mà không có thức, tùy theo đó nên biết.

**Hỏi:** Như Thế Tôn nói: “Có nghiệp quá khứ”. Đây mật ý gì? Nếu nghiệp quá khứ thể là không, thì không nên ở thời nay lãnh thọ cái thọ có tổn hại, hoặc lại không nên lãnh thọ cái thọ không tổn hại?

**Đáp:** Trong quá khứ sanh nghiệp tịnh, bất tịnh, đã khởi, đã diệt, năng chiêu cảm quả ái, phi ái ở vị lai. Chủng tử nghiệp đây được nhiếp thọ huân tập, ở nơi hành tương tục triển chuyển không đoạn dứt. Thế Tôn vì hiển sự tương tục như vậy nên nói rằng: “Có nghiệp quá khứ”.

Lại, Phật Thế Tôn vì quán hai nghĩa sau nên tác thuyết như thế: 1. Ý vì ngăn chặn phái luận nhân không bình đẳng, nên hiển đạo lý đây. Bởi những kẻ kia kiến chấp cho là tự tánh trưng phụ từ trời Đại tự tại, Đế Thích, Phạm vương và các cõi trời khác mà tất cả hữu tình tịnh, bất tịnh chuyển sanh; 2. Ý ngăn chặn phái luận không nhân nên hiển đạo lý đây. Bởi những kẻ kia kiến chấp cho là đều không có nhân mà tất cả hữu tình tịnh, bất

tĩnh chuyển sanh.

**Hỏi:** Như Thế Tôn nói: “Có hành quá khứ. Ở trong các hành kia, chúng đệ tử Thanh văn đầy đủ đa văn của Ta không trụ doái luyến. Có hành vị lai. Ở trong các hành kia, chúng đệ tử Thanh văn đầy đủ đa văn của Ta không trụ mong muốn”. Đây mật ý gì?

**Đáp:** Các hành quá khứ cho quá nên có, các hành vị lai nhiếp nhân nên có. Vì cơ sao? Bởi các hành hiện tại do ba tướng mà được hiển rõ: 1. Do quá, tánh quá khứ; 2. Do nhân, tánh vị lai; 3. Do tự tướng tương tục không đoạn dứt. Vì hiển lý đây, nên Phật Thế Tôn nói lời như thế.

Lại vì quán hai nghĩa nên tác thuyết như thế: 1. Vì ngăn chặn đoạn dứt những kẻ kế chấp cho là pháp quá khứ, vị lai là thật có, cho nên hiển đạo lý đây. Nếu tánh tướng các hành quá khứ vị lai là thật có, chẳng lẽ do tánh quá khứ vị lai kia mà nói là có; 2. Vì ngăn chặn đoạn dứt những kẻ kế chấp không, cho nên hiển đạo lý đây. Bởi kẻ kia kế chấp cho là đời quá khứ, vị lai đều vô sở hữu, hiện tại cũng vậy.

**Hỏi:** Như Thế Tôn nói: “Có giới quá khứ, có

giới vị lai, có giới hiện tại”. Đây mật ý gì?

Đáp: Hoặc chúng tử tương tục đã cho quả, gọi là giới quá khứ. Hoặc chúng tử tương tục chưa cho quả đương lai, gọi là giới vị lai. Hoặc chúng tử tương tục chưa cho quả hiện tại, gọi là giới hiện tại. Nên biết trong đây mật ý như vậy: Nếu Bí-sô... ở trong chúng tử tương tục như thế mà được thiện xảo, gọi là trong tất cả pháp kia chứng được vô lượng chủng chủng tự tánh các giới thiện xảo.

Lại, thế nào là lia sắc uẩn... nên biết sanh, lão, trụ, vô thường không riêng thật có? Đó là loại trừ tánh thật có của các hành vị lai, nên biết cũng loại trừ tánh thật có của sanh. Vì có sao? Vì sanh của đời vị lai tự nó không chỗ có, làm sao năng sanh các hành khác. Cũng chẳng phải sanh hiện tại năng sanh các hành hiện tại. Chỉ do tướng sanh đây có tên gọi sai khác, chỗ gọi là các hành hoặc sanh, hoặc khởi, hoặc tánh hiện tại, lia sự sai khác đây mà sanh các tướng khác quyết định không thể đắc. Kẻ thông huệ chẳng nên nói rằng: “Tức do hiện tại khiến các hành kia thành tánh hiện tại”. Vì có sao? Nếu tác thuyết: “Sanh đây sanh các hành”, nên biết hiển nghĩa “tức tánh hiện tại năng

thành hiện tại”. Lại tất cả pháp mỗi mỗi tự có nhân chủng tử riêng khác, đầu đời kế chấp có sanh khác mới năng sanh.

Lại tướng sanh đây tức là các hành sanh, hay là nhân các hành sanh? Nếu tức là các hành sanh, thì kế chấp “tướng sanh đây năng sanh các hành, bởi có sanh nên các hành được sanh”, điều này không đúng đạo lý. Nếu là nhân các hành sanh, thì khi các hành sanh, ở mỗi một hành liền có hai sanh, đó là sanh và năng sanh. Điều này không đúng đạo lý.

Như sanh, thì lão, trụ, vô thường do đạo lý đây nên biết cũng vậy. Cho nên biết sanh... ở trong các hành giả thi thiết có. Do có nhân, nên các hành chẳng phải gốc. Tự tướng mới khởi gọi là sanh. Về sau khởi các hành sai khác với trước gọi là lão. Tức các hành kia sanh tạm thời chưa dừng gọi là trụ. Sát-na sau sanh, tướng các hành tận, gọi là diệt, cũng gọi là vô thường.

**Hỏi:** Nếu pháp hữu vi khả đắc đầy đủ bốn tướng hữu vi sanh, lão, trụ, diệt, cơ sao Thế Tôn chỉ thuyết ba chủng: 1. Sanh; 2. Diệt; 3. Tánh trụ, dị (biến đổi)?

Đáp: Do hiển ba đời của tất cả hành. Theo đời vị lai thì xưa vốn không mà sanh, cho nên Thế Tôn vì đời vị lai, ở nơi pháp hữu vi mà thuyết tướng sanh hữu vi. Tức kia đã sanh lại lui vào quá khứ, cho nên Thế Tôn vì đời quá khứ, ở nơi pháp hữu vi mà thuyết tướng diệt hữu vi. Pháp đời hiện tại chỗ hiển hai tướng trụ và dị. Vì cơ sao? Duy đời hiện tại mới khả đắc trụ, mà trước sau biến đổi cũng chỉ ở hiện tại, cho nên Thế Tôn vì đời hiện tại, ở nơi pháp hữu vi mà thuyết chung trụ và dị là một tướng hữu vi.

**Hỏi:** Thánh đệ tử Phật nên quán pháp hữu vi có đầy đủ ba tướng. Cơ sao chỉ thuyết chúng Thánh đệ tử ở trong các uẩn trụ tùy quán sanh diệt, mà không thuyết tùy quán tánh trụ dị?

Đáp: Sanh và trụ dị chỗ hiển đồng sanh, cho nên hai tướng hợp làm một phần kiến lập phẩm sanh, tức là thuyết trụ tùy quán một tướng sanh; đối với phần thứ hai kiến lập phẩm diệt, tức là thuyết trụ tùy quán một tướng diệt. Lại do ở nơi tướng đây phát khởi tư duy, sanh sâu nhàm chán, cho nên trong đây chỉ thuyết tướng kia. Đó là ở trong các hành quán tướng vô thường, năng khởi

nhàm chán họa hoạn, ly dục giải thoát, nên chỉ tư duy tánh tướng vô thường. Tánh tướng vô thường đây xưa không nay có, có rồi lại trở lại không. Chỗ hiển xưa không nay có gọi là sanh; có rồi trở lại không gọi là diệt.

Lại nữa, *sanh* có nhiều chủng sai biệt: sát-na sanh, tương tục sanh, tăng trưởng sanh, tâm sai biệt sanh, khả ái sanh, không khả ái sanh, hạ liệt sanh, trung xứ sanh, thắng diệu sanh, hữu thượng sanh, vô thượng sanh.

Trong đây các hành, sát-na sát-na mới mới mà khởi, gọi là sát-na sanh.

Hoặc đủ các kiết, hoặc không đủ các kiết, từ tụ hữu tình này mất sanh qua tụ hữu tình kia, các uẩn nối tiếp sanh, gọi là tương tục sanh.

Hoặc từ lúc là đồng tử cho đến suy lão... gọi là tăng trưởng sanh.

Hoặc duyên cảnh giới nào đó ở đêm ngày, sát-na, lập-phục, ni-hô-lật-đa... lớp lớp dời chuyển trôi qua, chẳng phải một chủng mà nhiều chủng chủng tâm khởi hoặc tương ưng vui, hoặc tương ưng khổ, hoặc tương ưng không khổ không vui, hoặc tâm có tham, hoặc tâm lìa tham, nói rộng cho đến hoặc

tâm thiện giải thoát, hoặc tâm bất thiện giải thoát. Như vậy gọi là tâm sai biệt sanh.

Hoặc sanh trong đường vui như trời người, gọi là khả ái sanh.

Hoặc sanh trong đường khổ như địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, gọi là không khả ái sanh.

Hoặc sanh trong Dục giới thấp kém, gọi là hạ liệt sanh. Hoặc sanh trong Sắc giới trung xứ, gọi là trung xứ sanh. Hoặc sanh ở Vô sắc giới thắng diệu, gọi là thắng diệu sanh.

Lại có cách giải thích khác: Ban đầu nhập thai gọi là hạ liệt sanh. Giữa hai lần nhập thai gọi là trung xứ sanh. Cuối cùng nhập thai gọi là thắng diệu sanh.

Lại có cách giải thích khác: Pháp nhiễm ô và quả nhiễm ô sanh, gọi là hạ liệt sanh. Các pháp thiện và quả thiện sanh, gọi là thắng diệu sanh. Trừ quả thiện, bất thiện, là pháp vô ký. Pháp vô ký sanh, gọi là trung xứ sanh.

Hoặc sanh nương theo các cõi, đó là sanh từ Dục giới cho đến Vô sở hữu xứ, gọi là hữu thượng sanh. Hoặc sanh Phi tướng phi phi tướng xứ gọi là vô thượng sanh.



Hoặc nương tương tục sanh, sát-na sanh mà nói, trừ sở hữu các uẩn của vị tối hậu như A-la-hán, thì sở hữu hành sanh của tất cả vị khác gọi là hữu thượng sanh. Nếu sở hữu hành sanh của vị tối hậu A-la-hán, gọi là vô thượng sanh.

Lại nữa, *lão* có nhiều chủng sai biệt: thân lão, tâm lão, thọ lão, biến hoại lão, tự thể chuyển biến lão.

Trong đây suy biến cho đến thân hoại như kinh rộng thuyết, gọi là thân lão.

Hoặc tâm tương ưng thọ lạc biến chuyển thành tâm tương ưng thọ khổ, hoặc tâm thiện biến chuyển thành tâm nhiễm ô, hoặc tâm mong muốn việc khả ái biến chuyển thành quả tâm không như mong muốn, đây gọi là tâm lão.

Hoặc ở đêm ngày, sát-na, lạc-phược, ni-hô-lật-đa... luôn luôn dời đổi trôi qua, thọ lượng suy tổn, dần dần thuyên giảm đến lúc đều tận, gọi là thọ lão.

Hoặc sự giàu sang hưng thịnh bị giảm mất, lúc sức khỏe không bệnh cường tráng mà suy biến, gọi là biến hoại lão.

Hoặc ở trong đường thiện tự thể tăng trưởng

manh mẽ rồi chết đi, tự thể sanh khởi trong đường ác hạ liệt, gọi là tự thể chuyển biến lão.

Lại có một lão làm duyên năng thành như tất cả chúng lão đã thuyết trên, đó là lão của các hành sát-na sát-na chuyển, chỗ gọi là tánh biến đổi lão.

Lại nữa, *trụ* có nhiều chủng sai biệt: sát-na trụ, tương tục trụ, duyên tương tục trụ, không tán loạn trụ, lập quỹ phạm trụ.

Trong đây, hoặc các hành đã sanh, khi tạm dừng sanh gọi là sát-na trụ.

Hoặc các chúng sanh ở cõi giới kia, chỗ được tự thể, nương vật thực mà tồn tại mạng sống, cho đến trụ giới hạn thọ lượng; hoặc khí thể gian bên ngoài tồn tại lượng bằng đại kiếp, gọi là tương tục trụ.

Hoặc thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc; hoặc pháp thiện, bất thiện, vô ký... cho đến các duyên riêng biệt hiện tại tiền, gọi là duyên tương tục trụ.

Hoặc do các bậc tâm định hiện tiền chánh khởi tam-ma-địa, gọi là không tán loạn trụ.

Hoặc ở phương xứ, đất nước, thành thị, thôn quê... hoặc nơi có nhiều người sinh sống, tụ tập...

kiến lập quỹ phạm, tùy theo đó mà chuyển. Đây gọi là quỹ phạm trụ.

Lại nữa, *vô thường* có nhiều chủng sai biệt: hoại diệt vô thường, sanh khởi vô thường, biến đổi vô thường, tán hoại vô thường, sẽ có vô thường và hiện đọa vô thường.

Trong đây, hoặc tất cả hành sanh khởi đi đến diệt, gọi là hoại diệt vô thường.

Hoặc tất cả hành xưa không nay có, gọi là sanh khởi vô thường.

Hoặc các hành khả ái khởi tướng hành khác, gọi là biến đổi vô thường.

Hoặc có đầy đủ thứ khả ái và địa vị tăng thượng không biến hoại, mà bị lìa tan hư mất, gọi là tán hoại vô thường.

Bốn vô thường kể trên ở đời vị lai, gọi là sẽ có vô thường. Ở đời hiện tại đang hiện tiền gọi là hiện đọa vô thường.

Nếu kẻ thọ dụng dục trần nhiều phóng dật, chỉ năng tư duy biến đổi vô thường, tán hoại vô thường và hiện đọa vô thường mà rộng khởi ta thán, sầu ưu, bi lụy... nhưng ở nơi các hành lại không thể chán lìa. Nếu là các ngoại đạo, ở nơi các

tánh vô thường như vậy lại khởi nhiều tư duy, năng dùng phương tiện là nhằm chán họa hoạn, ly dục, nhưng rất yếu kém, đối với các hành chỉ chán lia một phần, chẳng thể chán lia rốt rác. Nếu là Thánh đệ tử thì tư duy trọn vẹn các tánh vô thường, đối với các hành hoàn toàn nhằm chán họa hoạn của chúng, cho đến được giải thoát.

Lại nữa, sao gọi là *hoạch đắc thành tựu*? Nếu nói lược thì do nhân của sanh được duyên nhiếp thọ khiến tăng trưởng mạnh mẽ, gọi là đắc. Do đạo lý đây, nên biết đắc là giả có. Giả sử nói đắc là thật có, thì do nhân các hành sanh, hay là nhân các pháp chẳng ly tán?

Nếu là nhân các hành sanh, thì từ trước đến nay pháp chưa được sanh, do đây không có đắc của nhân sanh, lẽ thường chẳng sanh. Do đây cũng lẽ sẽ rất ráo chẳng có đắc.

Nếu là nhân các pháp chẳng ly tán, thì tất cả pháp thiện, bất thiện và vô ký, do đã đắc nên các pháp kia cùng có. Như vậy chúng trái lẫn nhau mà vẫn hiện hành cùng lúc. Cho nên cả hai điều trên đều không đúng đạo lý.

Lại nhân sanh của đắc đây, chỗ gọi là mỗi

duyên riêng nhiếp các pháp thuộc chủng loại của chính nó. Nhân ly tán, tức là do duyên khác hiện tại tiên, duyên khác ly tán. Nếu ở trong dẫn phát duyên có thể lực tự tại giả lập là đắc, có bổ-đặc-già-la sĩ phu lấy tự tại đây làm chỗ nương, tuy các pháp kia đã khởi, đã diệt, nhưng nếu muốn điều kia trở lại hiện tiên, liền khéo nhanh chóng dẫn phát các duyên khiến được sanh khởi. Cho nên đây cũng gọi là đắc.

Nên biết đắc đây lược có 3 chủng: 1. Thành tựu chủng tử; 2. Thành tựu tự tại; 3. Thành tựu hiện hành.

Hoặc chỗ có các pháp vô ký, pháp nhiễm ô mà pháp thiện được sanh, chẳng do dụng công mà hiện tiên. Các chủng tử pháp bất thiện và vô ký kia hoặc chưa bị sự tổn phục của Xa-ma-tha, hoặc chưa bị sự vĩnh viễn đoạn trừ của Thánh đạo và các pháp thiện kia chưa bị sự tổn phục của các tà kiến như kẻ đoạn thiện căn... như vậy gọi là thành tựu chủng tử. Vì cơ sao? Vì các chủng tử pháp nhiễm kia chưa bị tổn phục, chưa bị vĩnh viễn đoạn trừ, bấy giờ kia hiện hành hoặc không hiện hành đều gọi là thành tựu.

Hoặc gia hạnh pháp thiện sanh và một phần pháp vô ký sanh, nhân chủng tử được duyên nhiếp thọ khiến tăng trưởng mạnh mẽ, gọi là thành tựu tự tại.

Hoặc hiện tại tự tướng các pháp hiện tiền triển chuyển, gọi là thành tựu hiện hành.

Lại nữa, sao gọi là *mạng căn*? Do nghiệp trước, tự thể được sanh ở cõi giới kia, sở hữu thời phần, hạn lượng, đời sống tồn tại gọi là thọ sanh khí mạng căn. Đây lại có nhiều chủng sai biệt: hoặc quyết định, bất định; hoặc tùy chuyển, không tùy chuyển; hoặc ít, nhiều; hoặc có ngăn mé, không ngăn mé; hoặc tự thể lực chuyển, chẳng phải tự thể lực chuyển.

Trong đây, trừ phần thọ lượng của người ở Thiệm-bộ châu, các cõi sanh còn lại có thọ lượng quyết định, gọi là thọ lượng quyết định. Ở Thiệm-bộ châu đây, hoặc có khi thọ mạng rộng không hạn lượng, hoặc có khi ngắn ngủi, gọi là thọ lượng bất định.

Người ở Bắc-cu-lô châu, thọ lượng tùy chuyển rất ráo, không bị chết yếu, gọi là thọ lượng tùy chuyển. Ngoài ra tất cả cõi khác gọi là không tùy chuyển.

Người ở Thiệm-bộ châu lúc thọ 10 tuổi, gọi là thọ ít. Một phần bàng sanh cũng gọi là thọ ít. Vì có sao? Vì một phần bàng sanh thọ lượng được 1 ngày 1 đêm. Hoặc có một số loài, hoặc hai, hoặc ba cho đến rất nhiều có thể thọ lượng được 10 ngày 10 đêm. Hữu tình thọ sanh ở Phi tướng phi phi tướng xứ, vì thọ lượng trái qua số 8 vạn đại kiếp, gọi là thọ nhiều.

A-la-hán... thì gọi là thọ có ngần mé. Hoặc các hữu học ở trong hiện pháp quyết định Bát-niết-bàn, hoặc các dị sanh trụ tối hậu hữu, cũng gọi là thọ có ngần mé. Nên biết ngoài đây ra thì gọi là thọ không ngần mé.

Hoặc bậc A-la-hán, hoặc chư Bồ-tát, hoặc chư Như Lai ở trong thọ hành tự tại duy trì sở hữu mạng căn, gọi là tự thế lực chuyển. Nên biết còn lại gọi là chẳng phải tự thế lực chuyển.

Lại nữa, sao gọi là *chúng đồng phận*? Nói lược thì hữu tình kia thọ sanh nơi kia, đồng giới, đồng thú, đồng sanh, đồng loại, đồng tánh, đồng vị, đồng hình... bởi kia có các tánh phận giống nhau, gọi là chúng đồng phận, cũng gọi là hữu tình đồng phận. Trong đây, hoặc có hữu tình do giới đồng

phận mà gọi là đồng phận, tức là đồng sanh một giới. Hoặc có hữu tình do thú đồng phận mà gọi là đồng phận, tức là đồng sanh một thú. Hoặc có hữu tình do sanh đồng phận mà gọi là đồng phận, tức là đồng sanh một sanh. Hoặc có hữu tình do loại đồng phận mà gọi là đồng phận, tức là đồng một chủng loại. Hoặc có hữu tình do tánh thể, phần vị, đi đứng, dung sắc, dáng mạo, âm thanh, nhà cửa, y thực đồng phận mà gọi là đồng phận. Hoặc có hữu tình do lỗi lầm đồng phận và công đức đồng phận mà gọi là đồng phận, như kẻ sát sanh so với kẻ sát sanh, nói rộng cho đến kẻ tà kiến so với kẻ tà kiến; người lìa sát sanh so với người lìa sát sanh, cho đến người chánh kiến so với người chánh kiến; từ bậc Dự lưu cho đến Độc giác, A-la-hán so với Dự lưu cho đến Độc giác, A-la-hán; Bồ-tát so với Bồ-tát, Như Lai so với Như Lai, xoay vần như vậy gọi là đồng phận.

Lại nữa, sao gọi là *tánh dị sanh*? Đó là chưa vĩnh viễn hai lượng của chủng tử pháp kiến sở đoạn của ba cõi gọi là tánh dị sanh. Nếu nói lược có bốn chủng tánh dị sanh: 1. Chủng tánh nhiếp lấy pháp không Bát-niết-bàn; 2. Chỗ đuổi theo của



chúng tánh Thanh văn; 3. Chỗ đuổi theo chúng tánh Độc giác; 4. Chỗ đuổi theo chúng tánh Như Lai.

Lại nữa, sao gọi là *hòa hợp*? Là các nhân, các duyên năng sanh các pháp kia kia lược chung làm một gọi là hòa hợp, tức đây cũng gọi là nhân đồng sự.

Lại có nhiều chủng sai biệt: hoặc có lãnh thọ hòa hợp, đó là sáu xứ duyên xúc, hoặc sắc duyên... hoặc tác ý duyên... hoặc xúc duyên thọ.

Hoặc có dẫn sanh hậu hữu hòa hợp: là vô minh duyên hành... thọ duyên ái, ái duyên thủ, nói rộng cho đến sanh duyên lão tử.

Hoặc có sáu xứ trụ hòa hợp: là bốn thực và mạng căn.

Hoặc có công xảo xứ thành tựu viên mãn hòa hợp: là trí công xảo và nghiệp tương ưng kia, đầy đủ tác dụng sĩ phu.

Hoặc có thanh tịnh hòa hợp: là sự tích tập mười hai chủng không tạp, tức tự tha viên mãn...

Hoặc có thể tục hòa hợp: vì các hữu tình nương nhau, ý vui lực tăng thượng, không chống đối nhau, không tranh không tụng cũng không chia lìa.

Lại nữa, sao gọi là *danh thân*? Nương tự tánh thi thiết, tự tướng thi thiết của các pháp. Do khắp phân biệt, duy chỉ có tướng kiến lập tùy theo ngôn thuyết. Đây gọi là *danh thân*.

Sao gọi là *cú thân*? Tức nương tự tướng thi thiết của kia, ở nơi sở hữu các pháp sai biệt thi thiết kiến lập hý luận cho là công đức, quá thất, tạp nhiễm, thanh tịnh. Đây gọi là *cú thân*.

Sao gọi là *văn thân*? Là tánh nương *danh thân* và *cú thân*, chỗ có văn chữ thân. Đây gọi là *văn thân*.

Lại ở trong tất cả sự sở tri, sự lý lẽ, tướng cạn mỏng là *văn*, tướng trung là *danh*, tướng sâu rộng là *cú*.

Nếu chỉ nương *văn*, chỉ năng liễu đạt trên âm vận, không thể liễu đạt sở hữu nghĩa sự. Nếu nương *danh*, thì năng liễu đạt tự tánh, tự tướng các pháp, cũng năng liễu đạt chỗ có âm vận, nhưng không thể liễu đạt chọn lựa phân tích pháp sâu rộng sai khác. Nếu nương *cú*, nên biết năng liễu đạt tất cả.

Lại *danh*, *cú*, *văn thân* đây, nên biết phân biệt được kiến lập ở nơi năm minh xứ là nội minh, nhân minh, thanh minh, y phương minh và sự

nghiệp thế gian công xảo xứ minh.

Lại nữa, sao gọi là *lưu chuyển*? Là nhân quả của các hành, tánh tương tục chẳng dứt. Đây gọi là lưu chuyển.

Lại có nhiều chủng sai biệt. Hoặc có chủng tử lưu chuyển: là có chủng tử, các pháp không hiện tiền.

Hoặc có thể lực tự tại lưu chuyển: là chủng tử bị tổn, các pháp hiện hành.

Hoặc có chủng quả lưu chuyển: là chủng tử không bị tổn, các pháp hiện hành.

Hoặc có danh lưu lưu chuyển: là bốn phi sắc uẩn.

Hoặc có sắc lưu lưu chuyển: là các nội ngoại mười hữu sắc xứ cùng với các sắc nhiếp thuộc pháp xứ.

Hoặc có Dục giới lưu lưu chuyển: là các hành triền của Dục.

Hoặc có Sắc giới lưu lưu chuyển: là các hành triền của Sắc.

Hoặc có Vô sắc lưu lưu chuyển: là các hành triền của Vô sắc.

Hoặc có lạc lưu lưu chuyển: là thọ lạc cùng sở

y xứ của kia. Như vậy cho đến khổ lưu lưu chuyển, không khổ không lạc lưu lưu chuyển phải biết cũng vậy.

Hoặc có thiện lưu lưu chuyển: là các hành thiện.

Hoặc có bất thiện lưu lưu chuyển: là các hành bất thiện.

Hoặc có vô ký lưu lưu chuyển: là các hành vô ký.

Hoặc có thuận lưu lưu chuyển: là thuận duyên khởi.

Hoặc có nghịch lưu lưu chuyển: là nghịch duyên khởi.

Lại nữa, sao gọi là *quyết định sai khác*? Từ vô thủy đến nay chủng chủng nhân quả quyết định sai khác, tánh không tạp loạn. Như Lai xuất thế hoặc không xuất thế, pháp nhĩ các pháp vốn như vậy.

Lại có nhiều chủng sai biệt: hoặc có lưu chuyển, hoàn diệt quyết định khác, đó là thuận, nghịch duyên khởi.

Hoặc có tất cả pháp quyết định khác: là 12 xứ thâm nhiếp tất cả pháp, không quá không hơn.

Hoặc có lãnh thọ quyết định khác: là ba thọ thân nhiếp tất cả thọ, không quá không hơn.

Hoặc có trụ quyết định khác: là tất cả phần trong cho đến thọ lượng, tất cả phần ngoài trải qua đại kiếp trụ.

Hoặc có hình lượng quyết định khác: là các hữu tình sanh ở nơi hữu sắc xứ, có thân hình lượng quyết định sai khác và phần ngoài của bốn đại châu... có hình lượng quyết định sai khác.

Lại nữa, sao gọi là *tương ưng*? Các pháp kia kia là ngôn thuyết thấy, là kiến lập thấy, là chỉ dạy hiển bày thấy, là các phương tiện thù thắng. Đây gọi là tương ưng.

Lại có bốn đạo lý phân biệt tương ưng sai khác: quán đãi đạo lý, tác dụng đạo lý, nhân thành đạo lý và pháp nhĩ đạo lý. Các đạo lý đây nên biết đã phân biệt rộng trong *Thanh văn địa*.

Lại nữa, sao gọi là *thế tốc*? Là tánh các hành sanh diệt tương ưng vận chuyển nhanh chóng. Đây gọi là thế tốc.

Lại có nhiều chủng sai biệt. Hoặc có các hành lưu chuyển thế tốc: là tánh các hành sanh diệt.

Hoặc có thế tốc của hữu tình đi trên đất: là

người, voi, ngựa...

Hoặc có thể tốc của hữu tình bay trên không: là Phi-ly không hành, Dược-xoa không hành và chư thiên...

Hoặc có ngôn âm thế tốc: là lời chuyển vận nhanh nhẹn sắc bén.

Hoặc có lưu nhuận thế tốc: là sông lớn, sông nhỏ... có dòng chảy xiết.

Hoặc có thiêu cháy thế tốc: là lửa cháy nhanh, lửa mạnh do gặp gió lớn.

Hoặc có dẫn phát thế tốc: là như hết thủy tên bắn.

Hoặc có trí tuệ thế tốc: là người tu quán, có tánh tuệ sở tri giản trạch nhạy bén.

Hoặc có thần thông thế tốc: là người đại thần thông, chỗ có thân ý chuyển vận thần thông nhanh chóng.

Lại nữa, sao gọi là *thứ lớp*? Ở mỗi hành có sự tương tục riêng biệt, mỗi mỗi tùy chuyển trước, giữa, sau thứ lớp. Đây gọi là thứ lớp.

Lại có nhiều chủng sai biệt. Hoặc có lưu chuyển thứ lớp: là vô minh duyên hành, nói rộng cho đến sanh duyên lão tử.

Hoặc có hoàn diệt thứ lớp: là vô minh diệt nên hành diệt, cho đến sanh diệt nên lão tử. diệt.

Hoặc có người tại gia, xuất gia đi đứng thứ lớp. Đó là quá ban mai thức dậy, tắm gội, trang điểm, mặc áo quần, ăn uống, sắp đặt công việc cho đến ngủ nghỉ. Đây là thứ lớp đi đứng của người tại gia. Hoặc y phục nghiêm chỉnh, đi vào tụng lạc, tuần tự khát thực, thọ thực như pháp, rời khỏi tụng lạc quay về, ngồi yên thọ thực, xong rửa bát, rửa chân, vào thất không nhàn, đọc tụng kinh điển, như lý tư duy, ban ngày ngồi yên hay kinh hành, trong lòng tịnh tu đoạn diệt các chướng, đến giữa đêm ít ngủ, ở phần sau đêm nhanh chóng thức dậy chỉnh trị tu tập nghiệp của thân. Hoặc ở trong Tăng, tu nghiệp hòa kính, tùy theo lớn nhỏ, thứ lớp sắp xếp chỗ ngồi, chỗ nằm và phân chia lợi dưỡng cùng sắp đặt sự việc. Đây là thứ lớp đi đứng của người xuất gia.

Hoặc có tăng trưởng thứ lớp: ở vị anh nhi, đồng tử... sanh trưởng thứ lớp theo tám giai đoạn.

Hoặc có hiện quán thứ lớp: ở trong bốn thánh đế, hiện quán thứ lớp.

Hoặc có nhập định thứ lớp: là thứ lớp nhập chín thứ đệ định.

Hoặc có tu học thứ lớp: là tăng thượng giới học làm chỗ nương sanh tăng thượng tâm học, tăng thượng tâm học làm chỗ nương sanh tăng thượng tuệ học.

Lại nữa, sao gọi là *thời*? Do mặt trời mọc, lặn lực tăng thượng mà an lập hiển thị thời tiết sai biệt. Hoặc lại do các hành sanh diệt lực tăng thượng mà an lập hiển thị đời sai biệt. Đây gọi chung là thời. Thời đây có nhiều chủng sai biệt: thời, năm, tháng, nửa tháng, ngày, đêm, sát-na, lap-phược, ni-hô-lật-đa... và quá khứ, vị lai, hiện tại.

Lại nữa, sao gọi là *số*? Là sự an lập hiển thị mỗi sự vật không giống nhau, nên có số lượng tính đếm sai khác. Đây gọi là số. Lại số đây có nhiều chủng sai biệt, như là số một, số hai, quá đây trở lên thì gọi là số nhiều. Lại biên tế số gọi là a-tăng-xí-da, vì quá đây trở đi tất cả toán số chẳng thể tính đếm, cho nên biên tế số lại còn gọi là bất khả số.

Lại nữa, sao gọi là *chủng tử*? Không thể tách riêng các hành mà riêng có thật vật, gọi là chủng tử, cũng chẳng phải ở nơi khác. Nhưng tức ở nơi các hành có chủng tánh như vậy, đẳng sanh như



vậy, an bố như vậy, gọi là chủng tử, cũng gọi là quả. Nên biết trong đây tướng quả và tướng chủng tử không tạp loạn. Vì cơ sao? Nếu nhìn về quá khứ các hành, tức ngay đây gọi là quả. Nếu nhìn về vị lai các hành, tức ngay đây gọi là chủng tử. Như vậy, nếu lúc nhìn về vị lai gọi là chủng tử, chẳng phải lúc bấy giờ được gọi là quả. Nếu nhìn về thời quá khứ gọi là quả, chẳng phải ở lúc bấy giờ được gọi là chủng tử. Cho nên biết chủng tử và quả, tướng không tạp loạn. Thí như hạt lúa... và chủng tử, mầm, thân, lá... Ở hạt lúa kia, xay giã đập tách ra để tìm chủng tử thì rất chẳng thể được, cũng chẳng phải tìm ở nơi khác. Nhưng nơi các đại chủng có chủng tánh như vậy, đẳng sanh như vậy, an bố như vậy, tức là hạt lúa kia năng làm duyên khiến chủng tử, mầm, thân, lá... được sanh, nên gọi là chủng tử. Trong đây đạo lý nên biết cũng vậy.

**Hỏi:** Trước đã thuyết tổn phục chủng tử pháp nhiệm, thế nào là tổn phục chủng tử pháp thiện?

**Đáp:** Nếu tổn phục của người ân trọng tập thiện, trái với các pháp nhiệm ô, là tổn phục thứ nhất, cũng gọi là tổn phục do xa lìa. Nếu tổn phục của kẻ chấp thủ tà kiến, nhiều tập tà kiến như các

ngoại đạo, là tổn phục thứ hai, cũng gọi là tổn phục do nhàm chán họa hoạn. Nếu tổn phục của kẻ nhiều tu tập tà kiến phỉ báng, như kẻ đoạn thiện căn, là tổn phục thứ ba, cũng gọi là tổn phục do Xa-ma-tha. Nếu tổn phục của bậc năng vĩnh viễn hại diệt chủng tử pháp nhiệm như trước đã thuyết, là tổn phục thứ tư, cũng gọi là tổn phục do vĩnh viễn hại diệt trợ bạn.

Lại nếu nói lược thì tất cả chủng tử bao gồm 9 chủng: 1. Đã cho quả; 2. Chưa cho quả; 3. Quả đang hiện tiền; 4. Quả không hiện tiền; 5. Phẩm nhuyễn; 6. Phẩm trung; 7. Phẩm thượng; 8. Tổn phục; 9. Không tổn phục.

Hoặc đã cho quả, đây gọi là quả đang hiện tiền. Hoặc quả đang hiện tiền, đây gọi là đã cho quả. Hoặc chưa cho quả, đây gọi là quả không hiện tiền. Hoặc quả không hiện tiền, đây gọi là chưa cho quả. Hoặc ở vị trụ bản tánh gọi là phẩm nhuyễn. Hoặc tu tập, hoặc điều luyện pháp thiện, bất thiện chưa đến rốt ráo, gọi là phẩm trung. Hoặc tu tập, hoặc điều luyện đã đến rốt ráo, gọi là phẩm thượng. Hoặc tổn phục, hoặc không tổn phục, nên biết như trước.

Lại nữa, Ta sẽ nói lược về *an lập chủng tử*. Sao gọi là an lập chủng tử? Trong A-lại-da thức, tất cả tự tánh các pháp biến kế hư vọng chấp là tập khí, đây gọi là an lập chủng tử. Nhưng tập khí đây là thật vật có, hay thế tục có? So với các pháp, tập khí kia không thể nhất định nói là tướng khác hay không khác, tức đây cũng gọi là biến hành thô trọng.

**Hỏi:** Nếu tập khí đây nhiếp tất cả chủng tử, lại gọi là biến hành thô trọng, vậy thì các pháp xuất thế gian từ chủng tử nào sanh? Nếu nói chủng tử tự tánh thô trọng là chủng tử sanh, thì không hợp đạo lý?

**Đáp:** Các pháp xuất thế gian từ chủng tử chân như sở duyên duyên sanh, chẳng do chủng tử tập khí tích tập mà sanh.

**Hỏi:** Nếu chẳng phải chủng tử tập khí tích tập mà sanh, vậy do nhân duyên nào kiến lập chủng tánh bồ-đặc-già-la có ba chủng pháp Bát-niết-bàn sai biệt và kiến lập chủng tánh bồ-đặc-già-la không pháp Bát-niết-bàn. Vì có sao? Vì tất cả đều có chân như làm sở duyên duyên.

**Đáp:** Do có chướng, không chướng sai biệt.

Nếu nơi chân như sở duyên duyên, chủng tử rất ráo có chướng, do đây kiến lập chủng tánh bổ-đặc-già-la không pháp Bát-niết-bàn. Nếu chẳng như vậy, kiến lập chủng tánh bổ-đặc-già-la pháp Bát-niết-bàn. Nếu chủng tử rất ráo có sở tri chướng biểu hiện tại sở y, chẳng phải chủng tử phiền não chướng, thì kiến lập một phần chủng tánh bổ-đặc-già-la Thanh văn, kiến lập một phần chủng tánh bổ-đặc-già-la Độc giác. Nếu chẳng như vậy, thì kiến lập chủng tánh bổ-đặc-già-la Như Lai. Cho nên không lỗi. Nếu các pháp xuất thế gian đã sanh tức liền tùy chuyển, nên biết do sự nhậm trì của lực chuyển y. Nhưng chuyển y đây và A-lại-da thức xoay vần trái ngược. Chuyển y đối trị A-lại-da thức gọi là vô lậu giới, là các hý luận.



## Quyển 53

### Thứ 1. NĂM THỨC THÂN TƯƠNG ỨNG ĐỊA

### Thứ 2. Ý ĐỊA

### Phần 3

Lại nữa, sao gọi là *biểu nghiệp*? Lược có ba chủng: 1. Nhiễm ô; 2. Thiện; 3. Vô ký.

Hoặc thân, ngữ, ý không lìa mười nghiệp đạo bất thiện, hiện hành lực tăng thượng, chỗ có biểu nghiệp của thân, ngữ như vậy gọi là biểu nghiệp nhiễm ô.

Hoặc thế nguyện thọ xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện, chỗ có biểu nghiệp của thân, ngữ như vậy gọi là biểu nghiệp thiện.

Hoặc một phần sở hữu biểu nghiệp của thân ngữ thuộc về các biểu hiện oai nghi, các sự nghiệp công xảo xứ, gọi là biểu nghiệp vô ký.

Hoặc không muốn biểu thị cho người biết, chỉ tự trong tâm khởi ý tư duy suy xét, không dùng lời nói, chỉ hiện hành biểu nghiệp của ý phát khởi pháp thiện, nhiễm ô, vô ký, gọi là biểu nghiệp của ý.

Trong đây, chỉ có thân diệt ở xứ này sanh ở xứ khác, hoặc tại xứ đây biến đổi mà sanh, gọi là biểu nghiệp của thân. Chỉ có ngũ âm gọi là biểu nghiệp của ngũ. Chỉ phát khởi tâm tạo tác tư duy gọi là biểu nghiệp của ý.

Tất cả biểu nghiệp đều là giả có. Vì có sao? Do tất cả các hành đều sát-na, nên từ phương này di chuyển đến phương khác, thì không đúng đạo lý. Lại chỉ lia các hành sanh, cái khác mới thật có tác dụng, do đây nhãn nhĩ ý đều bất khả đắc, cho nên nói tất cả biểu nghiệp đều là giả có.

Lại nếu có người sanh trong nhà bất luật nghi, tự phát khởi tâm như vậy: “Ta sẽ dùng phương cách này để tự nuôi sống mình”. Lại đối với phương thức nuôi sống phi pháp đây, nhiều lần khởi tâm vui muốn thích thú, gọi là kẻ bất luật nghi. Do nhiếp lấy bất luật nghi, do tác ý nhiếp lấy không như lý, tổn hại tâm cực nặng, chỉ thành những việc bất thiện căn rộng lớn, nhưng chưa thành tựu sự sanh khởi sát sanh và nghiệp đạo bất thiện còn lại. Nếu sanh khởi các nghiệp bất thiện khác, hoặc ít, hoặc nhiều, cho đến về sau sự việc chưa hiện hành, tùy theo chỗ thích hợp lại càng tăng thêm

các nghiệp bất thiện.

Như sanh trong nhà bất luật nghi như vậy, tùy theo người, tùy theo sự việc, có người khởi tâm hưng thịnh, cho đến về sau chưa xả suy nghĩ đối với các bất luật nghi đây, thường được gọi là kẻ bất luật nghi. Một phần trong ngày cho đến cả ngày, kẻ kia nhiều tích tập suy nghĩ bất thiện, nhiều hiện hành nghiệp bất thiện, nên biết là sự chuyển vận tăng trưởng phi phước.

Lại, suy nghĩ mong muốn tà ác đây hằng cùng câu hành với bất tín, giải đãi, quên niệm, tán loạn, ác huệ, khiến năng lãnh thọ nghiệp kia, năng phát khởi nghiệp kia. Từ đây về sau, do chủng tử và do hiện hành đây nên tương tục chuyển trong hiện tại, cho đến có nhân duyên xả bỏ mà không xả bỏ, cho nên gọi là kẻ bất luật nghi.

Trong đây, nếu hiện hành các nghiệp ác, về sau sẽ chiêu cảm quả không được yêu quý, không được tin tưởng, không thông hiểu, cũng không được tùy nhập, gọi là bất tín.

Hoặc ở nơi nghiệp ác kia vui thích say đắm chuyển theo, không siêng năng khiến nghiệp kia dừng dứt, gọi là giải đãi.

Hoặc cùng tương ưng với quá thất, ở nơi pháp có tội không thể như thật nhớ rõ có tội, gọi là quên niệm.

Hoặc tâm nhiễm ô tương tục, không an trụ mà chuyển, gọi là tán loạn.

Hoặc tâm điên đảo tương tục mà chuyển, ở nơi các lỗi lầm mà cho là công đức thù thắng, gọi là ác huệ.

Do lực ác giới tăng thượng, nên sở hữu tư duy bất thiện đồng hành bất thiện, bất tín... hiện tại chuyển, gọi là kẻ ác giới.

Nếu trái với các tướng trên, như chỗ thích hợp nên biết gọi là người tùy chuyển theo luật nghi.

Lại có cách giải thích khác: Người kham năng thọ luật nghi mới được thọ. Trong đây hoặc có loại do người, do mình mà thọ luật nghi; hoặc có một loại chỉ tự nhiên thọ, trừ luật nghi Bí-sô. Vì cơ sao? Vì luật nghi của Bí-sô chẳng phải tất cả đều có thể kham thọ. Nếu luật nghi Bí-sô không do từ người truyền thọ, thì hoặc có người kham xuất gia, hoặc có người không kham xuất gia, chỉ vì muốn xuất gia, tất cả tùy theo sở thích tự nhiên xuất gia, như vậy thánh giáo không có quĩ phạm, cũng không



thể rõ biết pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da. Cho nên luật nghi Bí-sô không có nghĩa tự nhiên thọ.

**Hỏi:** Nếu trừ luật nghi Bí-sô, có loại luật nghi nào tự nhiên thọ? Vì nhân duyên nào lại từ người mà thọ?

**Đáp:** Do có hai chủng xa lìa ác giới, thọ chi tùy phòng hộ, chỗ gọi là tâm quý. Vì lúc hiện hành tội, đối với mình, đối với người sanh hồ thẹn sâu, gọi là ở nơi lìa ác giới, thọ chi tùy phòng hộ. Vì năng thọ đầy đủ, nên từ người mà thọ. Nếu có tâm chánh hiện tiền, tất cũng có quý. Chẳng phải có quý, nhất định có tâm. Cho nên pháp tâm thù thắng hơn. Nếu có người như điều đã thọ mà tự hộ trì sâu, nên biết chỗ sanh phước đức không sai khác.

Nếu có người khởi tâm đến chỗ của thầy, ân cần khuyến thỉnh, phát khởi nghiệp lễ kính... dùng chánh oai nghi đứng trước thầy, lại dùng lời nói biểu hiện nghĩa thù thắng mà mình mong muốn. Đây gọi là biểu nghiệp thân và biểu nghiệp ngữ. Biểu nghiệp ý tức là hai hành trước. Nếu người tự nhiên thọ chỉ có biểu nghiệp ý. Nếu suy nghĩ trái lìa bất luật nghi, thì do lực trái lìa tăng thượng cùng câu hành năm căn, nên gọi là luật nghi.

Lại thọ luật nghi đây tức là nhiếp lấy 100 hạnh. Đó là đối với mười chủng nghiệp cạo bất thiện, ít phần lìa sát sanh cho đến ít phần lìa tà kiến, gọi là mười hạnh đầu tiên.

Nếu nhiều phần lìa sát sanh cho đến nhiều phần lìa tà kiến, gọi là mười hạnh thứ hai.

Nếu toàn phần lìa sát sanh cho đến toàn phần lìa tà kiến, gọi là mười hạnh thứ ba.

Nếu ít thời lìa sát sanh cho đến ít thời lìa tà kiến, đó là hoặc một ngày, một đêm, hoặc nửa tháng, một tháng, hoặc cho đến một năm, gọi là mười hạnh thứ tư.

Nếu nhiều thời lìa sát sanh cho đến nhiều thời lìa tà kiến, đó là quá một năm, nhưng không đến lúc mạng chung, gọi là mười hạnh thứ năm.

Nếu lìa sát sanh cho đến lìa tà kiến đến thọ mạng tận hết, gọi là mười hạnh thứ sáu.

Nếu tự lìa sát sanh cho đến tự lìa tà kiến, gọi là mười hạnh thứ bảy.

Nếu khuyến tấn người khác cũng làm những hạnh như vậy, gọi là mười hạnh thứ tám.

Nếu ở nơi các việc kia, dùng vô lượng môn xưng tán, khen ngợi, kể lại, thực hành theo gọi là

mười hạnh thứ chín.

Nếu thấy người lìa sát sanh, cho đến người lìa tà kiến mà thâm tâm vui mừng sanh đại hoan hỷ, gọi là mười hạnh thứ mười.

Như vậy là 100 hạnh, lượng phước đức theo đó sanh khởi nên biết cũng vậy.

Lại nên biết luật nghi lược có 8 chủng: 1. Năng khởi luật nghi; 2. Nhiếp thọ luật nghi; 3. Phòng hộ luật nghi; 4. Hoàn dẫn luật nghi; 5. Phẩm hạ luật nghi; 6. Phẩm trung luật nghi; 7. Phẩm thượng luật nghi; 8. Thanh tịnh luật nghi.

Hoặc chưa chánh thọ, trước khởi tâm này: “Ta phải quyết định thọ xa lìa như thế”. Đây gọi là năng khởi luật nghi.

Hoặc lúc chánh nhiếp thọ giới xa lìa, gọi là nhiếp thọ luật nghi. Từ đây về sau, tư duy về giới xa lìa đây, nhiếp thọ năm căn lực tăng thượng, hằng thường câu hành với chủng tử kia. Ở từng thời gian cũng cùng hiện hành câu hành như thế. Do năm căn nhiếp thiện tư duy, nên tùy chuyển phòng hộ theo luật nghi đã thọ. Do nhân duyên đây, nếu có gần gũi bạn ác hay phiền não tăng nhiều khiến ác dục sanh khởi hiện hành, thì liền

hổ thẹn năng nhanh chóng xa lìa, tự nghĩ: “Chớ để kia khiến ta trái vượt với điều đã thọ mà đọa vào cõi ác”. Đây gọi là phòng hộ luật nghi.

Hoặc khi lạc mất niệm, các ác hiện hành, liền nhanh chóng khiến an trụ niệm, chân thành tự trách, phát lồ điều đã phạm, ưu hối từ bỏ, về sau kiên cố thủ hộ luật nghi đã thọ. Đây gọi là hoàn dẫn luật nghi.

Hoặc đối với các đạo nghiệp ác như sát sanh... ít phần xa lìa, ít thời xa lìa; chỉ tự xa lìa, chẳng khuyến tấn người; không dùng vô lượng môn xưng khen, tán thán, kể lại; thấy người đồng pháp thâm tâm cũng chẳng vui mừng sanh nhiều hoan hỷ. Đây gọi là phẩm hạ luật nghi.

Hoặc đối với các ác, nhiều phần xa lìa, nhiều thời xa lìa, nhưng không đến lúc mạng chung; tự năng xa lìa, cũng khuyến tấn người xa lìa, nhưng đối với xa lìa không dùng vô lượng môn xưng khen, tán thán, kể lại; thấy người đồng pháp thâm tâm không vui mừng sanh nhiều hoan hỷ. Đây gọi là phẩm trung luật nghi.

Hoặc đối với các ác, tất cả phần, tất cả thời, tự năng xa lìa, cũng khuyến tấn người xa lìa; dùng

vô lượng môn để xưng khen, tán thán, kể lại; thấy người đồng pháp tâm tâm vui mừng sanh đại hoan hỷ. Đây gọi là phẩm thượng luật nghi.

Hoặc đối với luật nghi đã thọ đây, năng không khuyết phạm lấy làm chỗ nương, tu vô hối... cho đến đầy đủ, nhập Sơ tinh lự. Do lực Xa-ma-tha năng tổn phục tất cả chủng tử phạm giới, đây gọi là tinh lự luật nghi.

Như Sơ tinh lự, thì Đệ nhị, Đệ tam, Đệ tứ tinh lự phải biết cũng vậy. Ở đây có sự sai biệt như vậy: do lìa đạo Xa-ma-tha nhiếp thuộc phần đối trị, chuyển sâu tổn hại chủng tử ác giới, đây gọi là lực thanh tịnh đầu tiên dẫn phát thanh tịnh luật nghi.

Nếu ở nơi luật nghi giới đây không khuyết phạm, cũng lại y chỉ tinh lự luật nghi, nhập hiện quán đế, đắc quả Bất hoàn. Bảy giờ tất cả chủng tử ác giới thấy đều vĩnh viễn bị đoạn trừ. Nếu nương “vị chí định” chứng đắc sơ quả, bảy giờ tất cả chủng tử năng đến ác thú, ác giới thấy đều vĩnh viễn bị đoạn trừ. Đây gọi là giới mà bậc Thánh yêu thích. Nên biết đây gọi là lực thanh tịnh thứ hai dẫn phát thanh tịnh luật nghi, tức cũng gọi là vô lậu luật nghi. Vô lậu luật nghi đây, nếu khi đắc quả A-

la-hán, chỉ do *thanh tịnh thù thắng năng trị* nên thắng, chẳng do *đoạn thù thắng sở trị* nên thắng.

Tổng tám chủng như vậy, duy chỉ tóm lược làm ba phần: **1.** Thọ luật nghi; **2.** Trì luật nghi; **3.** Thanh tịnh luật nghi. Hai luật nghi đầu là thọ. Phòng hộ, hoàn dẫn luật nghi là trì. Phấm hạ, phấm trung, phấm thượng luật nghi thông cả thọ và trì. Còn Đệ nhị tinh lự vô lậu thì nhiếp thuộc thanh tịnh.

**Hỏi:** Cớ sao Thế Tôn kiến lập ba loại luật nghi là Bí-sô, Cận sự và Cận trụ.

**Đáp:** Do ba nhân, tức là có ba loại người mà Phật giáo hóa: 1. Có loại năng hành là hành ác và là hành dục; 2. Có loại năng hành là hành ác, mà chẳng phải là hành dục; 3. Có loại chẳng năng hành là hành ác, cũng không là hành dục.

Nương giáo hóa loại thứ nhất, nên kiến lập luật nghi Bí-sô.

Nương giáo hóa loại thứ hai, nên kiến lập luật nghi Cận sự. Vì cớ sao? Vì sống nơi cư gia có nhiều sự thúc bách, chẳng thể tương tục một hướng hộ trì viên mãn các học xứ.

Nương giáo hóa loại thứ ba, nên kiến lập luật

nghi Cận trụ. Vì cơ sao? Vì loại đây không thể rớt ráo hành cả hai hạnh, chỉ khuyến tấn để kia nhiếp thọ hai nhân trên, không nên thúc ép. Trước tu ba chi là hành ác, sau tu bốn chi là hành dục, là phi phạm hạnh đồng tu cả hai chủng.

**Hỏi:** Luật nghi Bí-sô, Cận sự và Cận trụ nên biết mỗi loại nhiếp thuộc bao nhiêu chi?

**Đáp:** Luật nghi Bí-sô nhiếp thuộc bốn chi. Những gì là bốn? 1. Chi thọ Cụ túc; 2. Chi thọ học xứ tùy pháp; 3. Chi tùy hộ tâm người; 4. Chi tùy hộ học xứ đã thọ.

Hoặc tự mình dùng biểu nghiệp tác bạch tứ Yết-ma và nhiếp thọ tóm lược theo học xứ thô, gọi là chi thọ Cụ túc. Do chi cụ túc đây, nên gọi là Bí-sô ban đầu đầy đủ giới Bí-sô. Từ đây về sau, ở trong Biệt giải thoát Tỳ-nại-da sở hữu giới Bí-sô, nếu người kia dẫn phát nhiều học xứ, phòng hộ giữ gìn phụng hành, do đây được gọi là người thủ hộ luật nghi Biệt giải thoát. Đây gọi là chi thọ học xứ tùy pháp. Do thành tựu hai chi đây, nên đầy đủ quỹ phạm, đầy đủ sở hành. Đây gọi là chi tùy hộ tâm người. Đây đủ quỹ phạm và đầy đủ sở hành như trong *Thanh văn địa* đã thuyết. Hoặc ở trong tội

nhỏ thấy sợ hãi lớn, tức trong các học xứ đã thọ năng không hủy phạm, nếu có hủy phạm liền năng ra khỏi. Đây gọi là tùy hộ học xứ đã thọ.

Luật nghi Cận sự nhiếp vào ba chi. Những gì là ba? 1. Chi thọ xa lìa tổn người là thù thắng hơn cả; 2. Chi ân trọng tu hành, xa lìa sự trái vượt điều đã thọ; 3. Chi không trái vượt điều đã thọ. Đó là hoặc vĩnh viễn xa lìa tổn hại mạng người, tổn hại tiền của của người, xâm tổn vợ người, gọi là chi ban đầu. Hoặc xa lìa vọng ngữ gọi là chi thứ hai. Hoặc xa lìa các thứ rượu, các nơi phóng dật, gọi là chi thứ ba.

Luật nghi Cận trụ nhiếp vào năm chi. Những gì là năm? 1. Chi thọ xa lìa tổn hại người; 2. Chi thọ xa lìa tổn hại mình người; 3. Chi trái vượt điều đã thọ liền ân trọng tu hành; 4. Chi trụ không trái vượt điều đã thọ, chánh niệm; 5. Chi không hoại chánh niệm. Đó là hoặc năng xa lìa tổn hại mạng người, tổn hại tài của của người, gọi là chi ban đầu. Lìa phi phạm hạnh là chi thứ hai. Vì có sao? Do lìa đây, không tập nhiễm thê thiếp của mình, nên không tổn hại mình. Cũng chẳng năng tập nhiễm thê thiếp người, nên không tổn hại người. Xa lìa



vọng ngữ là chi thứ ba. Trừ xa lìa các thứ rượu, các nơi phóng dật, xa lìa ba điều khác là chi thứ tư. Vì có sao? Vì thường xuyên tập quen với ca vũ, kỹ nhạc, xoa hương bôi phấn, nằm giường cao lớn, ăn uống phi thời. Để xa lìa kia phải luôn tự nhớ: “Ta nay quyết định an trụ trai giới”. Ở tất cả thời, kiên cố thủ hộ chánh niệm, xa lìa các thứ rượu, nơi phóng dật, gọi là chi thứ năm. Vì có sao? Vì người kia an trụ chi nhớ nghĩ chân chánh: “Ta nay quyết định trụ trai giới, nếu theo các thứ rượu say sẽ phát cuồng loạn, không tự tại hành chuyển”.

Nay ở trong đây, hoặc luật nghi Bí-sô-ni, hoặc luật nghi Chánh học, Cần sách nữ, vì đều nhiếp vào phẩm xuất gia, nên biết nhiếp thuộc luật nghi Bí-sô. Nếu luật nghi Cận sự nữ vì thuộc phẩm tại gia, nên chỗ hiển học xứ cũng giống như luật nghi Cận sự, nên biết nhiếp vào luật nghi Cận sự.

**Hỏi:** Có sao ở trong luật nghi Bí-sô, Thế Tôn chế lập hai chúng là luật nghi Bí-sô và Cần sách, còn ở trong luật nghi Bí-sô-ni lại chế lập ba chúng luật nghi là Bí-sô-ni, Chánh học và Cần sách nữ?

**Đáp:** Do người nữ kia nhiều phiền não, nên dần dần mới cho thọ học luật nghi Bí-sô-ni. Nếu

trước ở nơi ít phần học xứ Cần sách nữ sanh sâu vui thích, kế nên cho thọ sở hữu học xứ của Chánh học. Nếu đối với nhiều phần học xứ của Chánh học sanh vui thích sâu, thì chưa nên truyền Cụ túc ngay, rốt ráo trải qua hai năm tập học học xứ, nếu quý trọng vui thích sâu mới truyền đầy đủ giới. Như vậy tích tập tu học lâu dài ở ít phần học xứ rồi, kế mới có lực năng thọ nhiều học xứ sáu rộng, về sau mới năng tu học đầy đủ luật nghi Bí-sô-ni.

**Hỏi:** Cớ sao ở trong luật nghi Cần sách lại thêm giới xa lìa vàng bạc, sao không thêm ở luật nghi Cận trụ?

**Đáp:** Do Cần sách kia nhiếp vào chúng xuất gia. Phạm là người xuất gia có hai điều thật không tịnh diệu: 1. Rơi vào biên dục lạc, ham ưa trau chuốt trang điểm cho thân, hành vi thọ dụng đều theo ý thích, vui thích chơi đùa; 2. Tích trữ tiền của, châu báu. Vì đoạn trừ điều không tịnh diệu thứ nhất, nên kiến lập phải xa lìa ca múa kỹ nhạc cho đến ăn phi thời. Vì đoạn trừ điều không tịnh diệu thứ hai, nên kiến lập xa lìa nắm giữ vàng bạc. Bởi vàng bạc kia là vật căn bản và tối thắng trong tất cả tài bảo.

**Hỏi:** Cớ sao trong luật nghi Cận sách chế lập hai chi là xa lìa ca múa kỹ nhạc và xoa hương bôi phấn, còn trong luật nghi Cận trụ hợp làm một chi?

**Đáp:** Đối với việc ca múa kỹ nhạc, nếu người tại gia thọ dụng thì chẳng phải là không như pháp; còn người xuất gia thọ dụng thì quả thật là không như pháp. Cho nên đối với người tại gia thì chế lập cả hai thành một học xứ. Nếu người tại gia vi phạm, chân thành tự trách, hợp một phát lồ, chẳng phải hai chủng. Đối với người xuất gia, ở nơi một xứ đây chế riêng làm hai chi. Kia nếu khởi vi phạm, chân thành tự trách, phát lồ hai chủng, chẳng do một.

**Hỏi:** Cớ sao không chấp nhận cho phiến-quất-ca (bán nam), bán-trạch-ca (bán nữ) xuất gia và thọ Cụ túc giới?

**Đáp:** Do hai loại người đây, nếu cho vào trong chúng Bí-sô liền thành nữ; nếu cho vào chúng Bí-sô-ni, nhân chạm xúc liền thành nam. Do đây không cho sống cùng hai chúng. Cho nên chẳng thể chấp nhận cho loại đây xuất gia và thọ Cụ túc. Lại vì loại người đây nhiều phiền não, vì tánh phiền não

chướng cực ngăn che, chẳng thể phát khởi tư duy phân tích. Kẻ kia còn không thể tư duy khiến uẩn, giới hiện hành thanh tịnh, hà huống sẽ chứng vượt hơn pháp người. Cho nên không chấp nhận cho loại kia xuất gia và thọ Cụ túc giới. Lại trong chúng kia khó có được người tốt, cũng khó quán sát.

**Hỏi:** Cớ sao hai loại người đây tuy thọ quy y, cũng năng thọ sở hữu các học xứ của Cận sự nam, mà không được gọi là Cận sự nam?

**Đáp:** Người Cận sự nam gọi là năng gần gũi phụng sự chúng Bí-sô, Bí-sô-ni. Kẻ kia tuy có thể hộ trì luật nghi đã thọ, mà chẳng nên ở trong số người thân cận phụng sự chúng Bí-sô, Bí-sô-ni. Bí-sô, Bí-sô-ni lại cũng không nên thân cận nhiếp thọ, hoặc chạm hoặc xúc chúng loại như vậy. Lại cũng không nên xem như Cận sự nam mà thân thiện gần gũi. Cho nên loại kia không được gọi là Cận sự nam. Nhưng kẻ kia lãnh thọ hộ trì sở hữu học xứ thì phước đức như nhau không sai khác.

Lại nữa, sao gọi là *chẳng phải luật nghi, chẳng phải bất luật nghi*? Trừ phần trước đã thuyết về luật nghi, bất luật nghi, chỗ có nghiệp thân, ngữ, ý thiện, bất thiện còn lại, nên biết tất cả đều

nhiếp thuộc nghiệp chẳng phải luật nghi, chẳng phải bất luật nghi.

**Hỏi:** Có người thọ luật nghi, hoặc do tự thọ, hoặc do người thọ, hoặc từ người thọ, hoặc tự nhiên thọ. Thọ luật nghi như vậy, phước đức thu được có hơn kém sai biệt không?

**Đáp:** Nếu tâm thọ bình đẳng, cũng hành trì như vậy, nên biết không có gì sai biệt.

**Hỏi:** Do bao nhiêu nhân duyên không nên truyền luật nghi Bí-sô, đầu kia vui muốn thọ?

**Đáp:** Tóm lược do sáu nhân: 1. Tổn hại ý lạc; 2. Tổn hại y chỉ; 3. Tổn hại nam hình; 4. Tổn hại bạch pháp; 5. Bị hệ thuộc người; 6. Vì hộ người.

Hoặc bị vua bức bách, hoặc bị giặc bức bách, hoặc bị sợ hãi bức bách, hoặc sợ không có kế sinh nhai, kia nghi như vậy: “Ta ở cư gia khó kiếm sống, còn như các Bí-sô đây mạng sống thật dễ dàng. Ta nay nên đến gia nhập chúng Bí-sô, tự thân giả hiện cùng kia đồng pháp, mạng sống sẽ dễ dàng hơn”. Do kia ý vui đối trá như vậy, nên tuy đã xuất gia mà ôm lòng sợ hãi, tùy phụng hành giữ gìn theo một học xứ. Kẻ kia tự nghĩ: “Chớ để các Bí-sô cùng sống chung biết ta phạm giới, sẽ liền đuổi

bỏ”. Nhưng do kia bị tổn hại ý lạc, nên không gọi là xuất gia thọ Cụ túc giới. Như vậy gọi là tổn hại ý lạc.

Hoặc lại có người tác nghĩ như vậy: “Ta ở cư gia mạng sống khó khăn, cần phải xuất gia mạng sống mới dễ dàng. Như các Bí-sô tu phạm hạnh, ta cũng như vậy, sẽ tu phạm hạnh đến lúc mạng chung”. Xuất gia như vậy không gọi là tổn hại ý lạc. Tuy không phải thuần tịnh, nhưng không phải không gọi là xuất gia thọ cụ.

Hoặc thân có bệnh như ung thủng... như những bệnh trạng đã nói trong giá pháp, như vậy gọi là tổn hại y chỉ. Do thân của kia bị tổn hại, tuy xuất gia nhưng không có lực năng cộng sự làm việc với sư trưởng và những người đồng phạm hạnh. Do nhân duyên đây, không thể thọ nhận sự thuần tín của thí chủ và những vật thí tịnh tín như y phục, thức uống ăn... Hai chủng tịnh tín thí đây, người kia thọ dụng rất khó tiêu, không nên để kia thọ dụng. Nếu cho thọ dụng sẽ khiến kia thối giảm các thiện pháp. Cho nên người bị tổn hại y chỉ không nên xuất gia thọ Cụ túc giới. Nếu hai dạng bán nam và bán nữ thì gọi là tổn hại nam hình, không

cho xuất gia thọ Cụ túc giới, nên biết nhân duyên như trước đã thuyết.

Lại bán nữ lược có 3 chủng: 1. Toàn phần bán nữ; 2. Một phần bán nữ; 3. Tổn hại bán nữ.

Hoặc có người lúc mới sanh nam căn không thành, gọi là toàn phần bán nữ.

Hoặc có người nửa tháng khởi dùng trạng thái nam, hoặc có lúc bị người xâm phạm đối với mình, hoặc thấy người hành phi phạm hạnh thì trạng thái nam mới khởi. Đây gọi là một phần bán nữ.

Hoặc bị dao... hoặc các vật dụng khác làm tổn hại, trước kia được nam căn, nay bị đoạn hoại. Dầu đã đoạn hoại mà trạng thái nam không bị chuyển biến. Đây gọi là tổn hại bán nữ.

Bán nữ thứ nhất cũng gọi là bán nữ, cũng gọi là bán nam. Thứ hai chỉ có bán nữ, chẳng phải bán nam. Thứ ba nếu không bị người xâm hại mình, chỉ là bán nam, chẳng phải bán nữ. Nếu bị người xâm tổn, gọi là bán nữ, cũng gọi là bán nam.

Hoặc tạo nghiệp vô gián nhiễm ô với Bí-sô-ni, hoặc sống với ngoại đạo, kẻ cướp, hoặc sống riêng lẻ, hoặc không sống chung. Đây gọi là tổn hại pháp bạch, chẳng nên trao Cụ túc giới cho kia. Vì

sao? Vì kẻ kia không tầm không quý phẩm thượng, nhiếp thuộc pháp cực cấu nhiễm, khiến sở hữu pháp bạch cực thành hạ liệt.

Hoặc ở chỗ vua ác, hoặc gây tạo nghiệp không như pháp, hoặc làm nô lệ cho người, hoặc bị người dẫn đoạt, hoặc bị tranh tụng, hoặc cha mẹ không chấp nhận... Đây gọi là hệ thuộc người, không nên trao Cụ túc giới.

Hoặc vì hộ người, nếu là kẻ biến hóa cũng không truyền Cụ túc giới. Vì sao? Hoặc do rồng... muốn thọ pháp nên hóa thân giống như Bí-sô đến cầu thọ Cụ túc giới. Nếu vì kia trao cụ giới, khi kia ngủ nghỉ, liền hoàn lại hình cũ. Ngủ dậy lại hóa thành Bí-sô, giả hình Bí-sô. Nếu người giữ vườn, hoặc Cận sự nam bất chợt thấy, liền đối với tất cả chân Bí-sô phát khởi tâm ác, cho là các Bí-sô đều thuộc loại phi nhân. Như vậy còn ai kính quý pháp chư Phật, ủng hộ người xuất gia. Cho nên vì hộ người mà không truyền Cụ túc giới cho kia.

Do sáu nhân đây không nên truyền luật nghi Bí-sô. Lại trừ ngoại lệ, năng tác bạch Yết-ma A-già-lợi-da, Ô-ba-đà-da, trụ thanh tịnh giới, đầy đủ Tăng chúng.



**Hỏi:** Do bao nhiêu nhân duyên không nên vì kia truyền luật nghi Cận sự nam?

**Đáp:** Lược có hai nhân: 1. Tổn hại ý lạc; 2. Tổn hại nam hình. Nếu người tổn hại ý lạc thì không truyền. Nếu người tổn hại nam hình, hoặc cho phép truyền, nhưng không gọi là Cận sự nam. Không thuyết nhân duyên vì trước đã biện đủ.

Nếu luật nghi Cận trụ, chỉ cần tổn hại ý lạc thì không truyền. Vì cơ sao? Hoặc bị chuyển theo người, hoặc vì tài lợi cung kính mà giả xưng muốn thọ, kẻ kia không thật có ý lạc cầu thọ. Nên biết đây gọi là tổn hại ý lạc. Không thuộc những nhân duyên trên, thì phải truyền trao sở hữu luật nghi như trước đã nói.

**Hỏi:** Có bao nhiêu nhân duyên đã thọ luật nghi Bí-sô lại hoàn xả?

**Đáp:** Hoặc do xả học xứ đã thọ, hoặc do phạm tội căn bản, hoặc do hình ẩn sanh hai hình, hoặc do đoạn thiện căn, hoặc do xả bỏ chúng đồng phạm, nên đã thọ luật nghi Bí-sô lại hoàn xả. Lúc chánh pháp hủy hoại, chánh pháp ẩn chìm, tuy không có người mới thọ luật nghi Bí-sô, nhưng người trước kia đã được thọ nên biết không xả giới tướng. Vì

sao? Do bây giờ là lúc kiếp uế chánh khởi, không một hữu tình năng thọ Cụ giới mà không tổn ý lạc, hưởng là có người chứng đắc quả Sa-môn.

Hoặc luật nghi Cận sự nam nên biết do khởi tâm không đồng phạm, do đoạn thiện căn, do xả bỏ chúng đồng phạm, tuy đã thọ lại hoàn xả. Hoặc lúc chánh pháp ẩn chìm, thì như đạo lý luật nghi Bísô, nên biết luật nghi Cận sự nam cũng vậy.

Hoặc luật nghi Cận trụ nên biết do xa ánh sáng chánh pháp, hoặc do phát khởi tâm không đồng phạm, hoặc do ở khoảng giữa xả chúng đồng phạm, tuy đã được thọ lại hoàn xả.

Lại nữa, sao gọi là *Vô tướng định*? Đã là Biến tịnh tham, nhưng chưa là thượng tham, do tác ý xuất ly tướng làm tiền dẫn, các tâm tâm sở chỉ đoạn diệt tịch tĩnh, chỉ không chuyển. Đây gọi là Vô tướng định. Đây chỉ là giả có, chẳng phải thật vật có.

Nên biết lược có ba chủng sai biệt: 1. Tu phẩm hạ; 2. Tu phẩm trung; 3. Tu phẩm thượng.

Nếu người tu phẩm hạ, ở trong hiện pháp bị suy thối, chẳng thể nhanh chóng dẫn phát khiến hiện tiền trở lại. Nếu sanh trong hữu tình cõi trời

Vô tướng, chỗ đắc thân sở y không thanh tịnh lắm, oai quang sáng rỡ, hình sắc rộng lớn như các trời khác, quyết định sẽ chết yếu.

Nếu tu phẩm trung, tuy hiện pháp thối nhưng năng nhanh chóng dẫn khiến hiện tiền trở lại. Nếu sanh trong hữu tình cõi trời Vô tướng, chỗ cảm thân sở y tuy cực thanh tịnh, oai quang sáng rỡ, hình sắc rộng lớn, nhưng không rốt ráo tối cực thanh tịnh. Tuy có chết yếu, nhưng không quyết định như vậy.

Nếu tu phẩm thượng thì quyết chắc không suy thối. Nếu sanh hữu tình trời Vô tướng, chỗ cảm thân sở y tối cực thanh tịnh, oai quang sáng rỡ, hình sắc rộng lớn, đạt đến rốt ráo tối cực thanh tịnh. Không nằm trong chết yếu, nhưng về sau thọ lượng tận hết mới chết. Lại nữa, nếu do nhân đây duyên đây sở hữu sanh đắc tâm tâm sở diệt, gọi là vô tướng.

Lại nữa, sao gọi là *Diệt tận định*? Đã lìa Vô sở hữu xứ tham, đối với thượng tham hoặc chưa lìa, hoặc đã lìa. Do tác ý ngừng dứt tướng làm tiền dẫn, nên các tâm tâm sở duy chỉ diệt tịnh, duy chỉ không chuyển. Đây gọi là *Diệt tận định*. Định đây

chỉ năng khiến *chuyển thức* diệt tĩnh, chẳng năng diệt tĩnh *A-lại-da thức*. Nên biết định đây cũng gọi giả có, chẳng phải thật vật có.

Định đây lược có ba chủng sai biệt. Nếu tu phẩm hạ, ở hiện pháp bị suy thối, chẳng năng nhanh chóng dẫn phát khiến hiện tiền trở lại. Nếu tu phẩm trung, thì tuy hiện pháp suy thối, vẫn năng nhanh chóng dẫn phát khiến hiện tiền trở lại. Nếu tu phẩm thượng thì rốt ráo không thối. Thánh giả hữu học năng nhập định đây, đó là thân chứng Bất hoàn. Thánh giả vô học cũng lại năng nhập, đó là câu phần giải thoát. Vô tướng định trước thì chẳng phải hàng hữu học nhập, cũng chẳng phải vô học nhập. Vì cơ sao? Vì trong đó không có tuệ hiện hành. Vì trên đây có trụ và sanh tịch tĩnh thù thắng. Lại định đây chẳng thể chứng đắc các thắng thiện pháp chưa chứng đắc, bởi chỉ là chỗ ngưng nghỉ huyền hóa hư dối.

Lại nữa, sao gọi là *hư không*? Là chỗ hiển các sắc chẳng phải có. Vì sao? Vì nơi mà sở hành đều vô sở đắc, mới lấy mới có tướng hư không chuyển. Cho nên biết đây chỉ là giả có, chẳng phải thật vật có.

Lại nữa, sao gọi là *phi trạch diệt*? Nếu duyên của pháp khác sanh khởi hiện tiền, vì pháp khác sanh nên cái khác không được sanh, chỉ tịch diệt, chỉ tịch tĩnh, đây gọi là phi trạch diệt. Các sở hữu pháp thời đây lẽ sanh, vượt quá thời sanh, nên kia ở thời đây trọn không sanh lại. Cho nên diệt đây cũng là giả có, chẳng phải thật vật có. Vì cơ sao? Vì đây không có tự tướng khác khả đắc. Vì chủng loại pháp đây chẳng lìa hệ buộc, nên ở thời khác gặp duyên có thể sanh. Do vậy, phi trạch diệt chẳng một hướng nhất định. Ngoại trừ nếu ở vị học kiến tích, ở nơi hai loại noãn và thấp sanh, sanh ở trời Vô tướng, Bắc-cu-lô châu, hoặc nữ, hoặc bán nam, hoặc bán nữ, không hình, hai hình... và ở nơi hậu hữu hoặc yêu thích, hoặc mong cầu được đắc phi trạch diệt, nên biết một hướng quyết định. Do ở học kiến tích nếu chưa vĩnh viễn đoạn trừ chủng tử ái, thì đối với hậu hữu khởi mong muốn trói buộc khiến phát sanh hậu hữu; ở vị học kiến tích còn lại thì ngược lại.

**Hỏi:** Nhân duyên nào gọi là tâm bất tương ưng?

**Đáp:** Đây chỉ là giả tướng ở trong các sự mà

khởi ngôn thuyết. Ở hai chủng hữu sắc... đều chẳng phải. Ở hai chủng hữu kiến... đều chẳng phải.

Như vậy đã rộng thuyết về an lập đạo lý. Tất cả như vậy đã thuyết sáu chủng thiện xảo, bao gồm uẩn thiện xảo cho đến căn thiện xảo.

Lại nữa, sao gọi là **kiến lập rộng nghĩa các thiện xảo**? Ốt-Đà-Nam nói:

*Tự tánh, nghĩa, sai biệt  
Thứ lớp, nhiếp, y chỉ.*

**Hỏi:** Những gì là tự tánh sắc?

**Đáp:** Lược có 11 chủng: gồm 10 sắc xứ, đó là năm sắc căn như nhãn, nhĩ... năm sắc cảnh như sắc, thanh... và sắc nhiếp thuộc pháp xứ. Lại tổng có 2: bốn đại chủng và sắc sở tạo. Như vậy tất cả đều là tướng biến ngại.

**Hỏi:** Những gì là tự tánh thọ?

**Đáp:** Lược có 6 chủng: nương sáu xúc như nhãn xúc... mà được sanh. Đây có 2 chủng: hoặc sắc làm chỗ nương gọi là thân thọ, hoặc vô sắc làm chỗ nương gọi là tâm thọ. Vì có sao? Bởi năm căn trước đều là tánh sắc vậy.

**Hỏi:** Nếu năm căn trước đều là tánh sắc, nương nhãn thọ... gọi là thân thọ, cứ sao nhãn... chẳng phải là thân?

**Đáp:** Do tướng khác vậy. Vì sao? Bởi tướng của năm căn triển chuyển khác nhau.

**Hỏi:** Nếu tướng của nhãn căn... khác nhau chẳng phải tướng thân, các thọ nương mỗi căn có sự riêng khác, do nhân duyên đây nên chẳng gọi là thân thọ?

**Đáp:** Do căn có sắc không lìa thân nên được danh như thế, không có lỗi.

**Hỏi:** Nếu do không lìa thân nên không lỗi, ý căn cũng vậy, chẳng lìa thân chuyển, thì thọ nương từ ý căn phải gọi là thân thọ, tức là tất cả đây đều là thân thọ, không có tâm thọ?

**Đáp:** Các căn có sắc nhất định không lìa thân, ý thì không như vậy, nên không có gì trái vượt. Vì sao? Hữu tình sanh ở Vô sắc, ý căn lìa thân mà chuyển. Cho nên năm căn phát sanh các thọ, gọi chung là thân thọ. Chỉ riêng nương ý, nên gọi là tâm thọ. Cho nên thuyết chung cả hai là thân tâm thọ. Lại tất cả thọ đều là tướng lãnh nạp.

**Hỏi:** Những gì là tự tánh tướng?

**Đáp:** Đây cũng có 6 chủng nên biết như trước. Lại tướng có sáu: 1. Tướng hữu tướng; 2. Tướng vô tướng; 3. Tướng hẹp nhỏ; 4. Tướng rộng lớn; 5. Tướng vô lượng; 6. Tướng vô sở hữu. Lại lược có hai: 1. Tướng thế gian, 2. Tướng xuất thế gian.

Tướng hẹp nhỏ: tướng trói buộc Dục giới.

Tướng rộng lớn: tướng trói buộc Sắc giới.

Tướng vô lượng: tướng trói buộc Không, Thức vô biên xứ.

Tướng vô sở hữu: tướng trói buộc ở Vô sở hữu xứ.

Tất cả tướng đây đều gọi là tướng hữu tướng.

Tướng vô tướng: tướng Hữu đánh và tất cả tướng học, vô học xuất thế gian.

Lại tất cả tướng đều là tướng liễu hết thấy.

**Hỏi:** Những gì là tự tánh hành?

**Đáp:** Đây cũng có 6 chủng, nên biết như trước. Lại tướng hành đây do 5 chủng loại khiến tâm tạo tác: 1. Chạy theo cảnh; 2. Hòa hợp; 3. Chia lìa; 4. Năng phát nghiệp tạp nhiễm; 5. Khiến tâm tự tại chuyển.

Lại hành tướng đây lược có 3 chủng: 1. Hành thiện; 2. Hành bất thiện; 3. Hành vô ký.



Lại tất cả hành đều là tướng tạo tác.

**Hỏi:** Những gì là tự tánh thức?

**Đáp:** Lược có 6 chủng, chỗ gọi nhãn thức cho đến ý thức là tự tánh thức sai biệt. Lại thức có 3 chủng: 1. Lãnh thọ sai biệt; 2. Chọn cảnh sai biệt; 3. Phần vị sai biệt. Lãnh thọ sai biệt có 3; chọn cảnh sai biệt có 6; phần vị sai biệt có 3. Như vậy thức uẩn sai biệt tổng cộng có 18 tự tánh. Đây gọi là tự tánh các uẩn.

Lại nữa, sao gọi là *nghĩa uẩn*? Vì hiển nghĩa nào mà kiến lập các uẩn? Là sở hữu sắc hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, cho đến xa gần. Như sắc, cho đến thức cũng vậy. Như vậy lược chung nhiếp tất cả uẩn. Nghĩa tích tụ là nghĩa uẩn.

Lại do các uẩn chỉ có chủng chủng danh tánh các hành, vì hiển nghĩa tánh vô ngã mà kiến lập các uẩn.

Lại nữa, sao gọi là *sắc uẩn sai biệt*? Lược do 6 chủng: 1. Do sự; 2. Do tướng; 3. Do thức chấp, không chấp; 4. Do thức không, chẳng không; 5. Do sở hành của tướng; 6. Do ngăn mé.

Do sự: sở hữu các sắc đều là bốn đại chủng và bốn đại chủng sở tạo.

Do tướng, lược có 3 chủng: 1. Sắc thanh tịnh; 2. Sắc do đồng phạm sắc thanh tịnh; 3. Sắc do ý nắm giữ. Lại tướng biến ngại là cộng tướng sắc.

Do thức chấp, không chấp: nếu thức nương chấp, gọi là chấp thọ sắc. Đây có nghĩa gì? Tức là thức nương dựa sự an ổn, nguy hại đồng hòa hợp sanh trưởng. Lại đây làm chỗ nương năng sanh các thọ. Trái với tướng trên, chẳng phải chấp thọ sắc.

Do thức không, chẳng không: nếu thức chẳng không gọi là sắc đồng phạm, vì nghĩa thức... cùng với đây chuyển. Nếu thức không, thì gọi là sắc kia đồng phạm, vì lấy tương tục của chính nó mà tùy chuyển.

Do sở hành tướng: tướng duyên sắc lược có 3 chủng: 1. Tướng sắc; 2. Tướng có đối; 3. Tướng riêng khác. Tướng sắc cũng có 3 chủng: 1. Tướng có quang ảnh; 2. Tướng dựa theo phương xứ; 3. Tướng an trụ tích tập. Ba tướng như vậy tùy theo đó là thứ lớp sở hành của ba tướng. Nắm giữ tướng xanh... gọi là tướng sắc; năng nắm giữ ngăn ngại hành, gọi là tướng có đối; năng nắm giữ giả lập nam, nữ, nhà, ruộng... gọi là tướng riêng khác. Đây gọi là sở hành sai biệt của tướng.

Do ngần mé: ngần mé của sắc lược có 2 chủng: 1. Đọa hạ giới, là sắc hệ buộc ở Dục giới; 2. Đọa trung giới, là sắc hệ buộc ở Sắc giới. Nên biết trong đây các sắc được nói đến là do thành tựu nghiệp tăng thượng sanh khởi. Vô sắc giới không có các sắc. Sắc đây chẳng phải do thành tựu thắng định tự tại mà nói. Vì có sao? Do thắng định kia ở nơi tất cả sắc đều được tự tại, các gia hạnh định khiến hiện tại tiền. Nên biết sắc đây gọi là sắc do cực vi tế định sanh khởi.

Lại nữa, sao gọi là *thọ uẩn sai biệt*? Lược do 5 chủng: 1. Do sự; 2. Do tướng; 3. Do sanh; 4. Do quán sát; 5. Do xuất ly.

Do sự: là lãnh nạp và pháp thuận lãnh nạp.

Do tướng: là tự tướng và cộng tướng. Tự tướng có ba: thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc.

Thọ lạc do hoại khổ nên khổ, thọ khổ do khổ khổ nên khổ, thọ không khổ không lạc do hành khổ nên khổ. Do nhân duyên đây, các sở hữu thọ đều gọi là khổ. Đây gọi là cộng tướng của thọ.

Do sanh: tất cả thọ do 16 xúc sanh. Những gì là 16? Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc, xúc có đối, xúc tăng ngữ, xúc thuận thọ

lạc, xúc thuận thọ khổ, xúc thuận thọ không khổ không lạc, xúc ái, xúc khuể, xúc minh, xúc vô minh, xúc chẳng phải minh chẳng phải vô minh. Do sở y và sở thủ cảnh mà kiến lập sáu xúc và xúc có đối. Do phân biệt cảnh mà kiến lập xúc tăng ngữ. Do lãnh nạp cảnh mà kiến lập xúc thuận thọ lạc... Do nhiệm tịnh mà kiến lập xúc ái, khuể, minh, vô minh, chẳng phải minh chẳng phải vô minh. Đây gọi là sanh thọ sai biệt.

Do quán sát sai biệt: tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác xuất hiện thế gian đều đối với các thọ khởi 8 chủng quán: Thọ có bao nhiêu chủng? Gì là thọ tập? Gì là thọ diệt? Gì là thọ tập thú hưởng hành? Gì là thọ diệt thú hưởng hành? Gì là thọ ái vị? Gì là thọ quá hoạn? Gì là thọ xuất ly?. Khi quán như vậy như thật rõ biết thọ có ba chủng xúc tập nên thọ tập, nên biết như kinh đã phân biệt rộng thuyết.

Như vậy, 8 chủng quán sát các thọ nên biết lược hiển: quán tự tướng, quán nhân hiện pháp chuyển; quán kia diệt, quán nhân hậu pháp chuyển; quán kia diệt, quán nhân hiện pháp hậu pháp chuyển; quán nhân chuyển diệt của hiện pháp hậu pháp và

quán thanh tịnh. Đây gọi là quán sát sai biệt.

Do xuất ly: Sơ tĩnh lự xuất ly căn ưu. Đệ nhị tĩnh lự xuất ly căn khổ. Đệ tam tĩnh lự xuất ly căn hỷ. Đệ tứ tĩnh lự xuất ly căn lạc. Ở Vô tướng giới xuất ly căn xả. Đây gọi là xuất ly sai biệt.

Lại nữa, sao gọi là *tướng uẩn sai biệt*? Lược do 5 chủng: 1. Do sự; 2. Do tướng; 3. Do điên đảo; 4. Do không điên đảo; 5. Do phân biệt.

Do sự: nắm giữ tướng sở duyên và pháp thuận theo kia.

Do tướng: tự tướng có 6 chủng, nên biết như trước. Tướng liễu hết thấy là cộng tướng. Đây gọi là tướng sai biệt.

Do điên đảo sai biệt: các ngu phu không hiểu biết đuổi theo vô minh, khởi tác ý không như lý. Đối với cảnh sở duyên mà thủ tướng cho là thường, như vậy mà chuyển. Đây gọi là tướng đảo. Như ở nơi vô thường cho là thường, thì ở nơi khổ cho là vui, ở bất tịnh cho là tịnh, ở nơi vô ngã cho là ngã. Do tướng điên đảo đây, người tại gia năng phát tâm đảo, một phần người xuất gia năng phát kiến đảo. Đây gọi là điên đảo sai biệt.

Đây lại có sai biệt: đó là ở nơi bốn việc tà mà

nắm giữ tướng kia, đây gọi là tướng đảo. Nếu do tướng liễu hết thấy như vậy, nên ở nơi cảnh tham trước gọi là tâm đảo. Nếu do tướng liễu hết thấy như vậy, kẻ có chấp trước, ở nơi các việc điên đảo chấp kiên cố cho đến kiến lập khai thị, đây gọi là kiến đảo.

Do không điên đảo sai biệt: người thông tuệ có hiểu biết minh bạch, thuận theo trí tuệ sáng suốt, khởi tác ý như lý. Ở nơi cảnh sở duyên vô thường biết là vô thường, khổ biết là khổ, bất tịnh biết là bất tịnh, vô ngã biết là vô ngã. Chân chánh thủ tướng đây mà chuyển. Đây gọi là tướng không điên đảo, tâm không điên đảo và kiến không điên đảo. Đây gọi là không điên đảo sai biệt.

Do phân biệt sai biệt: lược có 5 chủng tướng phân biệt tướng: 1. Phân biệt cảnh giới; 2. Phân biệt lãnh nạp; 3. Phân biệt giả thiết; 4. Phân biệt hư vọng; 5. Phân biệt thật nghĩa.

Hoặc đối với cảnh giới, tùy theo đó mà chấp lấy tướng vị, gọi là phân biệt cảnh giới. Hoặc chấp thủ cảnh giới phát sanh các thọ, gọi là phân biệt lãnh nạp. Hoặc đối với mình, người mà nắm giữ danh như vậy, loại như vậy, tánh như vậy, chủng

chúng tướng ngôn thuyết thế tục. Đây gọi là phân biệt giả thiết. Hoặc đối với các cảnh giới mà thủ tướng diên đảo, gọi là phân biệt hư vọng. Hoặc đối với các cảnh giới mà thủ tướng không diên đảo, gọi là phân biệt thật nghĩa.

Như vậy gọi chung là tướng uẩn phân biệt sai biệt.

Lại nữa, sao gọi là *hành uẩn sai biệt*? Cũng do 5 tướng: 1. Do cảnh giới; 2. Do phần vị; 3. Do tạp nhiễm; 4. Do thanh tịnh; 5. Do tạo tác.

Do cảnh giới: ở hành uẩn thân lập sáu tư thân.

Do phần vị: lập sanh... bất tương ưng hành, do sanh... chỉ có phần vị hiển hiện.

Do tạp nhiễm: ở các hành tạp nhiễm kiến lập phiền não và tùy phiền não.

Do thanh tịnh: ở các hành thanh tịnh kiến lập tín...

Do tạo tác: như trước đã thuyết, năm tướng tạo tác vì đuổi theo hết thấy cảnh.

## Quyển 54

### Thứ 1. NĂM THỨC THÂN TƯƠNG ƯNG ĐỊA

### Thứ 2. Ý ĐỊA

### Phần 4

Lại nữa, sao gọi là *thức uẩn sai biệt*? Nên biết đây cũng có 5 chủng: 1. Do an trụ; 2. Do tạp nhiễm; 3. Do sở y; 4. Do trụ; 5. Do dị tướng.

Do an trụ: là những kẻ tập dục, các thức Dục giới chấp sắc trần bên ngoài, gọi là an trụ sắc. Hoặc các thức Sắc giới của cõi trời thanh tịnh chấp danh sắc bên trong, gọi là an trụ danh và sắc. Các thức Vô sắc giới chỉ chấp danh bên trong, gọi là an trụ danh. Đây gọi là thức an trụ sai biệt.

Do tạp nhiễm sai biệt: các ngu phu do 2 chủng môn khiến thức bị ô nhiễm: 1. Ở trong hiện pháp do môn thọ dụng cảnh giới; 2. Ở trong hậu pháp do môn sanh, lão... Đây gọi là thức nhiễm ô sai biệt.

Do sở y sai biệt: do sáu sở y nên các thức tùy chuyển, tức nương sáu xứ là nhãn xứ... sáu thức thân chuyển, như lửa ở thế gian nương vỏ trấu,



phân bò, mặt cưa... mà cháy. Đây gọi là thức sở y sai biệt.

Do trụ sai biệt: do bốn thức trụ, như kinh nói: “Có bốn sự nương tựa giữ gìn làm sở duyên khiến thức an trụ, đó là thức theo sắc mà được trụ, duyên sắc lấy làm cảnh”. Như kinh rộng thuyết: “Ta trọn không thuyết thức đây mất ở phương Đông cho đến bốn phương. Nhưng Ta chỉ thuyết ở trong hiện pháp là dục, tất ảnh của kia tịch diệt, tịch tĩnh, thanh lương, thanh tịnh”. Như vậy trong kinh đã hiển Như Lai nói về các tướng thức trụ.

Từ đây về sau Ta sẽ tuyên thuyết về tướng sai khác của kia, đó là trong kinh đây lược hiển về tướng thức trụ và nhân duyên, ngăn mé của hai chủng thức trụ và nhân duyên, dừng dứt hai chủng thức trụ và nhân duyên. Nên biết trong đây hoặc các sự phiền não, hoặc thuộc phiền não kia, gọi là sự nương tựa giữ gìn. Có hai điều cũng được gọi là sở duyên, đó là vì tánh sở duyên, vì có sở duyên. Do tham ái kia làm duyên phiền não, gọi là sự hướng đến sở chấp. Do bốn chủng thân hệ buộc tham dục... làm duyên phát khởi nghiệp, gọi là sự duyên sở duyên. Vì sự đuổi theo hai tùy miên nên

gọi là sự kiến lập.

Nếu các bổ-đặc-già-la dị sanh chưa thu được trong việc đối trị chán lìa, thức của nội thân được tưới nhuần bằng chấp thủ, tự mãn. Ở đời đương lai kiến chấp năng thủ, năng mãn đây triển chuyển, nên không thể xả bỏ các tánh dị sanh. Do đây nhất định tương tục lưu chuyển. Đây gọi là trụ. Nhân duyên trụ khác nên biết như trước.

Đây gọi là nói lược hai tướng trụ và nhân duyên.

Thức của Hữu sắc giới có đến có đi. Thức của Vô sắc giới có sanh có tử. Lại trụ hai tướng cây cho đến thọ tận. Lại sanh trưởng tăng ích hai tướng đây và nghĩa rộng lớn nên biết như trước. Ngang đây gọi là ngăn mé của thức trụ và nhân duyên. Nếu khác đây mà thi thiết chỉ là văn tự sai khác, chẳng phải nghĩa sai khác. Do có người nương nghĩa cảnh-giới-không khác, nếu bị người chân chánh hỏi thì không biết đáp thế nào. Hoặc lại có người cũng nương nghĩa cảnh-giới-không khác, về sau tự nhiên như lý quán sát, sẽ tự trách mình đã ngu si tác thuyết như vậy.

Nếu người thông huệ năng đoạn trừ xa lìa

vĩnh viễn ở nơi các sắc ái cho đến hành ái nhiếp lấy tham triền, cũng vĩnh viễn đoạn ở nơi phần phiền não nhiếp lấy triền của bốn chủng thân hệ buộc năng phát khởi nghiệp. Vì cố sao? Do chúng tại gia nương hai sự hệ buộc là tham dục và sân khuể khiến sanh khởi các nghiệp, vì nhiếp thọ cảnh giới làm nhân, vì tổn hại hữu tình làm nhân. Do chúng xuất gia nương hai sự hệ buộc là giới cấm thủ và thật chấp thủ khiến sanh khởi các nghiệp. Giới cấm thủ đây vì cầu sanh thiên nên ngang bằng tham dục. Thật chấp thủ đây ngang bằng sân khuể vì chê bai Niết-bàn. Nên biết bốn thân hệ buộc như vậy chỉ ở tại *Ý địa* mới phát sanh phân biệt. Từ đây về sau do nhiều tu tập đối trị thù thắng, lại năng vĩnh viễn đoạn trừ hai chủng tùy miên của thân hệ buộc là tham và ái. Do đoạn đây, phiền não sở duyên cảnh sắc, thọ... cũng không tương tục, vì dụng rốt ráo là hệ buộc. Do sở duyên đây không tương tục, nên thức tùy miên rốt ráo tịch diệt, ở trong các thức trụ sắc, thọ... không an trụ trở lại. Do đối trị thức vĩnh viễn thanh tịnh, gọi là dừng dứt thức trụ, nhân duyên. Lại do vị lai nhân duyên diệt, nên ở phần nội thân không chấp

thủ, không tự mãn, cho nên nhất định không có tương tục lưu chuyển. Đây gọi là dừng dứt thức trụ.

Lại đối trị nhiếp lấy thức thanh tịnh gọi là không chỗ trụ. Do nhân duyên kia nên gọi là không sanh trưởng. Do khéo tu tập Không giải thoát môn gọi là không sở vi. Do khéo tu tập Vô nguyện giải thoát môn gọi là tri túc. Do khéo tu tập Vô tướng giải thoát môn gọi là an trụ. Như vậy vì không sanh trưởng cho đến vì an trụ gọi là cực giải thoát.

Lại ở nơi hành... không chấp trước ngã và ngã sở, do nhân duyên đây, khi sắc... hoại cũng không sanh khiếp sợ. Do tướng trạng đây hiển tự thể kia đã được thanh tịnh. Lại do thức kia vĩnh viễn thanh tịnh, không đợi nhân khác mà tự nhiên nhậm vận nhập vào tịch diệt. Vì thức tương tục đây rất ráo đoạn, nên không lưu chuyển trở lại mười phương cõi giới. Vì ở nơi mạng sống và chết cũng chẳng mong cầu, cho nên gọi là vĩnh viễn ly dục.

Lại sở hữu thọ chính là ảnh của cây thức, vì kia lúc bấy giờ không có trở lại, gọi là vĩnh viễn là ảnh. Các thức hữu lậu ở trong hiện pháp sẽ rất ráo diệt tận, nên gọi là tịch diệt. Các thức vô lậu thì tùy theo thứ lớp, nếu là hàng hữu học giải thoát

gọi là tịch tĩnh, nếu là hàng vô học giải thoát gọi là sáng sạch thanh lương. Ý sót thừa vĩnh viễn diệt nên gọi là thanh tịnh.

Lại tự tánh các thức chẳng phải nhiễm, như Thế Tôn đã thuyết: “Tất cả tánh tâm gốc thanh tịnh”. Vì cơ sao? Chẳng phải tự tánh tâm rốt ráo bất tịnh năng sanh tất cả phiền não quá thất như tham... Cũng chẳng một mình là nhân duyên của phiền não như sắc, thọ... Vì cơ sao? Vì tất không riêng một mình ở nơi tánh thức mà khởi nhiễm ái như ở nơi sắc... Cho nên duy chỉ có thức mà không lập thức trụ, gọi là thức uẩn do trụ sai biệt.

Do dị tướng sai biệt: là tâm có tham, tâm là tham, tâm có sân, tâm là sân... cho đến tâm không giải thoát, tâm cực giải thoát, như kinh đã rộng thuyết. Đây gọi là môn dị tướng sai biệt thứ nhất.

Lại có dị tướng sai biệt trong phạm vi giới. Dục giới có 4 tâm là: tâm thiện, tâm bất thiện, tâm có che đậy không ghi nhớ và tâm không che đậy không ghi nhớ. Sắc giới có 3 tâm như các tâm ở Dục giới, nhưng trừ tâm bất thiện. Vô sắc giới có 3 tâm, cũng trừ tâm bất thiện. Vô lậu có 2 tâm là hữu học và vô học.

Lại Dục giới có 2 chủng tâm thiện là gia hạnh và sanh mà được. Tâm không che đậy không ghi nhớ có 4 chủng: tâm dị thực sanh, tâm đường oai nghi, tâm công xảo xứ và tâm biến hóa. Tâm chỉ do sanh mà được như Trời, Rồng, Dược-xoa... nhưng không phải do quả tu tâm. Ở trong Sắc giới không có tâm công xảo xứ, ở Vô sắc giới cũng vậy. Nên biết tâm thiện cõi dưới thì cõi trên cũng vậy, có ở tất cả xứ.

Lại có dị tướng sai biệt trong phạm vi chủng. Dục giới có 5 tâm: 1. Tâm kiến khổ sở đoạn; 2. Tâm kiến tập sở đoạn; 3. Tâm kiến diệt sở đoạn; 4. Tâm kiến đạo sở đoạn; 5. Tâm tu đạo sở đoạn. Như Dục giới có 5 tâm, thì Sắc giới và Vô sắc giới, mỗi một giới cũng có 5 tâm, kể cả tâm vô lậu, tổng cộng là 16 tâm.

Nay Ta sẽ phân biệt nghĩa của dị tướng tâm sai biệt thứ nhất.

Tất cả hữu tình lược có 3 phẩm: 1. Phẩm chưa phát khởi hướng đến định; 2. Phẩm tuy đã phát khởi hướng đến nhưng chưa đắc định; 3. Phẩm đã đắc định, đây lại có hai chủng: 1. Không thanh tịnh; 2. Cực thanh tịnh.

Ở phẩm thứ nhất, hoặc có lúc khởi tâm nhiễm ô, do tâm kia bị tham triền... nhiễu loạn; hoặc có lúc khởi tâm thiện, vô ký, do tạm xa lìa tham triền...

Ở phẩm thứ hai, hoặc có lúc khiến nội tâm lặng lẽ; hoặc có lúc lạc niệm nên tâm rong ruổi phân tán ở năm diêu dục; hoặc có lúc cực lặng lẽ, bèn bị hôn trầm thùy miên trối buộc chướng che tâm; hoặc có lúc vì đoạn kia, nên tâm an trụ ở cảnh tịnh diêu; hoặc có lúc tâm kia chẳng chánh an trụ nên bị trạo cử, hoặc chánh an trụ không bị trạo cử. Do trầm, trạo, cái chưa đoạn diệt, nên ở hai phẩm kia tâm không tịch tĩnh. Do kia đoạn diệt nên tâm được tịch tĩnh. Nếu do như lý tác ý, đã đắc căn bản tĩnh lự gọi là tâm định, nếu chưa đắc gọi là tâm bất định. Vì cứu cánh đạo gọi là tâm tu thiện, vì đoạn rốt ráo gọi là tâm cực giải thoát. Trái với tướng đây gọi là tâm tu bất thiện và tâm không giải thoát. Từ tâm định đây về sau nên biết là phẩm thứ ba.

Đây gọi là dị tướng sai biệt của thức uẩn.

Lại nữa, sao gọi là *thứ lớp các uẩn*? Là cách gọi sai biệt. Nên biết đây lại có 5 chủng: 1. Sở tác

sinh khởi; 2. Sở tác đối trị; 3. Sở tác lưu chuyển; 4. Sở tác trụ; 5. Sở tác an lập.

Sở tác sinh khởi: nhãn sắc làm duyên năng sinh nhãn thức, cho đến ý pháp làm duyên năng sinh ý thức. Trong đây trước nói về sắc uẩn, kế nói về thức uẩn. Đây lại là sở y của các tâm sở. Do nương kia nên các tâm thọ... sinh khởi. Khế kinh thuyết: “Do ba sự hòa hợp nên xúc, xúc duyên thọ...”. Đây gọi là tuyên thuyết thứ lớp sở tác sinh khởi của các uẩn.

Sở tác đối trị: vì muốn đối trị bốn điên đảo nên thuyết bốn niệm trụ. Tức là ở nơi bất tịnh điên đảo kế chấp tịnh, ở nơi khổ điên đảo kế chấp vui, ở nơi ngã điên đảo kế chấp vô ngã, ở nơi vô thường điên đảo kế chấp thường. Trong đây trước nói về sắc uẩn, kế nói về thọ uẩn, kế nói về thức uẩn, sau mới nói hai uẩn là tướng và hành. Đây gọi là tuyên thuyết thứ lớp sở tác đối trị.

Sở tác lưu chuyển: vì căn và cảnh giới làm chỗ nương, ở trong hiện pháp do hai chủng uẩn thọ dụng cảnh giới sinh khởi các tạp nhiễm: đó là lãnh nạp cảnh giới và họa màu sắc cảnh giới. Do một chủng uẩn tạo tác tất cả nghiệp thiện, bất



thiện khiến ở hậu pháp sanh khởi tất cả tạp nhiễm như sanh, lão... nhất là sự nhiễm ô, nên nói sau cùng.

Sở tác trụ: do bốn thức trụ và thứ lớp thức mà thuyết. Đây gọi là sở tác trụ.

Sở tác an lập: những kẻ thế gian trước nương sắc mà thấy lẫn nhau, nên trước lập sắc uẩn. Kế do thọ uẩn biết kia hoặc tiến hoặc thoái, hoặc khổ hoặc vui, nên lập thọ uẩn. Kế do tưởng uẩn nên biết được kia tên như vậy, loại như vậy, tánh như vậy... nên lập tưởng uẩn. Kế do hành uẩn biết được kia ngu si như vậy, thông duệ như vậy, nên lập hành uẩn. Cuối cùng do thức uẩn an lập nội ngã, tức ở trong các uẩn an lập hiểu biết có khổ có vui, theo đó khởi ngôn thuyết và ngu trí... Đây gọi là tuyên thuyết thứ lớp sở tác an lập của các uẩn.

Lại vì nương các công cụ của sự ngã và sự ngã, nên biết tuyên thuyết thứ lớp các uẩn. Đó là ngã nương thân đây ở nơi các cảnh giới mà thọ dụng khổ vui, ở nơi mình nơi người tùy khởi ngôn thuyết như tên như vậy, chủng loại như vậy, tánh như vậy... Hai chủng đây nương pháp và phi pháp mới được tích tập. Như vậy nên biết các công cụ của sự

ngã. Uẩn sau cùng là sự ngã.

Lại nữa, sắc uẩn nhiếp bao nhiêu uẩn, nhiếp bao nhiêu giới, bao nhiêu xứ, bao nhiêu hữu chi, bao nhiêu xứ phi xứ, bao nhiêu căn? Như sắc uẩn, cho đến thức uẩn cũng vậy.

Sắc uẩn nhiếp trọn một uẩn; trọn mười giới, mười xứ; ít phần một giới, một xứ; ít phần sáu chi hữu; ít phần xứ, phi xứ; trọn bảy căn.

Thọ uẩn nhiếp trọn một uẩn, ít phần một giới, một xứ; trọn một chi hữu và ít phần ba chi hữu; ít phần xứ, phi xứ; trọn năm căn và ít phần ba căn.

Tướng uẩn nhiếp trọn một uẩn; ít phần một giới, một xứ; ít phần ba chi hữu; ít phần xứ, phi xứ; chẳng nhiếp các căn.

Hành uẩn nhiếp trọn một uẩn; ít phần một giới, một xứ; trọn bốn chi hữu và ít phần năm chi hữu; ít phần xứ, phi xứ; trọn sáu căn và ít phần ba căn.

Thức uẩn nhiếp trọn một uẩn; trọn bảy giới; trọn một xứ; trọn một chi hữu và ít phần bốn chi hữu; ít phần xứ, phi xứ; trọn một căn và ít phần ba căn.

Như vậy có sáu chủng nhiếp, chỗ gọi là nhiếp uẩn cho đến nhiếp căn, do đây đạo lý nhiếp lẫn nhau triển chuyển, tùy chỗ thích hợp phải nên rõ biết.

Lại có 10 chủng nhiếp khác: 1. Nhiếp giới, đó là các uẩn mỗi uẩn tự nhiếp chủng tử tự loại; 2. Nhiếp tướng, đó là các uẩn nhiếp thuộc tự tướng, cộng tướng; 3. Nhiếp chủng loại, đó là các uẩn nhiếp thuộc khắp chủng loại; 4. Nhiếp phần vị, đó là các uẩn nhiếp phần vị thuận theo thọ vui...; 5. Nhiếp không lìa nhau, đó là các uẩn do mỗi mỗi pháp và các trợ bạn nhiếp lấy tất cả uẩn; 6. Nhiếp thời, đó là các uẩn, mỗi tự tướng của các uẩn nhiếp thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; 7. Nhiếp phương, đó là các uẩn tại phương đây chuyển, hoặc nương đây sanh, tức nhiếp thuộc phương đây; 8. Nhiếp hoàn toàn, đó là các uẩn nhiếp thuộc hết thấy năm loại; 9. Nhiếp ít phần, đó là các uẩn nhiếp thuộc ít phần mỗi loại sai biệt; 10. Nhiếp thắng nghĩa, đó là các uẩn nhiếp thuộc tướng chân như.

Như vậy tất cả nghĩa nhiếp của các uẩn tổng cộng có 16. Như uẩn, thì cho đến căn cũng vậy.

Lại do ba pháp nhiếp tất cả pháp: là sắc uẩn,

pháp giới và ý xứ.

Lại nữa, sắc uẩn chuyển y nương bao nhiêu xứ? Y nương bao nhiêu xứ gọi là nhiếp lấy bốn uẩn chuyển?

Sắc uẩn chuyển y nương sáu xứ: 1. Kiến lập xứ; 2. Ngăn che xứ; 3. Vật dụng xứ; 4. Căn xứ; 5. Căn trụ xứ; 6. Sở hành định có uy đức xứ.

Y nương bảy xứ gọi là nhiếp lấy bốn uẩn chuyển: 1. Dục lạc; 2. Hy vọng; 3. Cảnh giới; 4. Tầm tứ; 5. Chánh tri; 6. Phương tiện thanh tịnh; 7. Thanh tịnh. Những kẻ thọ dụng dục y nương bốn xứ. Người trụ luật nghi và người hành tinh tấn y nương một xứ. Người đã đắc phần cận định y nương một xứ. Người an trụ định căn bản y nương một xứ. Như vậy có bảy xứ, nên biết tóm lược có bốn vị.

Lại nữa, trước Ta sẽ thuyết phân biệt nghĩa sắc uẩn mỗi mỗi riêng khác, về sau sẽ thuyết phân biệt nghĩa danh của bốn uẩn.

Sao gọi là **phân biệt sắc uẩn**? Ôt-Đà-Nam nói:

*Vật, cực vi, sanh khởi  
An lập cùng lưu, nghiệp*

*Sát-na, riêng, sở hành*  
*Tướng tạp khác sau cùng.*

**Hỏi:** Trong sắc uẩn, nhãn nhiếp thuộc bao nhiêu vật?

**Đáp:** Nếu căn cứ nhiếp lẫn nhau thì chỉ có một vật, đó là nhãn thức nương tựa sắc thanh tịnh. Nếu căn cứ nhiếp không lìa nhau thì có bảy vật, đó là nhãn đây cùng với thân, địa, sắc, hương, vị, xúc. Nếu căn cứ nhiếp giới thì có mười vật, đó là bảy vật giới đây cùng thủy, hỏa, phong. Như nhãn, thì nhĩ, tỷ, thiệt nên biết cũng vậy. Trong đây có sự sai biệt, đó là: nhĩ, nhĩ thức nương tựa sắc thanh tịnh; tỷ, tỷ thức nương tựa sắc thanh tịnh; thiệt, thiệt thức nương tựa sắc thanh tịnh, còn lại như trước đã thuyết. Nếu thân thì khác cả bốn loại là nhãn... trên. Vì có sao? Vì tách rời kia, một mình nó vẫn tồn tại được. Tướng đây tức là thân thức nương tựa sắc thanh tịnh. Nếu sắc, hương, vị, xúc bên ngoài, thì trong tướng sở hành của kia, trừ ra tất cả căn, còn lại tất cả nên biết như trước. Thanh và thanh giới vì không hằng có, nên nay thuyết riêng. Nếu ở xứ nào đó có thanh, nên biết xứ đó lại tăng thêm một. Nên biết thanh giới thì tất cả xứ đều tăng.

Lại nữa, cảnh giới sở duyên của sắc... như phần *Bản địa* đã rộng phân biệt. Nếu trong xúc xứ đã thuyết sắc sở tạo trơn cho đến nặng, nên biết tức là ở đại chủng có giả lập thi thiết phần vị. Đó là ở đại chủng tánh thanh tịnh giả lập tánh trơn, ở đại chủng tánh thật bền chắc giả lập tánh nặng. Ở đại chủng tánh không thanh tịnh, không thật bền chắc, giả lập tánh rít và tánh nhẹ. Ở đại chủng tánh không thanh tịnh, tánh chậm chạp, giả lập tánh nhuyến. Do nước và gió hòa hợp mà sanh, giả lập tánh lạnh. Do thiếu sự giữ gìn, không quân bình, giả lập đói khát và yếu sức. Do không thiếu, quân bình, giả lập no đủ và sức mạnh. Do rối loạn biến đổi không quân bình giả lập bệnh. Do thời phần biến đổi không quân bình giả lập già. Do mạng căn biến đổi không quân bình giả lập chết. Do huyết bị hư không quân bình giả lập ngứa. Do ăn uống không tốt, không quân bình, giả lập buồn bã. Do đất và nước hòa hợp mà sanh, giả lập kết dính. Do công việc đến đi mỗi mệt không quân bình, giả lập rất mỗi mệt. Do lìa đến đi mỗi mệt khiến quân bình, giả lập nghỉ ngơi. Do trừ dư bản, lìa khô héo ốm yếu, giả lập mạnh mẽ nhanh nhẹn. Tóm lại mà

nói toàn bộ đại chúng có 6 vị: đó là vị tịnh, vị bất tịnh, vị bền chắc, vị không bền chắc, vị chậm chạp, vị hòa hợp, vị quân bình, vị không quân bình. 6 vị như thế nếu mở rộng thì có 8 vị. Hoặc 6 hoặc 8 đều bình đẳng không khác.

Lại nữa, tất cả sắc cho đến xúc đều có sự nhận thức của hai thức: 1. Sự nhận thức của tự thức; 2. Sự nhận thức của ý thức. Hoặc vội vàng, hoặc chậm rãi. Năm căn như nhãn... có sự nhận thức của ý thức.

Lại nữa, trong sắc giới tuy không hiện hương vị, nhưng có giới kia. Vì cơ sao? Vì cả hai hương vị đây đều là giả có, nhiếp thuộc thực. Do không có hai chủng đây, nên hai thức tử, thiệt cũng không. Đây nói chung có hiện hành nên thuyết, chẳng phải vì có giới mà thuyết.

Như vậy tất cả sắc uẩn nhiếp lấy, đó là trong sắc có 9 chủng là thật vật có; trong bốn đại chủng nhiếp thuộc xúc là thật vật, nên biết còn lại chỉ là giả có. Sắc rơi trong pháp xứ cũng có hai chủng: thật có và giả có. Nếu có cảnh sở hành của uy đức định giống như biến hóa, thì quả kia, cảnh kia và sắc tương ưng cảnh thức kia... là thật vật có. Nếu sắc luật nghi, sắc bất luật nghi đều là giả có.

Lại nữa, sắc của sở hành định nếu nương hệ thuộc định đây, tức do hệ thuộc đại chúng sở tạo đây. Lại sắc định đây chỉ là do định của hữu lậu, do định của vô lậu thế gian mà sanh khởi, chẳng phải xuất thế gian, vì sắc định đây có hý luận hành định làm nhân. Lại chẳng phải tất cả sở hữu tâm định đều có công năng sanh sắc đây, chỉ có một loại có thể sanh như năng khởi hóa hiện, đó là không tư duy. Đây chỉ do lúc trước dẫn dắt tác ý là các tối tăm, khiến cực thiện thanh tịnh sáng rõ hiện tiền, nên biết chính là định năng sanh sắc. Nếu định do lực khích lệ lớp lớp tư duy, do lực thắng giải mà được thấy, nên biết chẳng thể sanh khởi sắc đây. Lại sắc đây tuy chẳng phải sở hành của định xuất thế, nhưng do lực tăng thượng của định kia nên có một năng hiện. Nên biết việc đây chẳng thể nghĩ bàn.

**Hỏi:** Hai cõi Dục giới và Sắc giới đều thật vật có sắc, vậy có khác biệt gì?

**Đáp:** Các sắc của Sắc giới thanh tịnh tối thắng, năng phát quang minh, lại cực vi tế, chẳng phải chỗ sở hành của các căn địa dưới. Lại không có khổ, vì nương các sắc kia thọ khổ chẳng sanh. Dục



giới thì chẳng vậy. Đây chính là sự khác biệt.

Lại nên biết sắc uẩn lược do 6 tướng: 1. Tự tướng; 2. Cộng tướng; 3. Tướng năng y, sở y phụ thuộc nhau; 4. Tướng thọ dụng; 5. Tướng nghiệp; 6. Tướng vi tế.

Tự tướng: đất... lấy rắn chắc làm tướng. Như nhân... mỗi loại riêng lấy sắc thanh tịnh làm tướng.

Cộng tướng: tất cả sắc đều là tướng biến ngại.

Tướng năng y, sở y phụ thuộc nhau: đại chủng là sở y, tạo sắc là năng y.

Tướng thọ dụng: vì sắc xứ bên trong có sự thọ dụng lực tăng thượng, nên ngoại sắc cảnh giới sai biệt sanh khởi. Vì tùy theo sự thọ dụng sai khác của mỗi sắc xứ mà có tụ sắc, hoặc chỉ do bền chắc sanh, hoặc chỉ do ẩm ướt sanh, hoặc chỉ do ấm áp sanh, hoặc chỉ do chuyển động sanh, hoặc chỉ do hòa hợp sanh.

Tướng nghiệp: các đại chủng như đất... lấy giữ gìn nhiếp thọ, thành thực tăng trưởng làm tướng. Lại có các nghiệp khác về sau sẽ rộng thuyết.

Tướng vi tế: là tướng cực vi. Tánh vi tế lược có 3 chủng: 1. Tánh tổn giảm vi tế; 2. Tánh chủng loại vi tế; 3. Tánh tâm tự tại chuyển vi tế.

Tánh tổn giảm vi tế: là phân tách các sắc đến vị cực nhỏ, gọi là cực vi.

Tánh chủng loại vi tế: sắc gió... và sắc trung hữu.

Tánh tâm tự tại chuyển vi tế: là các sắc ở hai cõi Sắc giới và Vô sắc giới. Như kinh thuyết rằng: “Hết thấy tâm chư thiên từng ở trong cõi người huân tập mài giũa tâm như vậy như vậy... Theo lực tu đây triển chuyển xoay vần, không tướng ngăn ngại”.

Hết thấy loại như vậy, nên biết gọi là tư duy quán sát vật loại của sắc uẩn sai biệt.

**Hỏi:** Các sắc cực vi do bao nhiêu chủng tướng kiến lập?

**Đáp:** Lược thuyết do 5 chủng tướng, nếu rộng kiến lập thì như trong phần *Bản địa*. Những gì là năm? 1. Do phân biệt; 2. Do sai biệt; 3. Do độc lập; 4. Do trợ bạn; 5. Do không phân chia.

Do phân biệt: do tuệ hiểu biết phân biệt chia chẻ các sắc đến giới hạn nhỏ nhất mà kiến lập cực vi, chẳng phải do thể có, cũng chẳng phải tụ sắc tích tập thành cực vi; cho nên cực vi không sanh không diệt.

Do sai biệt: lược thuyết cực vi có 15 chủng, đó là nhãn căn... có 5 cực vi, cảnh giới sắc... có 5 cực vi, cực vi như địa... lại có 4 chủng, thật vật có sắc cực vi nhiếp thuộc pháp xứ có 1 chủng.

Do độc lập: vì ở nơi sự cực vi kiến lập tự tướng.

Do trợ bạn: là tự cực vi. Vì cố sao? Vì ở mỗi một nơi cực vi là địa... thì có cực vi khác đồng tự một chỗ không lìa nhau, cho nên nương đây lập tự cực vi.

**Hỏi:** Nhân duyên nào các pháp có đối ngại mà lại đồng một chỗ không lìa nhau, sao không được gọi là tánh không đối ngại?

**Đáp:** Vì thuận theo mà chuyển vậy, do kia triển chuyển thuận nhau khiến sanh khởi, không ngăn cản trở ngại lẫn nhau. Lại do nghiệp tăng thượng của chủng loại như vậy chiêu cảm mà sanh. Vì cố sao? Vì tất cả tự sắc, tất cả sắc căn cùng chung thọ dụng. Nếu có sự việc khác đây, thì trong tất cả tự chẳng phải có tất cả các sắc như địa... không rời lìa nhau. Nếu vậy, cảnh giới các thức như nhãn... liền không đều khắp trong tất cả tự, như vậy lẽ không thọ dụng đều khắp. Do đó nên biết quyết định có các sắc đồng một xứ không rời lìa nhau.

Lại có các sắc hoặc ở xứ như vậy xoay vần trở ngại lẫn nhau, hoặc ở xứ như vậy không trở ngại lẫn nhau, như trong Hữu sắc... mà các sắc kia tánh chẳng phải không đối ngại. Nên biết đạo lý đây cũng vậy.

Do không phân chia: chẳng phải cực vi kia lại phân chia thành nhiều cực vi khác, vì tánh cực vi không do tích tụ mà thành. Các tụ cực vi có thể có phần tế, nhưng ở xứ cực vi đây lại không thể phân tách để lấy được phần tế.

**Hỏi:** Như vậy đã thuyết 5 tướng cực vi. Lại có 5 nhãn là nhục nhãn, thiên nhãn, thánh huệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn. Bao nhiêu nhãn dụng bao nhiêu cực vi làm cảnh sở hành?

**Đáp:** Trừ nhục nhãn và thiên nhãn, các nhãn còn lại dùng tất cả cực vi làm cảnh sở hành. Vì sao? Vì thiên nhãn kia duy nắm giữ tụ sắc giới giới hạn trên dưới, trước sau, hai biên hoặc sáng hoặc tối, ắt chẳng thể nắm giữ nơi chốn cực vi. Do thế cực vi phải dùng tuệ phân chia mà kiến lập vậy.

**Hỏi:** Cớ sao thuyết cực vi không sanh không diệt?

**Đáp:** Do các tụ sắc lúc mới sanh khởi thì toàn

phần sanh, lúc cuối cùng diệt lại không đến khoảng cực vi tận diệt.

Lại do 5 tướng gọi là không như lý nghĩ bàn cực vi. Đó là cho ở trong tụ sắc có tự tánh các cực vi cư trú, nên biết gọi là không như lý nghĩ bàn cực vi thứ nhất. Hoặc cho là cực vi có sanh có diệt, nên biết không như lý nghĩ bàn cực vi thứ hai. Hoặc cho là cực vi này cùng cực vi khác hoặc hợp hoặc tan, nên biết gọi là không như lý nghĩ bàn cực vi thứ ba. Hoặc cho là ở cực vi có lượng sắc tích tụ mà thành, nên biết gọi là không như lý nghĩ bàn cực vi thứ tư. Hoặc cho là cực vi năng sanh rất nhiều tụ sắc khác biệt, nên biết gọi là không như lý nghĩ bàn cực vi thứ năm. Phải dùng phương tiện như lý để nghĩ bàn cực vi, sẽ đoạn trừ năm điều không như lý.

Lại kiến lập cực vi có 5 lợi ích thù thắng. Đó là do an lập phương tiện phân chia một tụ sắc gom nhóm, ở nơi cảnh sở duyên liền có thể tu tập thanh tịnh rộng lớn. Đây là lợi ích thù thắng thứ nhất. Năng dần dần đoạn thân kiến, đây là lợi ích thù thắng thứ hai. Như dần dần đoạn thân kiến, cũng dần dần đoạn kiêu mạn, đây là lợi ích thù thắng

thứ ba. Cũng dần dần điều phục các phiền não triền, đây là lợi ích thù thắng thứ tư. Năng nhanh chóng khiến trừ các tướng, đây là lợi ích thù thắng thứ năm. Hết thấy loại như vậy là như lý tư duy cực vi.

‘Lại nữa, nói tóm lược có 5 chủng sanh của vật sắc. Những gì là năm? 1. Y nương sanh; 2. Chủng tử sanh; 3. Thế dẫn sanh; 4. Nhiếp thọ sanh; 5. Tồn giảm sanh.

1. *Y nương sanh*: Ở nơi sở y đại chủng có sắc sở tạo khác sanh khởi, cho nên thuyết như vậy. Do bốn đại chủng tạo sắc sở tạo thì đồng một xứ thân nhiếp giữ gìn nghĩa kia.

Lại ở trong tụ sắc gom nhóm đây có tự tướng đại chủng và tự tướng sắc sở tạo kia khả đắc, nên biết trong xứ đây tức có pháp kia. Nếu ở xứ đây không có tự tướng của pháp kia, nên biết xứ đây không có pháp kia. Đây gọi là tổng kiến lập tướng chung của có và chẳng phải có.

Nếu có kẻ nói rằng: “Ở xứ đây, tự tướng pháp kia tuy không có được, nhưng chắc chắn là có”. Lúc ấy nên hỏi kia: “Có được và không có được đây là vật bình đẳng hay không bình đẳng? Nếu là vật

bình đẳng, vật đã là bình đẳng mà lại không có được thì không hợp đạo lý. Nếu là vật không bình đẳng, thì do lượng nói không bình đẳng, hay nương tựa uy thế mà nói không bình đẳng? Nếu do lượng mà nói không bình đẳng, thì ít phần tự tướng cũng chẳng thể có được, nên không phải đạo lý. Nếu nương tựa uy thế, thì lìa tự tướng kia có thể lực khác, đây không đúng đạo lý. Hết thấy loại như vậy nên biết là y nương sanh.

2. *Chủng tử sanh*: Mỗi sắc riêng từ tự chủng tử của mình mà sanh khởi, như tụ bèn chắc cứng rắn, nếu khi gặp duyên liền sanh ẩm ướt, ẩm ướt gặp duyên liền sanh bèn cứng, không ẩm sanh ẩm, ẩm trở lại sanh lạnh, bất động sanh động, động sanh bất động, cho đến sắc tốt, sắc xấu... sai biệt nên biết cũng vậy. Do hết thấy loại như thế, tuy không có tự tướng mà có giới ấy. Từ tụ kia, sắc pháp sai biệt kia... mà sanh khởi. Hết thấy loại như vậy gọi là chủng tử sanh.

3. *Thế dẫn sanh*: Vì lực bên trong của các sắc căn tăng thượng, nên phần ngoài tiếp nối sai biệt mà sanh như khí thế gian... Lại do thế lực của nghiệp trước dẫn, nên phần trong các sắc xứ sai

biệt mà sanh. Lại côi trời hoặc đục hiện tiền, hoặc đục không hiện tiền, và chỗ có đầy đủ vật dụng ở Bắc-cu-lô châu, nên biết phần nhiều do thế dẫn mà sanh nên triển chuyển sai biệt. Trong tương tục sanh của côi người, chỉ có khí thể giới. Hết thấy loại như vậy là thế dẫn sanh.

4. *Nhiếp thọ sanh*: Vì gặp duyên nhiếp thọ kia, nên sắc pháp kia kia triển chuyển mạnh mẽ tăng trưởng mà sanh khởi, như nước... là duyên nhiếp thọ hạt giống, khiến mầm kia mạnh mẽ tăng trưởng mà sanh. Hết thấy loại như vậy gọi là nhiếp thọ sanh.

5. *Tổn giảm sanh*: nên biết trái với tướng trên.

Lại khi các tụ sắc sanh, nếu các loại vật do lấy đá mài thành bột, dùng nước hòa hợp tạt kết mà sanh, không giống với tụ lúa mạch, rau đậu. Vì cơ sao? Vì kia có lực tăng thượng của nhân sanh trưởng, như vậy mà sanh, vì có hữu dụng vậy.

**Hỏi:** Nếu tất cả hành đều do tự chủng tử mà được sanh, nhân duyên nào lại nói các đại chủng tạo sắc sở tạo?

**Đáp:** Do các đại chủng kia biến chuyển, nên



các sắc sở tạo cũng bị biến chuyển. Vì các đại chủng là chỗ kiến lập và là chỗ giữ gìn sắc sở tạo kia vậy. Do ba nhân duyên đại chủng biến đổi khiến sắc sở tạo triển chuyển biến đổi: 1. Vì tác động sĩ phu; 2. Vì nghiệp sở tác; 3. Vì thắng định.

Tác động sĩ phu: do địa đại xúc chạm mạnh, do khí sai biệt, do ruộng sai biệt, khiến sắc sở tạo biến đổi khá có thể được. Hoặc do sự thấm ướt của nước, sự đốt cháy của lửa, sự động chuyển của gió... khiến sắc sở tạo biến đổi khá có thể được. Nên biết đây gọi là do tác động sĩ phu của đại chủng kia khiến sanh ra sự biến đổi của sắc sở tạo.

Nghiệp sở tác: tùy thuộc vào thế lực nghiệp mà đại chủng sanh trước, về sau tùy lực của kia khiến sắc sanh ra sự biến đổi. Đây gọi là do nghiệp sở tác.

Do thắng định: do lực thắng định nên đại chủng sanh trước, về sau sắc sở tạo sanh khởi sự biến đổi. Nên biết đây gọi là do thắng định. Cho nên biết do đại chủng biến đổi, nhân đây sắc sở tạo cũng sanh khởi sự biến đổi.

Lại nữa, lực do 5 duyên khiến sở hữu đại chủng đang ở tại quả này chuyển thành quả khác.

Những gì là năm? 1. Vì lực đại chủng; 2. Vì lực tác động sĩ phu; 3. Vì lực chú thuật; 4. Vì lực thần thông; 5. Vì lực nghiệp sở tác.

**Hỏi:** Từ đây mất rồi, nhân nào duyên nào tụ sắc trung hữu tiếp nối được sanh?

**Đáp:** Nên biết sắc đây dụng chủng tử của chính nó làm nhân, chiêu cảm nghiệp sanh làm duyên.

**Hỏi:** Nhân nào biết có trung hữu?

**Đáp:** Từ chỗ đây chết rồi, nếu các tâm tâm sở không còn chỗ nương tựa, vì không có đạo lý chuyển đến phương khác. Chẳng nên như tiếng vọng, vì chỉ có hoặc loạn; chẳng nên như ảnh, vì kia chẳng diệt; cũng chẳng nên nói lẽ như bám lấy sở duyên, vì chẳng phải đi đứng. Hết thấy sở thuyết thí dụ như vậy đều không đúng đạo lý, cho nên nên biết quyết chắc là có trung hữu.

Hết thấy loại như vậy, nên biết tư duy sự sanh khởi của sắc uẩn.

Lại nữa, khi sắc uẩn sanh, cái gì nương xứ ấy đầu tiên? Sắc gì nương xứ ấy mà chuyển?

Nên biết đại chủng nương xứ ấy đầu tiên. Về sau sắc sở tạo nương xứ ấy mà chuyển. Chỉ có các đại chủng ở xứ ấy hiện tiền chướng ngại, tự tướng của

sắc sở tạo khác thì toàn khắp. Nên biết do thể lực giữ gìn của kia mà có sự nương tựa, chướng ngại.

Lại nữa, bốn đại chủng như đất... nên biết tùy theo thứ lớp thô mà hiển, đó là địa giới và quả, năng giữ gìn nghiệp trội hơn cả là tươi nhuận, đốt cháy, động lay của thủy, hỏa, phong... Tức vì nương dựa giới kia thấy nên các nghiệp trên mới lưu chuyển được.

Lại nữa, các âm thanh vừa mới phát ra đã tìm đến diệt, cho nên ở trong tụ sắc không thường hằng tương tục. Lại âm thanh đây lúc nương chất sanh khởi, chất xứ cùng với bên ngoài đồng chuyển tức khắc mới có được. Tùy theo xứ nghe, âm thanh đây phát khởi tức khắc trải khắp, như ngọn lửa phát ánh sáng, chẳng phải chậm rãi sanh khởi triển chuyển hướng đến.

Lại nữa, phong có 2 chủng: hằng tương tục và không hằng tương tục. Các gió luân hành gọi là hằng tương tục. Gió di chuyển trong hư không gọi là không hằng tương tục. Gió di chuyển ở vật gọi là hằng nhiếp thọ. Gió lưu chuyển ở cơ thể gọi là hằng tương tục. Còn lại nên biết chẳng hằng tương tục.

**Hỏi:** Những gì gọi là không giới?

Đáp: Sắc sở tạo nhiếp thuộc sáng tối, gọi là không giới. Đây cũng có hai chủng: hằng tương tục và không hằng tương tục. Nếu các hữu tình sống trong xứ sở thường tối thường sáng, gọi là hằng tương tục. Xứ khác chẳng như vậy thì gọi là không tương tục. Nên biết đây cũng y nương tụ sắc. Lại không giới đây nhiếp thuộc ánh sáng gọi là thanh tịnh, nhiếp thuộc hang tối gọi là không thanh tịnh.

**Hỏi:** Chỗ nói các hình sắc ngắn dài... đang được nói đến là thật có hay giả có?

Đáp: Đang nói là giả có. Vì sao? Vì tích tụ lại rồi tồn tại như vậy gọi là hình. Chỉ có các nhóm sắc tích tụ mới khả đắc, vì tướng hình sắc khác thì chẳng thể được.

Lại, lẽ hẳn nhiên có sự chờ đợi lẫn nhau chứ? Nếu pháp chờ đợi có thật tự tánh, thì pháp kia liền có lỗi lầm do tạp loạn.

Lại sắc của quả thắng định nhiếp thuộc pháp xứ, nên biết chỉ có tướng hiển sắc. Vì cố sao? Vì ở nơi hương... khuyết nhân sanh, lại vô dụng. Như vậy gió di chuyển trong không trung không có đồng sanh hương... chỉ có giả hòa hợp. Lại là ánh sáng của mặt trời, các đại chủng khác cùng với hương...

đều chẳng thể có được. Lại sắc của quả thắng định nhiếp thuộc pháp xứ, nên biết sắc đây chỉ nương thắng định, chẳng nương đại chủng, nhưng từ duyên chủng loại kia, ảnh tượng tam-ma-địa phát khởi, cho nên cũng nói đại chủng tạo sắc kia, chẳng phải nương đại chủng kia sanh, nên được gọi là tạo.

**Hỏi:** Ở trong sắc uẩn, bao nhiêu pháp do có thể thấy có đối ngại nên trụ; do không thể thấy có đối ngại nên trụ; do không thể thấy không đối ngại nên trụ?

**Đáp:** Mỗi pháp đều do 2 chủng: tức là sở hành của mắt, còn lại chỉ có đối ngại. Trừ sắc do pháp xứ nhiếp lấy, nên biết sắc đây không thể thấy không đối ngại.

Hết thấy loại như vậy, nên biết gọi là tư duy sự an lập của sắc uẩn.

Lại nữa, sắc uẩn do bao nhiêu chủng lưu chuyển mà tương tục chuyển?

Do ba chủng: 1. Lưu chuyển đẳng lưu; 2. Lưu chuyển dị thực sanh; 3. Lưu chuyển trưởng dưỡng.

1. Lưu chuyển đẳng lưu có bốn chủng: *a.* Lưu chuyển dị thực đẳng lưu; *b.* Lưu chuyển trưởng dưỡng đẳng lưu; *c.* Lưu chuyển biến đổi đẳng lưu; *d.* Lưu

chuyển tự tánh đẳng lưu.

2. Lưu chuyển dị thực sanh có hai chủng: *a.* Mới đầu; *b.* Tương tục. Đó là nghiệp sanh dị thực và dị thực được sanh. Tức là từ lực của nghiệp kia dẫn dắt khiến dị thực về sau triển chuyển.

3. Lưu chuyển trưởng dưỡng cũng có hai chủng: *a.* Lưu chuyển trưởng dưỡng biến khắp; *b.* Lưu chuyển trưởng dưỡng tương tăng thạnh lẫn nhau.

- Lưu chuyển trưởng dưỡng ban đầu chỉ là trưởng dưỡng sắc. Nên biết do ăn uống, ngủ nghỉ, phạm hạnh... nên các sắc được trưởng dưỡng.

- Lưu chuyển trưởng dưỡng còn lại do thực, do sở y, do tu tác ý thù thắng, do lâu dài thuần thực mà được trưởng dưỡng. Các pháp hữu sắc do sự trưởng dưỡng của cả hai trưởng dưỡng. Các pháp vô sắc chỉ tương tăng thạnh lẫn nhau gọi là trưởng dưỡng.

Lại, sắc Dục giới do đầy đủ bốn thực và tất cả nhân duyên trưởng dưỡng khác mà được trưởng dưỡng. Các sắc Sắc giới chẳng do vay mượn ăn uống, ngủ nghỉ, phạm hạnh mà được trưởng dưỡng.

Lại, các sắc căn do hai chủng lưu chuyển mà được lưu chuyển, dụng các sắc căn là lưu chuyển của dị thực tương tục và lưu chuyển trưởng dưỡng, bên

ngoài không tách riêng với lưu chuyển đẳng lưu.

**Hỏi:** Dị thực tương tục có lúc cũng có tăng trưởng rộng lớn khá có thể được. Cớ sao lưu chuyển nhiếp dị thực không phải là trưởng dưỡng?

**Đáp:** Do riêng có trưởng dưỡng tương tục năng thâm nhiếp, năng giữ gìn lưu chuyển dị thực và lưu chuyển đẳng lưu, nên hiện tại có sự tăng trưởng... Nếu chẳng phải sắc nhiếp thuộc căn, nên biết đủ cả ba chủng lưu chuyển. Các tâm tâm sở có lưu chuyển đẳng lưu, lưu chuyển dị thực sanh và chủng trưởng dưỡng thứ hai của phần lưu chuyển trưởng dưỡng. Sắc nhiếp thuộc pháp xứ không có lưu chuyển dị thực sanh, phần còn lại nên biết như tâm tâm sở.

Lại nữa, trong Dục giới có đủ nội ngoại các sắc thành thực. Trong Sắc giới xa lìa hương, vị. Lại trong Dục giới các sắc căn thành thực, hoặc đủ hoặc chẳng đủ. Trong Sắc giới tất đầy đủ các căn. Lại các thanh giới cũng có dị thực mà không phải là thanh.

Hết thấy loại như thế, nên biết gọi là tư duy về nghĩa lưu chuyển của sắc uẩn.

Lại nữa, sắc uẩn nhiếp thuộc địa giới năng làm bao nhiêu nghiệp, cho đến phong giới năng

làm bao nhiêu nghiệp?

Nên biết tất cả đều làm năm nghiệp. Địa giới năng làm nghiệp xúc chạm, va đập, biến hoại, kiến lập và nghiệp nương tựa, nghiệp trái tổn, nghiệp nhiếp thọ.

Thủy giới năng làm nghiệp lưu nhuận, nghiệp nhiếp trì, nghiệp tưới rót, nghiệp trái tổn và nghiệp nhiếp thọ.

Hỏa giới năng làm nghiệp soi chiếu, nghiệp thành thực, nghiệp đốt cháy, nghiệp trái tổn và nghiệp nhiếp thọ.

Phong giới năng làm nghiệp phát động, nghiệp tùy chuyển, nghiệp khô ráo, nghiệp trái tổn và nghiệp nhiếp thọ.

Lại, các đại chủng đối với sanh khởi sắc sở tạo năng làm năm nghiệp: nghiệp sanh khởi, nghiệp nương tựa, nghiệp kiến lập, nghiệp giữ gìn và nghiệp tăng trưởng. Vào lúc đại chủng kia sanh khởi sự biến đổi năng làm dẫn đầu. Sanh khởi biến đổi rồi, cùng với sắc sở tạo kia làm thành một xứ không lìa nhau là năng làm nơi nương tựa. Cùng chung nhiếp thọ hao tổn, an ổn, nguy hại là năng kiến lập sắc sở tạo kia. Năng giữ gìn lượng gốc của



kia khiến không tổn giảm là năng giữ gìn. Khiến sắc sở tạo tích tập tăng trưởng rộng lớn là năng tăng trưởng.

**Hỏi:** Sở hành của nhãn, nhĩ là sắc thiện, bất thiện. Nhân duyên nào kia thành tánh thiện... mà chẳng phải sắc khác?

**Đáp:** Nếu lược thuyết thì do ba chủng tư duy phẩm hạ, trung, thượng sai biệt: 1. Tư duy gia hạnh; 2. Tư duy quyết định; 3. Tư duy đẳng khởi. Do đây năng khởi biểu nghiệp thân, ngữ hoặc thiện hoặc bất thiện. Nên biết vì tư duy phẩm thượng làm chỗ nương, năng phát nghiệp thiện, bất thiện.

**Hỏi:** Nương vào tụ sắc thì có vận động, vậy thì vận động và tụ sắc là khác hay không khác?

**Đáp:** Phải nói là không khác. Vì có sao? Ở nơi xứ kia, hoặc sanh, không sanh, hoặc diệt, không diệt, mà có sự vận động đều mắc phải lỗi lầm khả đắc.

**Hỏi:** Có lỗi lầm gì?

**Đáp:** Nếu nói sanh mà có vận động liền trái vượt tướng sát-na. Nếu nói không sanh, liền là vô động. Nếu nói diệt lẽ phải nói tụ sắc và vận động khác nhau. Nếu không diệt, liền trái vượt tướng hành.

Lại ở một xứ khác, nhân duyên sanh khởi phân minh khả đắc. Cho nên biết thực chất của sự vận động không riêng có được.

Hết thấy loại như vậy, nên biết tư duy tác nghiệp của sắc uẩn.

Lại nữa, tất cả sắc uẩn nên nói đều là tánh sát-na diệt. Vì cố sao? Vì các hành vừa sanh liền tức thì hoại diệt khá có thể được. Lại không nên cho là nhân năng sanh tức là nhân diệt, vì kia khác nhau vậy.

Lại vì pháp đã sanh, do nhân khác khiến ngưng trụ thì không có việc ấy. Cho nên tất cả các hành đều nhậm vận diệt. Do đây đạo lý nghĩa sát-na thành tựu.

Nếu cho lửa... là nhân hoại diệt thì không đúng đạo lý. Vì cố sao? Do lửa... cùng các hành kia đồng sanh đồng diệt hiện khá có thể được vậy, nên chỉ năng làm duyên khiến kia sanh khởi biến đổi, thì lời đây có thể chấp nhận.

Lại cho hoại diệt là nhân của hoại diệt thì không đúng đạo lý. Vì cố sao? Vì hai kia cùng sanh thì không đúng như lý. Nếu khi kia sanh khởi tức liền hoại diệt, thì mắc phải lỗi đoạn hoại tiếp nối

xảy ra đồng thời.

Lại chỉ có tự tánh hoại diệt nên gọi là diệt, mà lại nói năng là nhân diệt thì không đúng đạo lý. Nếu nói riêng có tự tánh hoại diệt, vậy thì lìa ngoài pháp kia riêng có tướng diệt, điều này rất ráo chẳng thể được. Cho nên đây không đúng đạo lý. Nếu cho lửa... là trợ bạn của diệt mới năng diệt, vậy thì ở nơi đèn, ánh chớp... và tâm tâm sở nhậm vận diệt chẳng thể được, cho nên không đúng đạo lý.

Nếu cho là sanh kia mỗi mỗi có công năng riêng biệt, thì vì công năng riêng biệt đây không thể có được. Cho nên điều này không đúng đạo lý. Nếu cho là hai chủng ở một xứ có công năng diệt, vậy lẽ hai chủng đều có hai phần là có công năng diệt hoặc không có công năng thì có lỗi lầm. Điều này không đúng đạo lý.

Hết thấy loại như vậy nên biết tư duy nghĩa sát-na diệt của sắc uẩn, đó là vì nhân nhậm vận hoại diệt; vì ngăn chặn kế chấp cho lửa... là nhân diệt; vì ngăn chặn kế chấp cho tướng diệt là nhân diệt; vì ngăn chặn kế chấp cho hai chủng là nhân diệt. Hết thấy loại như vậy, phải rõ biết tương tận. Lại vì tất cả hành là quả của tâm, nên biết tâm

đều là sát-na diệt.

Lại nữa, sắc sở tạo so với các đại chủng kia nên nói là có tướng khác, hay không có tướng khác? Có tướng khác nhau. Vì cố sao? Vì tướng khác nhau đây khả đắc. Trong đây tướng khác nhau tức là sở hành của căn khác nhau. Vì sao? Do sắc căn khác năng nắm giữ đại chủng, lại do căn khác nữa nắm giữ sắc sở tạo. Lại vì vận chuyển, không thể vận chuyển hiện khả đắc, như là tùy mỗi loại hoa mà vận chuyển mùi hương khắp thế gian hiện khả đắc, chẳng phải hương kia rắn chắc mà có thể lan tỏa được. Lại vì biến đổi, không biến đổi hiện khả đắc, như nấu cô đặc sữa, bên trong có sự biến đổi sắc vị sai khác có thể thấy được, chẳng phải sữa kia rắn chắc mà có thể biến đổi được. Như vậy nên biết đại chủng và sắc sở tạo tướng có sự khác nhau. Nếu ở nơi tướng khác đây mà kế chấp là một, thì ở nơi các đại chủng cũng nên vậy chăng, vì các đại chủng tướng triển chuyển xoay vần khác nhau? Nếu người tin theo như vậy, lẽ chỉ có một đại chủng sao? Cho nên nên biết các sắc sở tạo so với đại chủng kia quyết định có tướng khác.

Hết thấy loại như vậy nên biết tư duy sắc của

các đại chủng tướng riêng, chẳng phải riêng.

Lại nữa, các sắc nhiếp lấy pháp bao nhiêu là tánh căn, bao nhiêu là tánh sở hành? Năm là tánh căn và sáu là tánh sở hành.

**Hỏi:** Những cảnh sở hành nào là căn sở hành?

**Đáp:** Nếu căn không bị hư hoại... như trong phần *Bản địa* đã rộng thuyết, đó là do y xứ, hoặc do tướng, hoặc do phương, hoặc do thời, hoặc do hiển rõ, không hiển rõ, hoặc do toàn phần sự, một phần sự.

**Hỏi:** Do bao nhiêu nhân duyên các căn bị hư hoại và không bị hoại?

**Đáp:** Do hai nhân duyên: 1. Do tổn giảm suy yếu; 2. Do hư hoại hoàn toàn. Trái với tướng đây nên biết không hoại.

Lại lược do bốn duyên khiến các căn biến đổi: 1. Do ngoại duyên khiến phát sanh, tức là hoặc do thọ dụng, nhiếp thọ cảnh giới bên ngoài nên bị tổn hoại, hoặc sự tổn hoại do vật khác gây ra; 2. Do nội duyên khiến phát sanh, tức là hoặc do không như lý tác ý nên sanh các phiền não triền như tham... hoặc do như lý tác ý sanh khởi Tam-ma-bát-đề; 3. Do nghiệp duyên khiến phát sanh, tức là do

nghiệp trước kia lực tăng thượng duyên, nên chiêu cảm đọa chánh hay xấu xí...; 4. Do tự thể biến đổi khiến phát sanh, tức là do tự tướng của các căn kia sai khác.

**Hỏi:** Do bao nhiêu nhân duyên khiến ý căn hoại?

**Đáp:** Do bốn nhân duyên: 1. Do cái gây ra, tức là một trong năm cái che chướng tâm; 2. Do tán loạn gây ra, tức là do quỷ mị nhiễu loạn tâm; 3. Do chưa chứng đắc gây ra, tức là do nội tâm chưa chứng đắc công đức phẩm thù thắng của tinh lự Vô sắc, nhưng đối với việc ấy lại phát khởi tác ý mạnh mẽ cho là đã chứng đắc; 4. Do chưa hiểu biết gây ra, tức là ở nơi những việc đa văn công xảo... tâm chưa thành thực, chưa phương tiện mạnh mẽ như bố thí...

Sao nói cảnh giới như sắc... so với các căn kia gọi là hiện ở trước? Đó là sắc đối với mắt, không hòa hợp, không mờ tối, không quá nhỏ quá xa, cũng không có chướng ngại, thì gọi là hiện tiền. Nói chung có thể thấy, có ánh sáng không bị chướng ngại tại nơi chốn có thể hành, gọi là hiện tiền. Lại có một loại nhãn tuy sắc chướng che cũng được gọi là hiện tiền.

Thanh đối với nhĩ căn cũng không hòa hợp, không quá nhỏ quá xa, gọi là hiện tiền. Có chướng, không chướng, hoặc sáng, hoặc tối, tại nơi chốn có thể hành, đều gọi là hiện tiền.

Hương, vị, xúc đối với tỷ, thiệt, thân chỉ hòa hợp, năng nắm giữ, tại nơi chốn có thể hành, gọi là sở hành cảnh giới hiện tiền.

Nếu các thiên nhãn chỉ chiếu soi, hoặc có thể thấy, hoặc có chướng, hoặc không chướng, hoặc tối, hoặc sáng, hoặc xa, hoặc gần, đều gọi là hiện tiền, hoặc nơi chốn có thể hành, hoặc không phải nơi chốn có thể hành. Nếu Thánh huệ nhãn, tất cả chủng sắc đều là sở hành.

**Hỏi:** Như phần *Bản địa* thuyết thì sáu chủng tánh sở hành đây có sai khác gì?

**Đáp:** Tánh sở hành ban đầu là sắc nhiếp thuộc hữu tình thế gian và sắc nhiếp thuộc khí thế gian. Tánh sở hành thứ hai do ba tự tánh sai biệt, đó là do tướng sai biệt, do tác dụng sai biệt và do phần vị sai biệt. Tánh sở hành thứ ba đó là đông, tây, nam, bắc... phương hướng sai biệt. Tánh sở hành thứ tư đó là quá khứ, vị lai, hiện tại sai biệt. Tánh sở hành thứ năm đó là giữ lấy thật, không thật sai

biệt. Tánh sở hành thứ sáu đó là thủ lấy một phần sự hay toàn phần sự sai biệt.

– *Sắc*:

Do tướng sai biệt: đó là xanh, vàng, đỏ, trắng cho đến nói rộng.

Do tác dụng sai biệt: đó là tác dụng nhiếp thuộc biểu nghiệp, không biểu nghiệp; luật nghi, bất luật nghi; chẳng phải luật nghi, chẳng phải bất luật nghi.

Do phần vị sai biệt: đó là sắc khả ý, không khả ý và sắc thuận xứ xả.

– *Thanh*:

Do tướng sai biệt: do đại chủng chấp thọ làm nhân; do chẳng phải đại chủng chấp thọ làm nhân; do đại chủng chấp thọ, chẳng phải chấp thọ làm nhân.

Do tác dụng sai biệt: là biểu nghiệp ngữ.

Do phần vị sai biệt: nên biết như trước.

– *Hương*:

Do tướng sai biệt: là gốc, thân, da, hoa, lá, quả thật.

Do tác dụng sai biệt: là hương, vị, xúc, đều không tác dụng.



Do phần vị sai biệt: nên biết như trước.

– *Vị*:

Do tướng sai biệt: ngọt, đắng... Còn lại như trước đã thuyết.

– *Xúc*:

Do tướng sai biệt: có nhiều chủng. Còn lại như trước đã thuyết.

Hết thấy loại như vậy nên biết cảnh giới của các sắc hiện tiền sai biệt.

Sao gọi là năng sanh tác ý? Vì sở y không hư hoại, cảnh giới hiện tiền, chỗ khởi năng dẫn phát tâm sở.

Hết thấy loại như vậy nên biết tư duy tướng sở hành của sắc uẩn.

Lại nữa, người ở Dục giới nương thân Dục giới phát khởi đại chủng Sắc giới hiện tiền. Các đại chủng kia sao nói cùng sắc cõi dưới đồng trụ là khác xứ, hay chẳng phải khác xứ? Phải nói như cát trong nước, chẳng phải trụ khác xứ.

Hết thấy loại như vậy nên biết tư duy sắc uẩn xoay vần lẫn nhau, xen tạp lẫn nhau.

## Quyển 55

### Thứ 1. NĂM THỨC THÂN TƯƠNG ƯNG ĐỊA

### Thứ 2. Ý ĐỊA

### Phần 5

Như vậy đã tư trạch về sắc uẩn, kể đến Ta sẽ thuyết về **Danh**, nhiếp thuộc *bốn vô sắc uẩn*, tùy chỗ thích hợp mà kiến lập tướng. Như trong phần *Bản địa* đã lập một tướng tâm, nay hiển thị trước.

Như Thế Tôn nói: “Nếu có chúng sanh chỉ phát một tâm và một lời nói đối với Như Lai thế này: “Bậc Thiện Thệ Đại Sư! Bậc Thiện Thệ Đại Sư!” Chỉ cần phát một tâm như vậy, Ta nói người kia có nhiều thực hành đối với thiện pháp, hướng là thân ngữ tùy thuận phụng hành như tâm lượng”. Lại như nói: “Do một tâm tịnh sẽ đến cõi thiện”. Hết thấy loại như vậy, nên biết trong đây nương theo sự triển chuyển nhiếp lấy một tâm tương tục. Do đạo thể tục mà gọi là phát một tâm. Lại nương đạo lý thể tục tương tục, gọi là phát một ngữ và phát thân nghiệp.

**Hỏi:** Tâm có phân biệt và tâm không phân biệt đang được nói đến là đồng hay không đồng duyên cảnh hiện tại?

**Đáp:** Đang được nói đến là đồng duyên cảnh giới hiện tại. Vì cố sao? Do 3 nhân: vì rất rõ ràng, vì ở nơi kia tác ý, vì nuôi dưỡng hai điều kia.

**Hỏi:** Khi tâm nhiễm sanh là vì tự tánh nên nhiễm, hay vì tương ưng, hay vì tùy miên?

**Đáp:** Vì tương ưng, vì tùy miên, chẳng phải vì tự tánh. Nếu tự tánh kia là nhiễm ô, thì lẽ như tham... sẽ rất ráo bất tịnh, nếu vậy có lỗi lớn. Do tự tánh kia không nhiễm ô, nên nói khi tâm sanh tự tánh thanh tịnh.

**Hỏi:** Đối với nhân của hai chủng nhiễm ô tâm, các phiền não triền phải nói thuộc loại nào?

**Đáp:** Phải nói là tương ưng.

**Hỏi:** Trong đây những gì gọi là tùy miên?

**Đáp:** Sở hữu thô trọng của các phẩm phiền não, tánh không an ổn, lại nắm giữ các hành khiến thành tánh khổ, cho nên bậc Thánh do hành khổ hiện quán là khổ, ở trong các hành mà an trụ quán khổ.

**Hỏi:** Quán thế nào?

Đáp: Như độc, nhiệt, ung cho đến nói rộng như *Có tâm có tứ địa*, nên như vậy mà quán.

Lại có 3 chủng pháp nhiễm não tâm, nên biết nhiếp khắp tất cả nhiễm não, chỗ gọi là nghiệp nhiễm não, thọ nhiễm não và phiền não nhiễm não. Hai nhiễm não đầu chỉ ở hệ buộc Dục giới. Nhiễm não rốt sau hệ buộc thông cả ba cõi.

**Hỏi:** Những gì gọi là tâm phiền não phược?

Đáp: Tất cả tùy miên.

**Hỏi:** Những gì gọi là nghiệp phược?

Đáp: Vui đắm sự nghiệp gọi là nghiệp phược. Lại ở ba nơi gây tạo nghiệp chướng ngại, cũng gọi là nghiệp phược, đó là: ở nơi tâm xuất ly, ở nơi đắc hỷ lạc xuất ly và ở nơi đắc Thánh đạo. Lại nghiệp thuận dị thực chướng cũng gọi là nghiệp phược. Lại nghiệp tà nguyện cũng gọi là nghiệp phược. Bốn chủng như vậy nếu triển khai riêng thì có sáu, hợp chung là bốn.

**Hỏi:** Khi các thức sanh khởi, cùng bao nhiêu tâm pháp biến hành đồng khởi?

Đáp: Có năm: 1. Tác ý; 2. Xúc; 3. Thọ; 4. Tưởng; 5. Tư.

**Hỏi:** Lại cùng với bao nhiêu tâm pháp không

biến hành đồng khởi?

Đáp: Tâm pháp không biến hành có nhiều chủng, nhưng trội hơn chỉ có năm: 1. Dục; 2. Thắng giải; 3. Niệm; 4. Tam-ma-địa; 5. Tuệ.

Tác ý là gì? Là tâm hồi chuyển.

Xúc là gì? Là ba hòa hợp (căn, cảnh, thức).

Thọ là gì? Là lãnh nạp.

Tưởng là gì? Là biết rõ ảnh tượng. Lại có hai chủng: 1. Tưởng có nhận thức; 2. Tưởng ngôn thuyết tùy miên. Tưởng có nhận thức: là tưởng ngôn thuyết thiện thuộc người, trời... Tưởng ngôn thuyết tùy miên: là tưởng ngôn thuyết bất thiện thuộc loại anh nhi... cho đến cầm thú...

Tư là gì? Là tâm tạo tác.

Dục là gì? Là sự vui thích, rồi theo đó mà làm. Dục có tánh hành động.

Thắng giải là gì? Là đối với sự việc quyết định, rồi theo đó mà làm. Tánh năng tùy thuận.

Niệm là gì? Là đối với sự việc xuyên suốt tập, rồi theo đó mà làm. Tánh ghi nhớ rõ ràng.

Tam-ma-địa là gì? Là đối với sự việc quán sát, rồi theo đó mà làm, quán sát sâu sở y, tâm tánh nhất cảnh.

Tuệ là gì? Túc ở nơi sự việc quán sát, rồi theo đó mà làm. Tánh chọn lọc các pháp. Hoặc do như lý dẫn dắt, hoặc do không như lý dẫn dắt, hoặc do không như lý chẳng phải không như lý dẫn dắt.

Tác ý tạo nghiệp gì? Là năng dẫn phát tâm pháp.

Xúc tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp làm chỗ nương của thọ, tưởng, tư.

Thọ tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp làm chỗ nương của sự yêu thích.

Tưởng tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp đối với sở duyên khiến tâm phát khởi chủng chủng lời nói.

Tư tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp khiến phát khởi tâm tứ thân ngữ nghiệp...

Dục tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp phát động.

Thắng giải tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp đối với sở duyên, giữ gìn công đức, quá thất.

Niệm tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp đối với việc đã suy nghĩ, đã làm, đã nói từ lâu mà có thể nhớ nghĩ.

Tam-ma-địa tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp làm chỗ nương của trí.

Tuệ tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp đối với sở

hành hý luận nhiễm ô hoặc thanh tịnh, thuận theo, thúc đẩy, tìm hiểu.

**Hỏi:** Năm chủng tâm sở không biến hành đây, ở cảnh sự riêng biệt nào mà được sanh?

**Đáp:** Như thứ lớp đó thì ở nơi sự ưa thích mà quyết định xuyên suốt tu tập quán sát bốn cảnh sự khiến phát sanh. Tam-ma-địa và tuệ ở nơi cảnh cuối cùng, còn lại tùy thứ lớp ở ba cảnh trước.

**Hỏi:** Các tên gọi nhiếp lấy cùng tâm pháp tương ưng uẩn còn lại là bổng nhiên khởi, hay tầm cầu, hay quyết định?

**Đáp:** Nếu tâm nương loại kia, phải nói tức loại kia.

**Hỏi:** Như trong kinh nói: “Bốn vô sắc uẩn đây nên nói là hòa hợp, chẳng phải không hòa hợp. Không thể nói rằng các pháp như vậy có thể phân ra, có thể chia chẻ khiến thành sai biệt”. Cớ sao tướng thành thực của pháp kia khác nhau mà nói hòa hợp không có sự sai biệt?

**Đáp:** Vì nhiều nhóm hòa hợp, ở nơi cảnh sở duyên thọ dụng, lãnh nạp, hiểu biết mới được viên mãn. Nếu không như thế, tùy khuyết một chủng, ở nơi sự sở vi lễ không viên mãn.

**Hỏi:** Các tâm, tâm sở thường có bao nhiêu tên gọi sai khác?

**Đáp:** Chúng có nhiều tên: đó là có sở duyên, tương ưng, có hành, có sở y... vô lượng sai biệt.

**Hỏi:** Cớ sao nhãn... cũng có cảnh giới, mà chỉ nói tên gọi của tâm tâm sở kia là có sở duyên, chẳng phải là nhãn...?

**Đáp:** Do nhãn kia... là cảnh sở thủ cũng sanh khởi được. Tâm và tâm sở thì không như vậy.

**Hỏi:** Cớ sao có tên là tương ưng?

**Đáp:** Do sự... do xứ... do thời... do sở tác...

**Hỏi:** Cớ sao có tên là có hành?

**Đáp:** Vì ở nơi một sở duyên, tạo tác vô lượng chủng hành tướng sai biệt triển chuyển.

**Hỏi:** Cớ sao có tên là có sở y ?

**Đáp:** Do mỗi một chủng loại nương gá các sở y sai biệt mà chuyển. Tuy pháp hữu vi không phải không có nương, nhưng không phải nghĩa “nương” mà trong đây nói đến, vì chỉ có “thường hằng sở y” là đúng với nghĩa trên.

**Hỏi:** Cớ sao vui so với thọ khổ, khổ so với thọ vui, hoặc khổ hoặc vui so với không phải khổ vui, mà thuyết là xoay vần đối nhau?



**Đáp:** Do tự chủng loại của chính nó mà không đồng phạm, nên có sự xoay vần đối nhau.

**Hỏi:** Có sao thọ không khổ không vui so với vô minh kia mà nói là xoay vần đối nhau?

**Đáp:** Do tất cả phiền não cùng các thọ đều là trợ bạn xoay vần đối nhau.

**Hỏi:** Có sao minh và vô minh nói là xoay vần đối nhau?

**Đáp:** Vì năng trị và sở trị hỗ tương đối nhau.

**Hỏi:** Có sao minh và Niết-bàn nói là xoay vần đối nhau?

**Đáp:** Do nhân quả phụ thuộc xoay vần đối nhau.

Lại nữa, có sao kiến lập bốn vô sắc uẩn là tánh thiện, bất thiện, vô ký? Vì tất cả không có sự sai khác vậy.

Ốt-Đà-Nam nói:

*Y xứ cùng tự tánh*

*Tương ưng, thế tục thấy*

*Nhuyễn thấy, sự, sai biệt*

*Được, mất, năng sở trị.*

**Tánh thiện:**

**Hỏi:** Y xứ thiện pháp có bao nhiêu chủng?

**Đáp:** Lược thuyết có sáu: 1. Thời quyết định, 2. Thời dừng nghỉ; 3. Thời tác nghiệp; 4. Thời thế gian thanh tịnh; 5. Thời xuất thế gian thanh tịnh; 6. Thời nhiếp thọ chúng sanh.

**Hỏi:** Những gì là tự tánh?

**Đáp:** Đó là tín, tâm, quý, không tham, không sân, không si, tinh tấn, khinh an, không phóng dật, xả, bất hại. Các pháp như vậy gọi là tự tánh thiện.

**Hỏi:** Sao nói là các pháp như vậy có nghĩa tương ưng lẫn nhau?

**Đáp:** Thời quyết định có tín tương ưng. Thời dừng nghỉ tạp nhiễm có tâm và quý, vì quán xét mình người. Thời tác nghiệp phẩm thiện chuyển có không tham, không sân, không si và tinh tấn. Thời đạo thế gian ly dục có khinh an. Thời đạo xuất thế gian ly dục có không phóng dật và xả. Thời nhiếp thọ chúng sanh có bất hại, vì Bi nhiếp lấy vậy.

**Hỏi:** Các pháp thiện đây, thế tục có bao nhiêu, thật vật có bao nhiêu?

Đáp: Thế tục có ba: không phóng dật, xả và bất hại. Vì cố sao? Vì không phóng dật, xả là phần không tham, không sân, không si và tinh tấn. Tức là pháp như thế nghĩa là tạp nhiễm nên kiến lập là xả, nghĩa đối trị tạp nhiễm nên lập không phóng dật. Bất hại tức là phần không sân. Không có riêng thật vật.

**Hỏi:** Những gì gọi là thiện căn phẩm hạ?

Đáp: Là sở hữu thiện căn ở các bất định địa, hoặc tại định địa, hoặc năng đối trị phiền não phẩm thượng.

**Hỏi:** Những gì gọi là thiện căn phẩm trung?

Đáp: Hoặc thiện căn thế gian ở định địa, hoặc năng đối trị phiền não phẩm trung.

**Hỏi:** Những gì gọi là thiện căn phẩm thượng?

Đáp: Là sở hữu thiện căn của xuất thế gian, hoặc năng đối trị phiền não phẩm hạ. Lại các thiện pháp hoặc do lực gia hạnh, hoặc do lực xuyên suốt tu tập, hoặc do lực tự tánh, hoặc do lực điền sĩ, hoặc do lực thanh tịnh, nên biết thành tựu phẩm thượng.

**Hỏi:** Lúc thiện căn sanh nường bao nhiêu chủng sự?

Đáp: Nếu lược thuyết thì nương 8 chủng sự: 1. Sự thí, chỗ thành tựu phước nghiệp; 2. Sự giới, chỗ thành tựu phước nghiệp; 3. Sự tu, chỗ thành tựu phước nghiệp; 4. Sự do văn mà thành tựu; 5. Sự do tư mà thành tựu; 6. Sự do tu mà thành tựu; 7. Sự do chọn lựa mà thành tựu; 8. Sự do nhiếp thọ hữu tình mà thành tựu. Nên biết trong đây tùy chỗ thích hợp nương theo sự đã thuyết, hoặc ở hiện pháp, hoặc ở hậu pháp. Do trước kia tâm tương tục theo đuổi một chủng tham, sân, ác kiến nên thành uesthiễm; đã bị uesthiễm rồi, do đối trị khiến không trở lại tương ưng kia.

**Hỏi:** Những gì gọi là thiện pháp sai biệt?

Đáp: Hoặc có 1 chủng cho đến 10 chủng, như trong phần *Bản địa* đã rộng tuyên thuyết. Lại, các thiện pháp đây hoặc do đối trị tạp nhiễm, hoặc do tạp nhiễm lặn dứt, hoặc do nhiếp thọ quả khả ái, hoặc do thanh tịnh tương tục, hoặc do cúng dường, hoặc do nhiếp thọ hữu tình. Cần phải rõ biết tất cả thiện pháp sai biệt như vậy.

Lại nữa, thiện pháp không có lỗi lầm, vậy có công đức gì? Công đức thiện pháp có vô lượng chủng, đó là: năng sửa trị thanh tịnh tâm khiến là thiện

não triền và tùy miên, năng khiến ở nơi sở duyên không bị điên đảo, năng khiến thiện căn kiên cố bất thối, năng khiến hành đẳng lưu tương tục chuyển; không tự hại mình, không làm hại người, không làm hại cả hai; không sanh tội ở hiện pháp, không sanh tội ở hậu pháp, không sanh tội ở hậu pháp hiện pháp. Lại năng khiến lãnh thọ sự an vui, năng tận dứt các khổ, sanh làm bậc thượng thủ. Lại năng tăng trưởng thắng giải Niết-bàn, năng tiến gần Niết-bàn, năng khiến tài bảo địa vị không suy mất; ở trong đại chúng dùng mãn, không sợ hãi; danh xưng lưu bố rộng khắp mười phương, được các bậc hiền thánh xưng khen; lúc mạng chung không sanh ưu hối, sau khi thân hoại sẽ sanh về các đường thiện. Nếu nơi các thiện pháp không bị thối thất, sẽ năng nhanh chóng tùy chúng tự nghĩa như mong muốn. Hết thấy loại công đức thiện như vậy có vô lượng vô biên, cần rõ biết tường tận.

Sao gọi là kiến lập các thiện đối trị? Do 15 chủng: 1. Do lấy nhàm chán họa hoạn để đối trị; 2. Do lấy đoạn để đối trị; 3. Do lấy trì để đối trị; 4. Do đối trị phần xa; 5. Do đối trị sở dục hướng đến triền; 6. Do đối trị chẳng phải sở dục hướng đến

triền; 7. Do đối trị tùy miên; 8. Do đối trị phiền não phẩm nhuyễn; 9. Do đối trị phiền não phẩm trung; 10. Do đối trị phiền não phẩm thượng; 11. Do đối trị tán loạn; 12. Do đối trị huân hối; 13. Do đối trị hạ liệt; 14. Do đối trị chế phục; 15. Do đối trị lìa hệ buộc.

### ***Tánh bất thiện:***

Các pháp nhiễm ô được hiển bởi 2 tướng: 1. Gốc phiền não; 2. Tùy phiền não. Trước sẽ nói về gốc phiền não, sau sẽ phân biệt tùy phiền não.

**Hỏi:** Gốc phiền não có bao nhiêu chủng y xứ?

**Đáp:** Có 6 chủng y xứ: 1. Vô minh cùng cảnh giới tạp nhiễm vừa ý; 2. Vô minh cùng cảnh giới tạp nhiễm không vừa ý; 3. Không như lý tác ý cùng cảnh giới tạp nhiễm; 4. Vô minh cùng hữu tình thắng, trung, liệt ở nơi năm thủ uẩn mỗi mỗi riêng khác; đắc, chưa đắc điền đảo, công đức điền đảo; 5. Vô minh cùng không như lý tác ý, lắng nghe pháp bất chánh; 6. Vô minh cùng không như lý tác ý, ở nơi chánh pháp được nghe mà sanh giải đãi.

Nên biết ở y xứ thứ nhất có vui thích hòa hợp. Ở y xứ thứ hai có vui thích xa lìa. Ở y xứ thứ ba có

điên đảo ở nơi cảnh giới. Ở y xứ thứ tư có lãng miệt tăng thượng mạn. Ở y xứ thứ năm có tà hạnh chấp pháp. Ở chủng y xứ thứ sáu có không tu chánh hạnh, không trở lại đoạn diệt.

**Hỏi:** Tự tánh phiền não có bao nhiêu chủng?

Đáp: Có sáu chủng: 1. Tham; 2. Sân; 3. Vô minh; 4. Mạn; 5. Kiến; 6. Nghi.

**Hỏi:** Phiền não nào cùng phiền não nào tương ứng?

Đáp: Vô minh và tất cả nghi đều không tương ứng với phiền não khác. Tham, sân không qua lại tương ứng nhau. Hoặc kiến cùng mạn tương ứng, đó là lúc nhiễm ái hoặc cao cử, hoặc mong cầu. Như nhiễm ái, thì ghét khuyển cũng vậy. Hoặc kiến cùng mạn lại tương ứng, đó là lúc cao cử lại thêm tà thôi thúc mong cầu.

**Hỏi:** Các phiền não như vậy, thế tục có bao nhiêu, thật vật có bao nhiêu?

Đáp: Kiến là thế tục có, vì chính là phần tuệ. Còn lại là thật vật có, riêng có tánh tâm sở.

**Hỏi:** Các phiền não ấy làm thế nào kiến lập phẩm hạ, trung, thượng?

Đáp: Vị đoạn trừ cuối cùng gọi là phẩm hạ. Vị

đoạn trừ trung gian gọi là phẩm trung. Vị đọa trừ đầu tiên gọi là phẩm thượng.

Lại do 6 nguyên nhân khiến thành tựu các phiền não phẩm thượng: 1. Phiền não do tâm dục phát sanh, tánh phẩm thượng nhiều; 2. Phiền não do thường xuyên tập quen, tánh phẩm thượng nhiều; 3. Chìm ngập lâu nơi phiền não, đó là người có căn thành thực, tánh phẩm thượng nhiều; 4. Phiền não không thể đối trị, đó là người không pháp Niết-bàn, tánh phẩm thượng nhiều; 5. Phiền não do gia hạnh phi xứ, đó là những việc không tôn trọng phước điền, tánh phẩm thượng nhiều; 6. Có nghiệp phiền não, đó là người đang lúc phát nghiệp, tánh phẩm thượng nhiều.

**Hỏi:** Lúc phiền não sanh khởi do bao nhiêu sự phiền não mà được sanh?

**Đáp:** Tham do 10 sự: 1. Thủ uẩn; 2. Các kiến; 3. Cảnh giới chưa được; 4. Cảnh giới đã được; 5. Cảnh giới quá khứ đã thọ dụng; 6. Ác hạnh; 7. Nam nữ; 8. Thân hữu; 9. Vật dụng; 10. Hậu hữu và vô hữu.

**Hỏi:** Tham nào ở nơi sự nào sanh?

**Đáp:** Tùy theo thứ lớp 10 tham ở nơi 10 sự



sanh. Những gì là mười? Đó là tham sự, tham kiến, tham tham, tham bủn xỉn, tham cái, tham ác hạnh, tham con cái, tham thân hữu, tham vật dụng và tham hữu, tham vô hữu.

Sự sân cũng có 10 chủng: 1. Thân mình; 2. Chỗ hữu tình yêu thích; 3. Chỗ hữu tình không yêu thích; 4. Oán thân quá khứ; 5. Oán thân vị lai; 6. Oán thân hiện tại; 7. Cảnh không vừa ý; 8. Tật đố; 9. Tập quen đời trước; 10. Tha kiến.

Tùy theo thứ lớp 10 sự như vậy cũng có 10 sân sanh. Nương 6 sự trước mà lập 9 sự nào. Duyên tất cả sân kia gọi là sân của hữu tình, còn lại gọi là sân của cảnh giới. Nếu bất nhẫn làm tiền dẫn, cũng là sân của hữu tình. Hoặc sân do tập quen đời trước, hoặc sân do kiến chấp, gọi là sân kiến. Như vậy 10 sân lược có ba chủng: 1. Sân của hữu tình; 2. Sân của cảnh giới; 3. Sân kiến.

Vô minh nương 7 sự mà khởi: 1. Sự đời; 2. Sự an lập thế gian; 3. Sự chuyển vận; 4. Sự tối thắng; 5. Sự chân thật; 6. Sự tạp nhiễm, thanh tịnh; 7. Sự tăng thượng mạn.

Nương 7 sự đây khởi 7 điều không hiểu biết, hoặc lại 19 sự không hiểu biết. Nên biết ở sự ban

dầu do ba chủng môn sanh nghi hoặc. Ở sự thứ hai do nội sáu xứ, hoặc ngoại sáu xứ, hoặc đồng sanh kiến ngã, ngã sở, oán, thân... Ở sự thứ ba do nghiệp dị thực đồng sanh với kiến tác giả, thọ giả, không nhân, ác nhân. Ở sự thứ tư phỉ báng Tam Bảo. Ở sự thứ năm phỉ báng các đế. Ở sự thứ sáu khởi hạnh hiểu biết tà. Ở sự thứ bảy nương nghĩa mình đã đắc mà khởi tăng thượng mạn.

Mạn nương 6 sự mà sanh: 1. Hữu tình kém hơn; 2. Hữu tình ngang bằng; 3. Hữu tình vượt hơn; 4. Nội thủ uẩn; 5. Đã đắc, chưa đắc điên đảo; 6. Công đức điên đảo. Nương 6 sự đây sanh 7 chủng mạn là mạn, quá mạn... Nên biết hai mạn đây nương sự vượt hơn hữu tình mà phát khởi; còn lại mỗi mạn nương một sự mà phát khởi.

Kiến nương 2 sự mà sanh: 1. Sự tăng thêm; 2. Sự tổn giảm.

Sự tăng thêm có 4 chủng: 1. Tăng thêm tánh ngã, hữu; 2. Tăng thêm tánh thường, vô thường; 3. Tăng thêm phương tiện tăng thượng sanh; 4. Tăng thêm phương tiện giải thoát.

Sự tổn giảm cũng có 4 chủng: 1. Phỉ báng nhân; 2. Phỉ báng quả; 3. Phỉ báng tác dụng; 4. Phỉ

báng sự thiện. Trong đây không thí cho đến không diệu hạnh, ác hạnh, gọi là phỉ báng nhân. Nghiệp ác hạnh, diệu hạnh không có quả dị thực, gọi là phỉ báng quả. Không thế gian cho đến không hóa sanh hữu tình, gọi là phỉ báng tác dụng. Vì có sao? Trong đây các dụng sĩ phu là nghĩa tác dụng. Dụng sĩ phu đây lại có 4 chủng: 1. Dụng đến đi; 2. Dụng giữ gìn thai tạng; 3. Dụng sắp đặt chủng tử; 4. Dụng của nghiệp hậu hữu. Thế gian không có A-la-hán... gọi là phỉ báng sự thiện. Như vậy nương đây mà rộng nói 8 sự.

Lại hai sự sanh 5 kiến: đó là thân kiến, chấp biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và tà kiến.

Lại nương 62 sự phát sanh chấp biên kiến và tà kiến là sự kế chấp tiền tế và sự kế chấp hậu tế như kinh đã rộng thuyết. Nương sự sai biệt đây nên có 62 kiến.

Nghi-nương 6 sự mà sanh: 1. Không được nghe chánh pháp; 2. Gặp thầy hành tà kiến; 3. Đã có tín thọ mà ý kiến sai khác; 4. Tánh tự ngu muội; 5. Pháp tánh thâm sâu; 6. Giáo pháp rộng sâu.

**Hỏi:** Những gì gọi là phiền não sai biệt?

**Đáp:** Tất cả lược có 15 chủng sai biệt: 1. Nội

môn phiền não; 2. Ngoại môn phiền não; 3. Phiền não kiến sở đoạn; 4. Phiền não tu sở đoạn; 5. Phiền não nhiếp thuộc triền do hướng đến sự khả ái; 6. Phiền não nhiếp thuộc triền do hướng đến sự không khả ái; 7. Phiền não nhiếp thuộc tùy miên; 8. Phiền não phẩm nhuyễn; 9. Phiền não phẩm trung; 10. Phiền não phẩm thượng; 11. Phiền não ở vị tán loạn; 12. Phiền não ở vị cải hối; 13. Phiền não ở vị yếu liệt; 14. Phiền não ở vị chế phục; 15. Phiền não ở vị lìa hệ buộc.

Lại phiền não có nhiều lỗi lầm, không có công đức, đó là tâm bị nhiễm ô tương tục... nói rộng như *Có tâm có tứ địa* đã thuyết.

Lại phiền não không năng đối trị phiền não, tuy kinh nói nương ái đoạn ái, nương mạn đoạn mạn, nhưng chẳng nói phiền não, duy chỉ nhờ vào việc tâm thiện gia hạnh. Hành tướng cao cử cùng với tương tợ kia giả nói là ái mạn.

Lại như trước đã thuyết 15 chủng đối trị tâm sai biệt, nên biết phiền não sở trị của kia cũng có 15 chủng.

Lại nữa, sao gọi là y xứ của tùy phiền não? Lược có 9 chủng: 1. Triển chuyển cộng trú; 2. Triển

chuyển nêu cử lẫn nhau; 3. Lợi dưỡng; 4. Tà mạn; 5. Bất kính tôn sư; 6. Bất nhẫn; 7. Hủy tăng thượng giới; 8. Hủy tăng thượng tâm; 9. Hủy tăng thượng tuệ.

Sao gọi là tự tánh tùy phiền não? Đó là phần, hận, phú, não, tật, khan, cưỡng, siểm, kiêu, hại, không tâm, không quý, hôn trầm, trạo cử, bất tín, giải đãi, phóng dật, vọng niệm, tán loạn, không chánh biết, ác tác, thù miên, tầm tứ, như phần *Bản địa* đã rộng tuyên thuyết. Hết thấy loại như vậy gọi là tự tánh của tùy phiền não.

Trong đây tự tánh ban đầu và thứ hai nương y xứ thứ nhất mà sanh. Thứ ba, thứ tư nương y xứ thứ hai mà sanh. Thứ năm, thứ sáu nương y xứ thứ ba mà sanh. Thứ bảy, thứ tám nương y xứ thứ tư mà sanh. Thứ chín nương y xứ thứ năm mà sanh. Thứ mười nương y xứ thứ sáu mà sanh. Mười một, mười hai nương y xứ thứ bảy mà sanh. Ngoài thứ mười hai thì nương các y xứ sau mà sanh.

Nên biết trong đây hủy tăng thượng tâm, hủy tăng thượng tuệ do ba môn chuyển: 1. Do hủy môn tướng chỉ; 2. Do hủy môn tướng cử; 3. Do hủy môn tướng xả. Hôn trầm, thù miên do y xứ ban đầu mà

sanh. Trạo cử, ác tác do y xứ thứ hai mà sanh. Bất tín cho đến tầm tứ do y xứ thứ ba mà sanh.

Sao gọi là tùy phiền não triển chuyển tương ưng? Nên biết không tà, không quý tương ưng với tất cả bất thiện. Bất tín, giải đãi, phóng dật, vọng niệm, tán loạn, ác tuệ tương ưng với tất cả tâm nhiễm ô. Thùy miên, ác tác tương ưng với tất cả thiện, bất thiện, vô ký. Còn lại nên biết xoay vần không tương ưng nhau.

Sao gọi là tùy phiền não thế tục có bao nhiêu, thật vật có bao nhiêu? Vì phần, hận, não, tật, hại thuộc phần sân, đều là thế tục có. Vì khan, kiêu, trạo cử thuộc phần tham, đều là thế tục có. Vì phú, cưỡng, siểm, hôn trầm, thùy miên, ác tác thuộc phần si, đều là thế tục có. Không tà, không quý, bất tín, giải đãi là thật vật có. Phóng dật là giả có như trước đã thuyết. Vì vọng niệm, tán loạn, ác tuệ thuộc phần si, nên tất cả đều là thế tục có. Hai chủng tầm và tứ là phần gia hạnh của tâm phát ra lời nói và phần tuệ, nên đều là giả có.

Sao gọi là thành tựu tùy phiền não phẩm hạ, trung, thượng? Nên biết đã thuyết về gốc phiền não, thì tùy phiền não cũng vậy.

Như vậy hoặc sự, hoặc sai biệt, hoặc lỗi lầm, hoặc sở tri của tùy phiền não, nên biết tùy theo chỗ thích hợp đều như phiền não.

**Tánh vô ký:**

**Hỏi:** Những gì là y xứ của pháp vô ký?

**Đáp:** Lược có 4 chủng y xứ là: nghiệp dẫn dắt khiến sanh, sanh rồi hoặc đi đứng, hoặc nuôi dưỡng mạng, hoặc tam-ma-địa sai biệt.

**Hỏi:** Tự tánh của các pháp vô ký là gì?

**Đáp:** Là uẩn dị thực sanh, hoặc nhiếp thuộc gia hạnh trung dung, cách thức oai nghi và công xảo xứ, hoặc biến hóa nhiếp vào gia hạnh chỉ để vui chơi.

**Hỏi:** Sao gọi là kia triển chuyển tương ưng?

**Đáp:** Cách thức oai nghi và công xảo xứ hoặc có lúc triển chuyển tương ưng, như nói: hoặc có lúc có sự nghiệp hạnh dễ làm, chẳng phải đứng, chẳng phải ngồi, cũng chẳng phải nằm, cho đến hoặc có sự nghiệp đều dễ làm, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm... như kinh đã nói rộng. Còn lại không có triển chuyển tương ưng.

**Hỏi:** Các pháp vô ký đây, thật vật có bao nhiêu,

giả có có bao nhiêu?

**Đáp:** Vì ở dị thực nhiếp lấy các uẩn và trong tâm gia hạnh sai biệt mà thi thiết, nên biết tất cả đều là thế tục có.

**Hỏi:** Sao gọi là vô ký thành tựu phẩm hạ, trung, thượng?

**Đáp:** Đó là dị thực sanh và cách thức oai nghi không mãnh lợi đều là phẩm hạ. Tánh nhạy bén ở nơi các công xảo xứ gọi là phẩm trung. Tánh biến hóa cực nhạy bén gọi là phẩm thượng. Lại có bốn chủng loại, mỗi loại đều có sự khác biệt, đó là: dị thực Vô sắc giới là phẩm hạ, dị thực Sắc giới là phẩm trung, dị thực Dục giới là phẩm thượng. Hoặc ngồi, hoặc nằm là oai nghi bậc hạ, đứng là oai nghi bậc trung, đi là oai nghi bậc thượng. Nghiệp tập ban đầu là công xảo bậc hạ, thường xuyên tập là công xảo bậc trung, kham năng làm thầy là công xảo bậc thượng. Tu tam-ma-địa phẩm hạ, sở đắc là biến hóa bậc hạ; tu tam-ma-địa phẩm trung, sở đắc là biến hóa bậc trung; tu tam-ma-địa phẩm thượng, sở đắc là biến hóa bậc thượng. Tất cả loại như vậy là bậc hạ, trung, thượng sai khác.

**Hỏi:** Các vô ký đây nương sự nào sanh?



Đáp: Lược thuyết thì nương 12 sự như trong *Văn sở thành địa* đã thuyết.

**Hỏi:** Sao gọi là các vô ký sai biệt?

Đáp: Vì dị thực sanh của năm đường riêng khác, nên có 5 chủng sai biệt. Hoặc vì cách thức oai nghi sai biệt nên có 4 chủng sai biệt. Hoặc vì công xảo xứ có 12 sự sai biệt, tức là 12 chủng sai khác. Vì dị sanh Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai sai biệt, vì vui chơi, vì lợi người mà hóa hiện thân, ngữ sai khác, nên biết có 8 chủng biến hóa sai khác. Do sai biệt đây tức là nhiếp sự việc khác nhau nên không nói riêng.

Lại dị thực sanh thì một hướng vô ký, còn hai, ba thì có thể đắc. Một có hai chủng: hoặc nương kỹ nhạc vui chơi, dụng tâm nhiễm ô mà phát khởi oai nghi, chính là tánh nhiễm ô; hoặc nương tịch tĩnh, tức là tánh thiện; hoặc nương nhiễm đấm mà phát khởi công xảo, chính là tánh nhiễm ô; hoặc khéo gia hạnh mà phát khởi công xảo, tức là tánh thiện; hoặc vì dẫn đường cho người, hoặc vì lợi ích các hữu tình mà khởi biến hóa, nên biết là thiện, đây không nhiễm ô.

Lại nữa, năm uẩn như vậy nhiếp thuộc bao nhiêu đế? Lại các đế đây nhiếp thuộc bao nhiêu uẩn? Nên biết ba đế và năm uẩn xoay vần nhiếp lẫn nhau. Diệt đế và các uẩn không nhiếp lẫn nhau, vì tánh diệt đế là chỗ hiển hiện kia tịch tĩnh vậy.

**Hỏi:** Như trong *Thanh văn địa* đã thuyết, ở trong bốn đế có 16 quán hành, cơ sao ở Khổ đế có 4 quán hành?

Đáp: Vì muốn đối trị bốn diên đảo: một hành đầu tiên đối trị diên đảo đầu tiên; một hành kế đối trị diên đảo thứ hai; hai hành sau đối trị diên đảo thứ ba và thứ tư.

**Hỏi:** Cơ sao ở Tập đế có bốn quán hành?

Đáp: Do có bốn chủng ái. Bốn chủng ái đây do thường, lạc, tịnh, ngã ái sai khác, nên kiến lập sai khác. Ái thứ nhất làm duyên kiến lập ái hậu hữu. Ái thứ hai, thứ ba làm duyên kiến lập ái đồng hành hỷ tham và ái hy lạc kia kia. Ái sau cùng làm duyên kiến lập một ái riêng, ái đây đuổi theo tự thể.

Sao gọi là ái? Vì ở nơi tự thể, gần gũi yêu thích ẩn sâu.

Sao gọi là ái hậu hữu? Vì truy cầu tự thể đương lai sai khác.

Sao gọi là ái đồng hành hỷ tham? Ở hiện tiền, hoặc ở nơi sắc, hương, vị, xúc, pháp khả ái đã đắc mà sanh khởi ái tham trước.

Sao gọi là ái hy lạc kia kia? Ở nơi sắc khả ái... khác, lại khởi yêu thích mong cầu.

**Hỏi:** Cớ sao ở Diệt đế có bốn chủng quán hành?

**Đáp:** Do chỗ hiển bốn chủng ái diệt.

**Hỏi:** Cớ sao ở Đạo đế có bốn chủng quán hành?

**Đáp:** Do năng chứng bốn ái kia diệt.

Lại nữa, như *Thanh văn địa* đã thuyết 10 chủng hành tướng hoại, trong đây vô sở đắc là sao? Vì chỉ có căn, chỉ có cảnh giới, chỉ có kia sở sanh thọ, chỉ có kia sở sanh tâm; chỉ có kế chấp ngã, ngã tướng; chỉ có kế chấp ngã, ngã kiến; chỉ có ngã, ngã ngôn thuyết hý luận. Trừ bảy điều đây, thật tướng ngã khác rõ là chẳng thể có được. Không tự tại là sao? Vì các duyên sanh tướng vô thường khổ nhiếp lấy các hành là tướng ngã.

**Hỏi:** Mười hành tướng đây thì hành tướng nào nhiếp hoại khổ?

Đáp: Do hành tướng kết và biến hoại tăng thượng sanh khởi ưu ão, nên biết là tána hoại khổ. Chẳng phải duy chỉ có biến hoại, vì người đã lia ưu, tuy lại gặp gỡ mà kia chẳng thể gây hại được.

**Hỏi:** Những hành tướng nào nhiếp khổ khổ?

Đáp: Do hành tướng không khả ái.

**Hỏi:** Những hành tướng nào nhiếp hành khổ?

Đáp: Do hành tướng không an ổn.

Lại nữa, như kinh nói sanh khổ lược nhiếp năm thủ uẩn khổ, các tướng khổ như vậy, khổ khổ nhiếp bao nhiêu? – Năm khổ đầu tiên. Hoại khổ nhiếp bao nhiêu? – Hai khổ ở phần giữa. Hành khổ nhiếp bao nhiêu? – Một khổ sau cùng.

Lại nữa, bảy khổ đầu nhiếp thuộc khổ khổ. Phiền ão tịnh diệu sở đối trị nhiếp thuộc hoại khổ. Một khổ sau cùng nhiếp thuộc hành khổ. Cho nên Thế Tôn nói: “Tâm nhập vào biến hoại”. Lại tác lời như vậy: “Vì triền cái, vì lãnh thọ kia tâm phát sanh các ưu khổ, vì biết phiền ão hoại khổ, cho nên đạo lý khổ thành tự”.

Lại như kinh nói có bốn chủng khổ: 1. Sanh khổ; 2. Nội duyên khổ; 3. Ngoại duyên khổ; 4. Thô

trọng khổ.

**Hỏi:** Trong đây hành nào nhiếp khổ nào? Khổ nào nhiếp hành nào?

**Đáp:** Hành ban đầu và khổ ban đầu triển chuyển nhiếp lẫn nhau. Ba hành tiếp theo và khổ thứ hai triển chuyển nhiếp lẫn nhau. Ba hành kế và khổ thứ ba triển chuyển nhiếp lẫn nhau. Một hành sau cùng và khổ sau cùng triển chuyển nhiếp lẫn nhau. Trước đã thuyết về tự tánh ái sai biệt nên kiến lập bốn chủng hành tương tập đế, nên biết là sanh. Nay nói về quả sai biệt của bốn chủng khổ.

Lại nữa, 16 hành đây bao nhiêu hành không? –Có 2 hành, đó là 2 hành sau của khổ đế. Bao nhiêu hành vô nguyên? –Có 6 hành, đó là 2 hành trước của khổ đế và tất cả tập đế. Bao nhiêu hành vô tướng? –Là tất cả diệt đế. Bao nhiêu hành hiển nhân thanh tịnh? –Là tất cả đạo đế.

**Hỏi:** Nói chung do tướng vô thường năng trụ tướng vô ngã, cứ sao trong đây trước lại thuyết không?

**Đáp:** Trong phạm vi đã sanh quán vô ngã, lại do quán vô thường kiến lập vô nguyên, vì lấy hai

quán này trước sau triển chuyển tu trị lẫn nhau.

Lại nữa, thứ lớp bốn Thánh đế được rọi như vậy: do đây nên khổ là đầu tiên; như đây nên khổ là thứ hai. Hai khổ đây rớt ráo nhiếp thuộc phẩm hắc. Do đây nên lạc là thứ ba; như đây nên lạc là thứ tư. Hai lạc đây rớt ráo nhiếp thuộc phẩm bạch. Đây dụ như bệnh, nguyên nhân bệnh, lành bệnh, thuốc trị bệnh.

Lại có cách nói khác: Như thế gian tiếp xúc thứ lớp khổ, nên kiến lập thứ lớp Thánh đế. Vì có sao? Những kẻ thế gian đã từng gặp khổ, ở nơi khổ đây trước phát khởi tác ý. Kế lại ở nơi nhân của khổ đã gặp. Kế lại ở nơi khổ ấy giải thoát. Sau cùng ở nơi phương tiện giải thoát, phát khởi tác ý.

**Hỏi:** Sao gọi là nghĩa đế?

**Đáp:** Như sở thuyết tức là nghĩa không xả bỏ, xa lìa nhau. Do quán tướng đây nên đạt đến nghĩa rớt ráo thanh tịnh. Đây chính là nghĩa đế.

**Hỏi:** Sao gọi là nghĩa Khổ đế?

**Đáp:** Nghĩa phiền não sanh khởi hành.

**Hỏi:** Sao gọi là nghĩa Tập đế?

**Đáp:** Nghĩa năng sanh khổ đế.

**Hỏi:** Sao gọi là nghĩa Diệt đế?

Đáp: Nghĩa kia đều tịch diệt.

**Hỏi:** Sao gọi là nghĩa Đạo đế?

Đáp: Nghĩa năng thành ba đế.

**Hỏi:** Bốn thánh đế như vậy nhiếp thuộc thế tục đế hay nhiếp thuộc thắng nghĩa đế?

Đáp: Nhiếp thuộc thắng nghĩa đế. Vì có sao? Ở trong các hành thuận theo khổ, lạc, không khổ không lạc, thì do tự tướng của kia sai khác nên kiến lập thế tục đế; do cộng tướng của kia chỉ một vị khổ nên kiến lập thắng nghĩa đế.

**Hỏi:** Duyên nào mà nói biết khắp khổ đế, vĩnh viễn đoạn tập đế, xúc chứng diệt đế và tu tập đạo đế?

Đáp: Do khổ đế kia thì chỗ nương tựa là bốn diên đảo, vì trừ diên đảo nên biết khắp khổ. Đã biết khắp khổ, tức biết khắp tập. Do tập đế kia bị khổ đế nhiếp lấy, tuy biết khắp khổ, nhưng vì sự đuổi theo của tập đế, nên lại thuyết vĩnh viễn đoạn tập đế. Lại nói xúc chứng, tức là nghĩa hiện kiến, do hiện tiền kiến ở nơi diệt đế nên không sanh khiếp sợ, lại vui thích nhiếp thọ, cho nên kể thuyết xúc chứng diệt đế. Nếu siêng tu đạo, bền vững thành tựu cả ba nghĩa đã thuyết, cho nên

thuyết tu tập đạo để sau cùng.

**Hỏi:** Hiện quán để có bao nhiêu chủng? Tương dây thế nào?

Đáp: Nghĩa quyết định là nghĩa hiện quán. Nghĩa dây tức là ở trong các đế, quyết định trí tuệ và nhân kia, tương ứng với kia, pháp cộng hữu với kia làm thể. Đây gọi là tương hiện quán. Đây lại có 6 chủng như *Có tâm có tứ địa* đã thuyết.

Trong đây, sao gọi là *hiện quán đầu tiên*? Là ở nơi các đế quyết định tư duy.

Sao gọi là *hiện quán thứ hai*? Là 3 chủng tịnh tín đối với Tam Bảo, vì đối với nghĩa Bảo đã được quyết định và trí tuệ quyết định do nghe mà thành tựu.

Sao gọi là *hiện quán thứ ba*? Là giới mà bậc Thánh yêu thích, vì đối với các bất luật nghi là nhân dẫn đến nghiệp đường ác, quyết định không còn gây tạo.

Sao gọi là *hiện quán thứ tư*? Vì ở trong đạo gia hạnh, tích tập tư lương đã cực viên mãn, vì khéo phương tiện gọt giũa tâm, nên từ ngăn mé thiện căn thuận phần quyết trạch của thế gian không gián đoạn, đầu tiên, bên trong khiến trừ tâm duyên



giả pháp hữu tình sanh, năng đoạn trừ phiền não sở đoạn thô trọng phẩm hạ của vị kiến đạo. Từ đây không gián đoạn, thứ hai, bên trong khiến trừ tâm duyên giả pháp các pháp mà sanh, năng đoạn trừ phiền não sở đoạn thô trọng phẩm trung của vị kiến đạo. Từ đây không gián đoạn, thứ ba, khiến trừ khắp tất cả tâm duyên giả pháp hữu tình các pháp mà sanh, năng trừ tất cả phiền não sở đoạn thô trọng ở vị kiến đạo.

Lại hiện quán đây tức là kiến đạo, cũng gọi là đạo song vận. Trong đây tuy có 3 tâm thuộc phẩm Tỳ-bát-xá-na và 3 tâm thuộc phẩm Xa-ma-tha, nhưng do chuyển vận song song, nên hợp lại thành 3 tâm. Vì lấy ở trong một sát-na Chỉ Quán cùng khả đắc, nên biết các tâm đây chỉ duyên cảnh phi an lập đế. Lại hai tâm trước tương ưng pháp trí, tâm thứ ba tương ưng loại trí. Lại do thế lực tâm đây, nên ở trong an lập đế là khổ... có vị hiện quán thứ hai thanh tịnh vô ngại, sanh khởi khổ trí... Nên biết vì nương trí đây, nên khổ, tập, diệt, đạo trí được thành lập. Ba tâm trước bao gồm cả phẩm Chỉ Quán năng chứng phiền não kiến sở đoạn tịch diệt, năng đắc vĩnh viễn diệt tất cả phiền não và

sự sở y của đạo xuất thế gian. Đây gọi là hiện quán trí hiện quán đế.

Sao gọi là *hiện quán biên trí hiện quán đế thứ năm*? Vì hiện quán đây về sau sẽ đắc trí, gọi là hiện quán biên trí. Nên biết trí của tâm thứ ba đây không gián đoạn, từ vị kiến đạo phát khởi mới hiện tại tiền; duyên thế trí trước đã từng quán sát hai địa thượng và hạ và hai cảnh an lập đế tăng thượng. Giống như pháp trí, loại trí, thì thế tục trí nhiếp thông cả thế, xuất thế, chính là xuất thế gian hậu sở đắc trí. Như thứ lớp đây ở mỗi một đế đều có hai chủng trí sanh đó là: nhãn khả dục lạc trí và hiện quán quyết định trí. Như vậy trước đã nương hiện quán khởi rồi, ở trong các đế thượng và hạ, hai của hai trí sanh khởi. Đây gọi là hiện quán biên trí hiện quán đế.

Trong đây, vì trí trước loại bỏ duyên giả pháp, nên là vô phân biệt. Vì trí sau đuổi theo duyên giả pháp là có phân biệt.

Lại trí trước ở trong y chỉ, năng đoạn trừ tùy miên phiền não kiến sở đoạn. Vì trí sau tư duy sở duyên khiến kia đoạn trừ hẳn không khởi trở lại.

Lại trí trước năng tiến đến tu đạo trong đạo

đoạn xuất thế. Trí thứ hai năng tiến đến trong đạo đoạn thế, xuất thế. Chỉ thuần đạo thế gian không thế khiến tùy miên kia vĩnh viễn bị hại diệt. Vì có sao? Bởi đạo thế gian và vì tướng chấp dẫn phát. Như tướng chấp dẫn dắt, như vậy chẳng năng khiến các tướng kia tiêu mất. Như các tướng chẳng thế tiêu mất, như vậy cũng chẳng năng vĩnh viễn đoạn trừ thô trọng. Cho nên đạo thế gian kia không có nghĩa vĩnh viễn đoạn trừ các tùy miên.

Sao gọi là *hiện quán cứu cánh*? Do vĩnh viễn đoạn trừ tu sở đoạn, nên sở hữu tận trí, vô sanh trí sanh khởi, hoặc chỉ một hướng xuất thế, hoặc thông cả thế, xuất thế. Vì ở trong hiện pháp tất cả phiền não quyết chắc đoạn trừ vĩnh viễn, vì ở đời đương lai tất cả sự y quyết chắc diệt vĩnh viễn, nên gọi là hiện quán cứu cánh.

Những gì gọi là xuất thế tận trí? Tức là trí ở nơi tận cùng vô phân biệt. Những gì gọi là thế, xuất thế tận trí? Tức là trí ở nơi tận cùng có phân biệt. Những gì gọi là xuất thế vô sanh trí? Tức là nghĩa nhân của sự y đây diệt, nên trong đời đương lai sự y không sanh, sở hữu trí vô phân biệt. Những gì gọi là thế, xuất thế vô sanh trí? Trong đời đương

lai sự y không sanh, sở hữu trí có phân biệt.

Lại nữa, có chủng tánh Bà-la-môn kiến lập ba điều là thật là đế. Nhưng chủng tánh các Bà-la-môn kia ở nơi ba điều đây rơi vào ba lỗi lầm nhiễm ô cấu bẩn tâm. Nếu nương đệ nhất nghĩa Bà-la-môn, thì những kẻ kia đều thuộc trong số chẳng phải Phạm chí. Những gì là ba điều? **1.** Do dưỡng mạng; **2.** Do tu phước; **3.** Do an lập quả.

**1.** Do dưỡng mạng: Chủng tánh các Bà-la-môn kia vì kế sanh nhai, ở trước thí chủ hoặc chú nguyện, hoặc xưng khen tán thán, hoặc tự thuật.

Chú nguyện: như có chủng tánh Bà-la-môn kia vì mong cầu một trong các vật nuôi thân, nên đến chỗ nhà vua, hoặc đại thần của vua, hoặc các trưởng giả, Bà-la-môn, cư sĩ, thương chủ.. giả dối bày trò chú nguyện. Như cầu nguyện cho oán địch của họ đều bị hàng phục, tiêu diệt, các tai họa bất ngờ được giải tan. Lại nguyện cho họ được kết tường chẳng bao giờ đổi khác, không gì có thể xâm đoạt.

Khen ngợi tán thán: Kẻ kia vì mong cầu nên đến chỗ ở của người, rồi giả dối khen ngợi: “Ông thật dũng mãnh, có nhiều mưu sách khéo hại oán

địch”. Lại đến chỗ oán hại của kia, giả dối bày trò nói rằng: “Người gặp phải bọn như thế, như thế... lại năng hại trừ oán địch thật là hy hữu, thế gian khó có người như các ông”. Lại giả dối khen ngợi kẻ có tài vị hưng thịnh dài lâu: “Thế gian thật khó có được người thành tựu kiết tường không hoại như vậy”.

Tự thuật: Kẻ kia vì mong cầu mà đi đến chỗ ở của người, hư vọng tự phát lời rằng: “Ông khéo thành tựu tướng đại trượng phu, chẳng bao lâu nhất định tất cả oán địch đều bị tiêu diệt, các tai ương họa hoạn cũng chẳng còn. Nếu ông thành tựu tướng như vậy, nhất định mãi mãi kiết tường không chuyển hoại”. Hoặc nói lời: “Như ông, hoặc những nhà thân hữu của ông, hoặc nhà thí chủ, thường không có Sa-môn, Bà-la-môn khác dễ dàng được cấp thí, chỉ có ta thường được cung kính cúng dường y phục, ăn uống, ngọa cụ...”. Kẻ kia do phương tiện như vậy nên thu được lợi dưỡng, lại sanh sâu đắm trước, mê muội chìm đắm, chấp thủ kiên cố mà thọ dụng.

**2. Do tu phước:** Như có chủng tánh các Bà-la-môn tuyên bố việc sát hại vô lượng chúng sanh để

phục vụ cúng tế sẽ được phước, tuyên bố việc cúng tế sẽ gặt hái quả tốt. Lại vì muốn thu gom nhiều vật dụng nuôi sống thượng đế, nên triệu tập vô lượng quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ gia nhập thiết lễ cúng tế. Kia đã thu được như vậy lại chấp là vật sở hữu của mình, khởi tâm lãng miệt lẫn nhau. Nên biết kia có ba lỗi lầm như vậy.

**3. Do an lập quá:** Như chủng tánh các Bà-la-môn kia tự nói rằng: “Thân A-tổ-lạc còn có thể bị giết hại, thân Trời là thường còn, chủng tánh Bà-la-môn là hơn cả, tất cả chủng tánh khác đều thấp kém... nói rộng cho đến các Bà-la-môn là do Đại phạm sanh ra, Đại phạm hóa ra”. Bà-la-môn kia kế chấp như thế lập luận như thế, nên gọi là an lập quá.

Như vậy, chủng tánh Bà-la-môn chấp thủ sâu dày ba điều đây, nên theo đó dấy khởi ngôn luận chỉ cho đây là chân là thật, khác đây đều là ngu mê hư vọng.

Những gì gọi là do ba lỗi lầm nhiễm ô cấu bẩn tâm? Đó là do lỗi lầm của lời nói, do lỗi lầm của kiêu mạn, do lỗi lầm của nhận thức. Nếu ở ba điều trên mà ngữ nghiệp tà chuyển, đây gọi là lỗi lầm

của lời nói. Nếu ở ba điều trên mà thi thiết kiến lập, cũng tùy phát khởi ngôn luận bất chánh so sánh với người khác, cho là hoặc hơn, hoặc bằng, hoặc kém; đây gọi là lỗi lầm của kiêu mạn. Nếu ở ba điều trên mà chẳng quán xét là được hay mất, chỉ một hương tín thọ, tuy được gặp Phật và đệ tử Phật chánh dạy trao về thị xứ, phi xứ, nhưng chẳng thể đi vào chánh đạo phân biệt, chẳng thể đi vào chánh đạo về luận của các bậc trí, chẳng thể đi vào chánh đạo an trụ chân chánh. Nên biết gọi là lỗi lầm của nhận thức. Ba lỗi lầm đây nên biết đều là chỗ sanh khởi ác kiến. Nếu có người trụ ở ba điều đây sẽ rơi vào lỗi lầm như trên, tuy là chủng tánh các Bà-la-môn nương đệ nhất nghĩa, nhưng kẻ kia đều rơi trong số chẳng phải Phạm chí.

Lại nếu có người kiến lập ba điều là chân là thật, nhưng ở nơi ba điều không có ba lỗi lầm nhiễm ô cấu bẩn tâm, người kia tuy chẳng phải chủng tánh Bà-la-môn, nhưng thuộc trong số Bà-la-môn đệ nhất nghĩa.

Những gì gọi là ba điều? Đó là “chẳng nên hại tất cả chúng sanh”, đây là điều đầu tiên. Điều được nói đây chỉ là chân chỉ là thật, chẳng hư vọng. Cho

nên người kia ở điều đây không có lỗi lầm của lời nói nhiễm ô cấu bản tâm. Lại nương điều đây, không dùng ngôn luận thật đế mà so sánh với các người khác, cho là hoặc hơn, hoặc bằng, hoặc kém. Cho nên người kia ở điều đây không có lỗi lầm kiêu mạn nhiễm ô cấu bản tâm. Lại ở điều đây quán chiếu sâu sự được mất, quán sở duyên của kia năng tăng trưởng thiện pháp, lại năng nhiếp lợi ích thân tâm không tội, hiện pháp lạc trú, đối với các hữu tình đêm ngày tu học, an trụ nhiều nơi tưởng từ. Lại ở điều đây, không tin theo người khác mà hành, bên trong tự hiểu biết chân chánh là đế là thật, mà ở nơi thật đế không hư vọng chấp trước. Cho nên người kia ở điều đây không có lỗi lầm nhận thức nhiễm ô cấu bản tâm. Như vậy “tất cả hành vô thường” gọi là điều thứ hai, còn lại như trước thuyết. Như vậy “tất cả pháp vô ngã” gọi là điều thứ ba, còn lại như trước đã thuyết.

Trong đây khác biệt đó là: Ở điều chân thật thứ hai thay đổi là “ở nơi tất cả hành, đêm ngày tu học trụ quán sanh diệt”. Ở điều chân thật thứ ba thay đổi là “ở nơi tất cả pháp, đêm ngày tu học nhiều trụ tưởng không ngã, ngã sở”. Nếu thường ở



ba điều đây thì không có lỗi lầm nhiễm ô nơi tâm, cho nên người kia tuy không phải chủng tánh Bà-la-môn, nhưng thuộc trong số Bà-la-môn đệ nhất nghĩa.

Như vậy ba điều đây thành tựu pháp chân thật của Bà-la-môn, xa lìa ba lỗi lầm, duy chỉ có Như Lai là bậc Chân Giác.

